

Số: 317 /CV-JTEC

Thiên Lộc, ngày 31 tháng 7 năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho cơ sở “Nhà
máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện”

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Chúng tôi là Công ty TNHH Jtec Hà Nội, chủ cơ sở “Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nhà máy có tổng vốn đầu tư thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, có nước thải sinh hoạt phát sinh đầu nổi và có phát sinh khí thải cần xử lý có công suất nhỏ là dưới 5.000 m³/giờ).

- Địa chỉ trụ sở chính và thực hiện của cơ sở: Lô P-14, KCN Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102331191, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 18/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/4/2026.

- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở:

Ông Fukuda Naoyuki Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Điện thoại: 02439550209 Fax: 0243 9550210.

Chúng tôi gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo đăng ký bảo vệ môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.



FUKUDA NAOYUKI
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH JTEC HÀ NỘI



ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở

Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện

Địa điểm: Lô P-14, KCN Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố
Hà Nội

Thiên Lộc, tháng 07 năm 2026

Số: 317-01 /CV-JTEC

Thiên Lộc, ngày 31 tháng 7 năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho cơ sở “Nhà máy
sản xuất bộ dây truyền dẫn điện”

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Chúng tôi là Công ty TNHH Jtec Hà Nội, chủ cơ sở “Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nhà máy có tổng vốn đầu tư thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, có nước thải sinh hoạt phát sinh đầu nổi và có phát sinh khí thải cần xử lý có công suất nhỏ là dưới 5.000 m³/giờ).

- Địa chỉ trụ sở chính và thực hiện của cơ sở: Lô P-14, KCN Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102331191, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 18/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/4/2026.

- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở:

Ông Fukuda Naoyuki Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Điện thoại: 02439550209 Fax: 0243 9550210.

Công ty TNHH Jtec Hà Nội đăng ký môi trường cho cơ sở “Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện”.

1.2. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Jtec Hà Nội.

1.3. Địa điểm thực hiện cơ sở: Lô P-14, KCN Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội.

Nhà máy sản xuất bộ dây chuyền dẫn điện của Công ty TNHH Jtec Hà Nội được thực hiện tại Lô P-14, KCN Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội (hình 1) với diện tích đất sử dụng là 18.145 m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0888624).



Hình 1: Vị trí của nhà máy trong KCN Thăng Long

Tình hình triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục công trình của Nhà máy được tổng hợp trong bảng dưới đây (bản vẽ hoàn công tổng mặt bằng Nhà máy được đính kèm tại Phụ lục):

Bảng 1: Quy mô các hạng mục công trình của Nhà máy

TT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Ghi chú
I.1	Các hạng mục công trình chính			
1	Nhà xưởng và văn phòng	m ²	7.070	
2	Nhà bếp và nhà ăn	m ²	450	
I.2	Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Nhà bảo vệ	m ²	12	
2	Nhà xe và mái che	m ²	1.233	
3	Sân, đường giao thông nội bộ	m ²	4.147	
I.3	Công trình bảo vệ môi trường			
1	Cây xanh	m ²	4.905	
2	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	Hệ thống	01	-
3	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	Hệ thống	01	-
4	Hệ thống bể tự hoại xử lý sơ bộ NTSH	Bể	1	64 m ³
5	Khu vực lưu giữ phế liệu giấy	m ²	9	
6	Khu lưu giữ CTCNTT	m ²	12	
7	Khu lưu giữ CTNH	m ²	5	
8	Khu lưu giữ CTRSH	m ²	2	
9	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	m ²	300	

TT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Ghi chú
	công suất 50 m ³ /ngày			
	Tổng	m²	18.145	

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

- Giấy phép xây dựng số 642/GPXD ngày 12/7/2013 của Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1470/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của UBND thành phố Hà Nội cho Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện từ 180.000 sản phẩm/năm lên 1.000.000 sản phẩm/năm”.

- Giấy phép môi trường số 01/GPMT-CNCCN ngày 18/04/2025 do Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội cấp.

- Đơn vị tiếp nhận ĐKMT của cơ sở: Căn cứ vào Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội và Văn bản số 2076/CNCCN-XDMT ngày 29/6/2026 của Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp về việc thống nhất thực hiện một số quy định pháp luật về Bảo vệ môi trường tại các Khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội thì đơn vị tiếp nhận ĐKMT của cơ sở là Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

1.4. Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 390.956.000.000 VNĐ (Ba trăm chín mươi tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (theo quy mô, mức độ quan trọng), Nhà máy thuộc nhóm B (căn cứ khoản 3 Điều 11 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua, Dự án thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp có tổng mức đầu tư trên 120 tỷ đồng và dưới 1.200 tỷ đồng).

1.5. Quy mô công suất:

Công ty đang thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đầu tư với quy mô công suất sẽ được tăng trong giấy chứng nhận mới, trong hồ sơ ĐKMT này Công ty sẽ thực hiện đăng ký công suất mới và được thể hiện trong bảng sau:

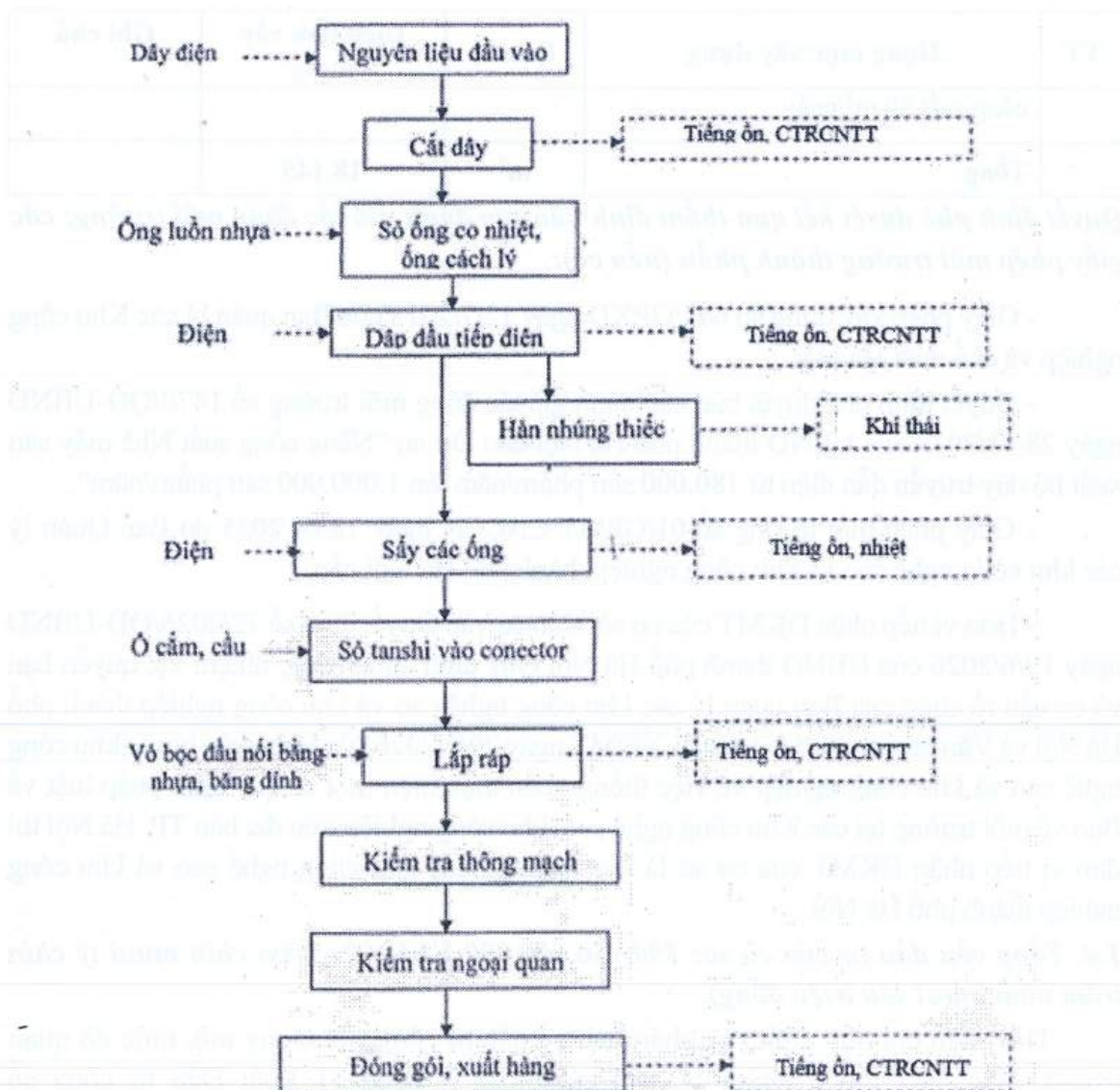
Bảng 2: Công suất của nhà máy sau khi nâng công suất

STT	Mục tiêu dự án	Quy mô
1	Sản xuất thiết bị và dây dẫn các loại: Sản xuất bộ dây truyền dẫn điện	1.500.000 sản phẩm/năm
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (gia công, thiết kế và triển khai bản vẽ)	5.000.000.000 đồng/năm

(Nguồn: Công ty TNHH Jtec Hà Nội, 2026)

1.6. Công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở:

(1) Quy trình sản xuất bộ dây truyền dẫn điện



Hình 2: Quy trình sản xuất sản phẩm bộ dây truyền dẫn điện tại Nhà máy

Thuyết minh quy trình:

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Nguyên vật liệu đầu vào của sản xuất là dây điện thành phẩm, các linh kiện (ổ cắm, cầu chì, ống luồn nhựa, vỏ bọc đầu nối bằng nhựa) được lựa chọn phù hợp với từng sản phẩm. Sau đó được xuất vào từng công đoạn yêu cầu.

Cắt dây: các loại dây điện được cắt và tước vỏ theo yêu cầu trên bảng chỉ thị cắt dây. Sau đó được bó lại từng bó với nhau.

Dây điện vừa cắt xong được sơ vào đó một loại ống có khả năng co lại khi gia nhiệt hoạt một loại đệm cao su phòng chống sự thẩm thấu của nước.

Dập đầu tiếp điện: Các đầu tiếp điện hay còn gọi là tanshi được dập vào các dây điện phù hợp với yêu cầu của khách hàng bằng máy dập và khuôn dập chạy bằng điện, các đầu dây được nối lại với nhau theo yêu cầu của bản vẽ nối. Các mối nối nhằm mục đích liên kết các điểm cần thông điện. Sau quy trình dập phần lớn các sản phẩm tiến

hành sấy các ống co nhiệt bằng điện để bọc, một số sản phẩm theo yêu cầu sẽ qua công đoạn hàn thiếc đầu tanshi.

Hàn nhúng thiếc: Một số sản phẩm khi phát sinh yêu cầu của khách hàng sau khi nối các đầu dây sẽ tiến hành hàn nhúng các đầu tanshi.

Các sản phẩm sau khi dập đầu tiếp điện hoặc hàn nhúng thiếc sẽ được tiếp tục sấy các ống co nhiệt bằng điện để bọc các đầu tanshi tròn hoặc các tanshi nối và tiến hành số các đầu tanshi vào connector theo đúng như sơ đồ yêu cầu mà phòng kỹ thuật đã đề ra.

Tiến hành lắp ráp trên bàn gá để tạo hình cho sản phẩm, tiến hành cuốn băng keo mẫu theo chỉ thị của bản vẽ phù hợp với yêu cầu của khách hàng.

Sau khi lắp ráp xong sẽ thực hiện kiểm tra trên các máy kiểm tra thông mạch với các đồ gá chuyên dụng nhằm xác định xem đã phù hợp với quá trình truyền dẫn của hệ thống yêu cầu chưa. Sau đó, tiếp tục tiến hành rà soát lại ngoại hình như cấu tạo, kích thước, chất liệu... để hoàn thành quá trình sản xuất sản phẩm và tiến hành chuyển giao sang bộ phận xuất hàng.

Quy trình gia công, thiết kế và triển khai bản vẽ

Hiện nay nhà máy có thêm hoạt động gia công, thiết kế và triển khai bản vẽ, đây là hoạt động dịch vụ với quy trình như sau:



Hình 3: Quy trình gia công, thiết kế và triển khai bản vẽ

Thuyết minh:

Cơ sở sau khi nhận được đơn hàng của khách hàng sẽ chuyển sang cho bộ phận thiết kế của nhà máy thực hiện các thao tác thiết kế, gia công bản vẽ theo yêu cầu. Sau khi hoàn thành bản vẽ sẽ chuyển giao sản phẩm đến khách hàng là file thiết kế bản mềm.

Hoạt động dịch vụ này dựa trên nhân lực sẵn có của nhà máy về thiết kế sản phẩm vì vậy sẽ không có phát sinh thêm nhân sự cũng như chất thải trong quá trình hoạt động, tương ứng sẽ không gây tác động tiêu cực đến các công trình bảo vệ môi trường hiện hữu tại Nhà máy.

Bảng 3: Danh mục máy móc thiết bị tại Nhà máy

TT	Tên máy móc/thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ
1	Bộ máy đếm dây	Chiếc	2	Nhật Bản
2	Bộ máy nối dây điện dùng áp lực khí gồm 3 bộ phận	Bộ	2	
3	Máy cắt	Bộ	2	
4	Máy cắt dây điện	Chiếc	7	
5	Máy cắt khuôn	Bộ	12	
6	Máy cắt kim loại	Bộ	2	
7	Máy cắt ống lưới bằng nhiệt	Bộ	1	
8	Máy cắt ống tản nhiệt	Bộ	3	
9	Máy cuộn dây	Chiếc	5	
10	Máy cuộn dây truyền dẫn điện	Chiếc	1	
11	Máy dập	Chiếc	83	
12	Máy dập đầu nối	Chiếc	87	
13	Máy hàn	Bộ	1	
14	Máy hàn tần số cao	Chiếc	1	
15	Máy kiểm tra độ căng của dây	Chiếc	1	
16	Máy kiểm tra lực vặn	Chiếc	1	
17	Máy kiểm tra thông mạch	Chiếc	13	
18	Máy làm lỏng dung dịch hàn	Chiếc	2	
19	Máy quét mã vạch	Chiếc	7	
20	Máy sấy	Bộ	5	
21	Máy sấy ống co nhiệt	Chiếc	73	
22	Máy thử dây điện	Chiếc	5	
23	Máy thử độ căng của dây	Chiếc	1	
24	Máy tuốt vỏ dây điện	Bộ	1	
25	Máy xoắn dây điện	Chiếc	27	
26	Máy bắn mã vạch	Bộ	22	
27	Máy đọc mã vạch	Bộ	8	
28	Máy đo lực vặn bu lông	Cái/Chiếc	4	
29	Máy cắt ống nhựa	Cái/Chiếc	6	
30	Máy cắt xén tự động	Cái/Chiếc	1	
31	Máy để gắn đầu nối	Bộ	1	
32	Máy in mã vạch	Bộ	3	
33	Máy kiểm tra mạch điện	Bộ	1	
34	Máy ra dây điện tự động	Bộ	1	
35	Máy nối dây điện	Cái/Chiếc	1	
36	Máy bọc băng dính tự động	Cái/Chiếc	1	
37	Máy quét mã vạch	Cái/Chiếc	5	
38	Robot công nghiệp	Bộ	3	
39	Máy sấy dây tự động	Cái/Chiếc	3	Nhật Bản
40	Máy dập đầu nối	Bộ	1	

41	Máy cắt giấy	Cái/Chiếc	1
42	Máy ép cos chạy bằng pin	Cái/Chiếc	1
43	Máy hàn nhúng	Cái/Chiếc	6
44	Máy nối dây điện	Cái/Chiếc	1
45	Máy cắt dập đầu nối tự động	Bộ	8
46	Máy chia và cắm cầu chì tự động	Cái/Chiếc	1
47	Máy xỏ dây bán tự động	Cái/Chiếc	1
47	Máy gia công in và cắt ống nhựa	Bộ	1
49	Máy đan dây nhựa	Cái/Chiếc	1
50	Máy xỏ gôm cao su tự động, dùng để lắp ráp xỏ cao su vào đầu dây điện	Bộ	1
51	Máy cắt dây thừa	Cái/Chiếc	1
52	Máy cắt giấy	Bộ	1
53	Máy đóng gói dùng trong đóng gói sản phẩm,	Cái/Chiếc	2
53	Máy tách vỏ dây điện	Cái/Chiếc	1
54	Máy hàn siêu âm	Cái/Chiếc	1
55	Máy cắm pin	Cái/Chiếc	1
56	Máy kéo lực	Cái/Chiếc	1
57	Máy vặn ốc vít, sử dụng bằng pin, bao gồm các phụ kiện đi kèm là pin, đầu vặn, điều khiển, bộ sạc pin	Cái/Chiếc	1

(Nguồn: Công ty TNHH Jtec Hà Nội, 2026)

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở

- Hiện nay nhà máy đang hoạt động với khoảng 700 người và khi cơ sở nâng công suất, số lượng lao động làm việc tại cơ sở sẽ nâng lên khoảng 800 người. Tại nhà máy có hoạt động nấu ăn.

❖ Nhu cầu nguyên, nhiên liệu của nhà máy

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 tại nhà máy, khối lượng sản phẩm sản xuất được tại nhà máy là 1.000.000 sản phẩm/năm tương ứng với 66% công suất dự kiến xin cấp phép trong ĐKMT, như vậy nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu của nhà máy sau khi nâng công suất như sau:

Bảng 4: Nguyên, vật liệu chính sử dụng sau khi nhà máy nâng công suất

STT	Tên nguyên/vật liệu	Đơn vị	Khối lượng		Nguồn cung cấp
			2025	ĐKMT	
1	Keo dán sản phẩm ăn mòn (70-80% silicone modified polymer.10-20% hydrocarbon resin)	Cái/Chiếc	719	1.079	TOA ELECTRIC INDUSTRY CO. .LTD.
2	Bộ đầu nối (kèm chân thép và dụng cụ rút dây)	Bộ	2.360	3.540	

3	Đầu nối ngoài các loại (dùng để nối dây điện)	Cái/Chiếc	15.264.574	22.896.861	
4	Cảm biến	Cái/Chiếc	610	915	
5	Chốt đầu nối chất liệu bằng đồng	Cái/Chiếc	600	900	
6	Đầu nối ngoài DRC (dùng để nối dây điện)	Cái/Chiếc	148.626	222.939	
7	Hộp cầu chì FB bằng nhựa	Cái/Chiếc	237.832	356.748	
10	Chốt nhựa	Cái/Chiếc	2.271.746	3.407.619	
11	Ống nhựa CT các loại	Mét	3.280.484	4.920.726	
12	Miếng đệm mút xốp bằng nhựa PU (dùng để bọc bảo vệ đầu nối)	Cái/Chiếc	33.555	50.333	
13	Đệm bằng nhựa cứng PVC	Cái/Chiếc	52.186	78.279	
14	Đầu nối (bằng nhựa. dùng để nối dây điện)	Cái/Chiếc	4.783	7.175	
15	Đầu nối dây điện bằng nhựa có gắn ốc vít bằng thép	Cái/Chiếc	1.620	2.430	
17	Cầu chì EC. điện áp 110V	Cái/Chiếc	2.636.368	3.954.552	
18	Thiết bị chống xung điện. dùng để bảo vệ dòng điện	Cái/Chiếc	156.419	234.629	
19	Cầu dao đóng ngắt mạch tự động dùng để lắp vào thiết bị của máy công nghiệp. điện áp 150A	Cái/Chiếc	80	120	
21	Kẹp dây điện chất liệu bằng nhựa	Cái/Chiếc	35.988	53.982	TOA ELECTRIC INDUSTRY CO. .LTD.
22	Bóng LED	Cái/Chiếc	237	356	
23	Nắp đậy đầu nối chất liệu bằng thép	Cái/Chiếc	529	794	
24	Nắp nhựa	Cái/Chiếc	5.567	8.351	
25	Ổ khóa chất liệu bằng thép (dùng cho xe có động cơ)	Cái/Chiếc	1.510	2.265	
26	Ống lưới bằng thép	Mét	550	825	
27	Ống nhựa	Cái/Chiếc	2.138	3.207	
28	Ống thép bọc cao su dạng sóng	Mét	600	900	
29	Dây rút bằng nhựa	Cái/Chiếc	12.459.379	18.689.069	
30	ốc vít bằng thép(Loại có đai ốc)	Cái/Chiếc	109.279	163.919	

31	Vỏ bọc đầu nối (bằng nhựa)	Cái/Chiếc	1.187.293	1.780.940	
32	Vòng chống thấm cao su lưu hóa	Cái/Chiếc	19.019.096	28.528.644	
33	Chốt giả bằng nhựa	Cái/Chiếc	16.715.204	25.072.806	
34	Thanh hãm nhựa/sắt (dùng để hãm đầu nối)	Cái/Chiếc	6.930.655	10.395.983	
35	Vòng đệm OT bằng thép	Cái/Chiếc	79.692	119.538	
36	Tem nhãn bằng giấy (đã in. tự dính)	Cái/Chiếc	81.528	122.292	
37	Đệm chống thấm R1 bằng cao su lưu hóa	Cái/Chiếc	1.163.805	1.745.708	
38	Đệm đầu nối P-VS bằng nhựa	Cái/Chiếc	1.342.054	2.013.081	
39	Chất hàn	Kilogam	677	1.016	
40	Công tắc dòng điện 20A-110V	Cái/Chiếc	19.776	29.664	
41	Đầu nối trong TE-C (dùng để nối dây điện)	Cái/Chiếc	88.545.901	132.818.852	
42	Đầu nối dây điện (dùng cho dòng điện dưới 16A)	Cái/Chiếc	170.000	255.000	
43	Đầu nối bằng đồng TE-J (dùng để nối dây điện)	Cái/Chiếc	5.705.404	8.558.106	
44	Tấm nhựa	Cái/Chiếc	1.708	2.562	
45	Băng dính bằng nhựa (20m/ cuộn)	Cuộn	1.643.392	2.465.088	TOA ELECTRIC INDUSTRY CO. .LTD.
46	Tấm đỡ đầu nối chất liệu bằng sắt	Cái/Chiếc	22.097	33.146	
47	ống dây dạng lưới bằng nhựa	Cái/Chiếc	15.146	22.719	
48	Ống dây dạng lưới bằng nhựa	Mét	29.824	44.736	
49	Ống co nhiệt cao su lưu hóa	Mét	51.740	77.610	
50	Ống co nhiệt cao su lưu hóa	Cái/Chiếc	1.199.543	1.799.315	
51	Ống nhựa TU-S	Mét	415.829	623.744	
52	Ống nhựa VINI	Cái/Chiếc	8.985	13.478	
53	Túi Ni lông bằng nhựa PVC	Cái/Chiếc	2.500	3.750	
54	Vòng sắt	Cái/Chiếc	9.000	13.500	
55	Dây dẫn điện các loại	Mét	66.877.565	100.316.348	
56	Dây thùng nhựa	Mét	9.181.000	13.771.500	

57	Đoan dây điện 2 đầu cốt (lõi bằng đồng. cách điện bằng nhựa. điện áp 110v. đã có đầu nối)	Cái/Chiếc	713	1.070
58	Dây cáp bằng đồng	Cái/Chiếc	3.630	5.445
59	Dây cáp điện. lõi bằng đồng cách điện bằng nhựa. điện áp 110v. đã có đầu nối	Mét	4.000	6.000
60	Dây điện đã có đầu nối. đã được cách điện bằng nhựa. điện áp 110V.	Cái/Chiếc	61.351	92.027

Bảng 5: Nhu cầu sử dụng hóa chất tại Nhà máy sau khi nâng công suất

STT	Tên hóa chất	Khối lượng		Đơn vị	Mục đích sử dụng
		2025	ĐKMT		
1	Dinh dưỡng nuôi vi sinh (Hỗn hợp gluco, fructose, mật rỉ đường, methanol...)	2100	2100	Lít	Xử lý nước thải
2	Dung dịch NaOH 32%	20	20	Lít	
3	Hóa chất khử trùng	1.000	1.000	Viên	
4	Dung dịch làm sạch linh kiện điện tử JIP117	96	144	Chai	Sản xuất
5	Dung dịch làm sạch RP7	250	375	Chai	
6	Dung môi A188 -800ml	9,6	14,4	Lít	
7	Dung môi A199- 800ml	4,8	7,2	Lít	
8	Dung môi vệ sinh 5100J	8	12	Lít	
9	Mỡ bôi trơn	6	9	kg	
10	Cồn tẩy rửa (Isopropyl Alcohol)	1200	1800	Lít	
11	Keo dán sản phẩm	925	1387,5	Tube	
12	Dung dịch flux (Chất trợ hàn)	440	660	kg	
13	Mực in MB175 800ml	1	1,5	Lít	In ấn tài liệu văn phòng
14	Mực in MW 420 -600 ml	1,8	2,7	Lít	

(Nguồn: Công ty TNHH Jtec Hà Nội, 2026)

Quá trình lưu trữ, bảo quản hoá chất tại cơ sở đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

- Xác định khu vực chứa các sản phẩm hóa chất và thông báo với mọi nhân viên. Mọi sản phẩm hóa chất phải được sắp xếp đúng chỗ trong khu vực chứa;
- Giữ gìn tủ trữ sạch sẽ, trật tự và luôn trong tình trạng tốt (các ngăn hộc, tầng...)
- Các sản phẩm hóa chất không được đặt ở lối qua lại của người, phương tiện, ...

- Tránh tồn trữ các bình chứa trên các khu vực đất thấm nước, ngoài trời và trong các khu vực mà sản phẩm hóa chất không được bảo vệ tránh nắng, mưa, ...

- Tại khu vực lưu trữ hóa chất phải đề các phương tiện, dụng cụ để ứng phó với các tình huống tràn đổ và rò rỉ hóa chất (Sử dụng khay chống tràn, cát, giẻ lau).

- Tại khu vực lưu trữ hóa chất phải sẵn có các biển báo, chỉ dẫn và MSDS của hóa chất trong kho và bồn rửa mắt khẩn cấp phòng khi có sự cố hóa chất xảy ra.

- Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp cho từng loại hóa chất như: Dùng khẩu trang, mặt nạ phòng độc hoặc thiết bị thở đối với hóa chất độc hại dễ bay hơi;

- Đối với từng loại hóa chất cần phải được đánh dấu, ký hiệu rõ ràng, cụ thể tránh nhầm lẫn khi xếp hàng, đóng gói. Thông thường, khi xếp kệ hóa chất không cao quá 2m, không cao sát trần nhà, nên cách tường ít nhất 0,5m, cách mặt đất từ 0,2-0,3m. Đối với những hóa chất là chất lỏng, dễ bay hơi thì cần được chứa trong các thùng kim loại không rò rỉ, để nơi thoáng mát để đảm bảo an toàn.

- Đối với hóa chất dễ cháy nổ: phải áp dụng các biện pháp phòng chống cháy nổ phù hợp như cách ly nguồn nhiệt, nguồn lửa, nơi làm việc phải thông thoáng.

❖ *Nhu cầu sử dụng nước cấp*

Theo hóa đơn nước sạch sử dụng trong 06 tháng đầu năm 2026 tại nhà máy, tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy như sau:

Bảng 6: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy trong 06 tháng đầu năm 2026

Tháng	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /tháng)	Trung bình nhu cầu sử dụng nước trong 1 ngày (m ³ /ngày)
1/2026	1121	43,12
2/2026	772	32,17
3/2026	571	38,07
4/2026	1359	52,27
5/2026	1291	49,65
6/2026	1452	55,85
Trung bình	1094	45,19

Căn cứ vào bảng tổng hợp lượng nước cấp sử dụng tại nhà máy trong 6 tháng đầu năm 2026, tương ứng khi nhà máy hoạt động ổn định 66% công suất, lượng nước sử dụng trung bình mỗi tháng là 1.094 m³/tháng, tương đương lượng nước cấp trung bình sử dụng hằng ngày là 45 m³/ngày (với thời gian hoạt động của nhà máy là 26 ngày/tháng). Lượng nước cấp sử dụng tại nhà máy chỉ phục vụ cho hoạt động sinh hoạt và không phục vụ cho hoạt động sản xuất, nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy như sau:

- Nước cấp cho sinh hoạt: 42 m³/ngày (tương ứng nước cấp phục vụ sinh hoạt cho 700 công nhân viên với định mức sử dụng nước thực tế có hoạt động nấu ăn trong nhà máy là 60 l/người).

- Nước cấp cho tưới cây, rửa đường: 3 m³/ngày.

Như vậy, sau khi nhà máy nâng công suất, nhu cầu sử dụng nước của nhà máy như

sau:

- Nước cấp cho sinh hoạt: $48 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (tương ứng nước cấp phục vụ sinh hoạt cho 800 công nhân viên với định mức sử dụng nước thực tế có hoạt động nấu ăn trong nhà máy là 60 l/người).

- Nước cấp cho tưới cây, rửa đường: $3 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tổng nhu cầu sử dụng nước cấp của cơ sở sau khi nâng công suất là khoảng $51 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

❖ **Nhu cầu sử dụng điện**

- Tương tự với nhu cầu sử dụng nước, nhà máy sẽ lựa chọn nhu cầu sử dụng điện của nhà máy trong 06 tháng đầu năm 2026 làm cơ sở để tính nhu cầu sử dụng điện khi nhà máy nâng công suất là 140.000 kW/tháng .

- Nguồn cung cấp điện: KCN Thăng Long. Điện của KCN cấp đến trạm biến áp của nhà máy.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở.

3.1. Đối với nước thải

Nhà máy chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt và không phát sinh nước thải sản xuất, các nguồn phát sinh nước thải tại nhà máy như sau:

- Nguồn số 01: Nước thải xí tiểu từ các Khu nhà vệ sinh trong Nhà máy;
- Nguồn số 02: Nước thải bồn rửa tay, thoát sàn trong các khu nhà vệ sinh tại nhà máy;
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà ăn;

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, dầu mỡ, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ và vi sinh gây bệnh,...

Theo quy định, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp. Sau khi Nhà máy nâng công suất số lượng công nhân là khoảng 800 người, lượng nước cấp sử dụng cho sinh hoạt tại nhà máy theo thực tế là 48 m^3 tương ứng khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 48 m^3 .

3.2. Đối với CTR

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt**

Nguồn phát sinh CTR sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân làm việc tại Nhà máy. CTR sinh hoạt có thành phần chủ yếu là từ bể tách mỡ, túi nilông, giấy vụn, bao gói thức ăn thừa,... Chất thải sinh hoạt này nhìn chung là những loại chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân huỷ (trừ bao bì, nylon).

Theo báo cáo Công tác bảo vệ môi trường của Công ty năm 2025 và thực tế chuyển giao tại nhà máy, năm 2025 nhà máy đã chuyển giao khoảng 62 tấn CTRSH. Sau khi nhà máy nâng công suất, dự kiến khối lượng CTRSH thay đổi tăng lên khoảng 70 tấn/năm (Nhà máy tăng sử dụng lao động từ 700 người lên 800 người).

❖ **Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

CTR công nghiệp thông thường (Nguyên liệu, sản phẩm, công cụ, dụng cụ bị hỏng trong quá trình sản xuất, bùn thải từ quá trình hút bể phốt, hệ thống xử lý nước thải tập trung) phát sinh từ hoạt động sản xuất, xử lý nước thải của nhà máy năm 2025 và tương ứng với 66% công suất dự kiến đăng ký của nhà máy chi tiết như sau:

Bảng 7: Thống kê khối lượng CTRCNTT tại cơ sở năm 2025 và dự kiến đăng ký môi trường

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg/năm)			Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT
		2025	GPMT	ĐKMT	
1	Giấy carton	6.708	20.000	7.200	Công ty TNHH Dịch vụ môi trường Túy Hương
2	Phế liệu kim loại (Đồng vụn, dây điện hỏng, sắt thép)	16.218	6.000	19.600	
3	CTRCNTT không thể tái chế, tái sử dụng (thiếc, cao su, pallet gỗ, nút xốp thải...)	35.905	11.100	20.720	Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11
	Bùn thải (bùn bể phốt, bùn từ hệ thống xử lý nước thải)	87.750	87.750	87.750	Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Cầu Diễn
	Tổng	146.581	124.850	135.270	

(Nguồn: Công ty TNHH Jtec Hà Nội, 2026)

3.3. Đối với CTNH

Nguồn phát sinh CTNH tại Nhà máy bao gồm:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động văn phòng: Bóng đèn led, bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải.
- CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất: giẻ lau dính dầu, bao bì chứa thành phần nguy hại và linh kiện điện tử.
- CTNH phát sinh từ công trình xử lý khí thải: Bông nút than hoạt tính.

Thống kê khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy năm 2025, tương ứng khi nhà máy hoạt động ổn định 66% công suất dự kiến đăng ký và dự báo khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh sau khi nhà máy nâng công suất như sau:

Bảng 8: Các loại CTNH phát sinh tại cơ sở khi cơ sở nâng công suất

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		
			2025	GPMT	ĐKMT
1	Linh kiện điện tử thải (Đèn Led hỏng, sửa chữa ipad hỏng)	16 01 13	21	200	200
2	Bao bì dính thành phần nguy hại nhựa mềm (vỏ hộp keo dán, hộp mực của máy cắt dây,...)	18 01 01	80	20	100
3	Bao bì kim loại cứng có chứa thành phần nguy hại (RP7, JIP117, bút son...)	18 01 02	-	30	200

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		
			2025	GPMT	ĐKMT
4	Bao bì nhựa cứng có chứa thành phần nguy hại (vỏ hộp nhựa cứng Flux, cồn...)	18 01 03	-	-	100
5	Giẻ lau dính dầu, bông lọc than hoạt tính	18 02 01	0.8	16	20
6	Pin thải	16 01 12	-	3	5
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5	-	5
	Tổng số lượng		86,8	269	630

(Nguồn: Công ty TNHH Jtec Hà Nội, 2026)

Chất thải nguy hại là những những loại chất thải gây ô nhiễm môi trường đặc biệt gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người bởi những thành phần có chứa nhiều chất nguy hiểm.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở.

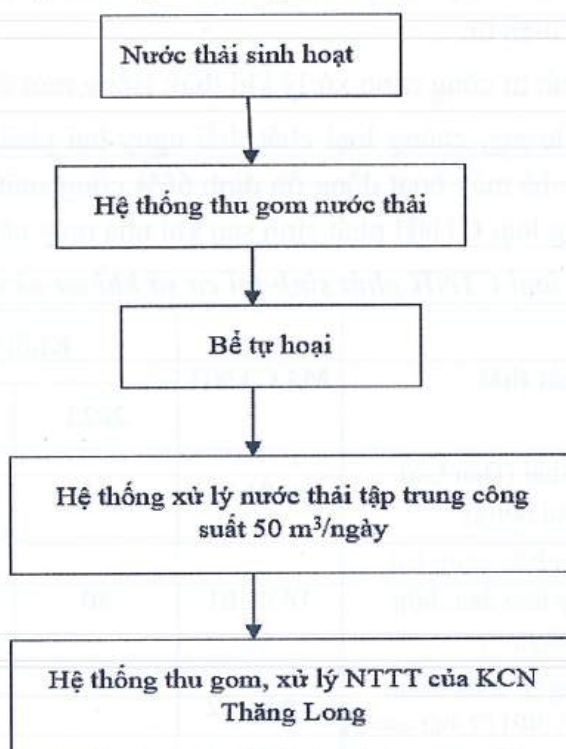
4.1. Phương án thu gom, xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

a1. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy như sau:

Sơ đồ hệ thống thu gom và phân luồng nước thải sinh hoạt tại Nhà máy như sau:



Hình 4: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải tại Nhà máy

❖ Đối với hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh số 01 trong nhà xưởng sản xuất → Đường ống PVC D110 (L=10m) → Hồ bơm số 1 (kích thước 800x800) → Đường ống PVC D110 (L= 90m) → Bể tự hoại 3 ngăn dung tích 64 m³ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 02, 03: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh số 02, 03 → Đường ống PVC D110 (L=125m) → Hồ bơm số 2 (kích thước 800x800) → Đường ống PVC D110 (L= 12m) → Bể tự hoại 3 ngăn dung tích 64 m³ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh số 04 tại khu vực nhà ăn → Đường ống PVC D110 (L=26m) → Hồ bơm số 2 (kích thước 800x800) → Đường ống PVC D110 (L= 12m) → Bể tự hoại 3 ngăn dung tích 64 m³ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ chậu rửa khu vực nhà bếp → Đường ống PVC D150 (L=11m) → Hồ bơm số 2 (kích thước 800x800) → Đường ống PVC D110 (L= 12m) → Bể tự hoại 3 ngăn dung tích 64 m³ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm sẽ tự chảy theo đường ống PVC D110 (L=5m) ra hố ga đầu nổi (kích thước 600x2000x1700mm) và đầu nổi vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Nhà máy như sau:

Bảng 9: Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Nhà máy

TT	Loại đường ống	Chiều dài	Đơn vị
1	Ống PVC D110	268	m
2	Ống PVC D150	11	m
3	Hồ bơm nước thải	2	cái

a2. Điểm xả nước thải

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ được đầu nổi vào KCN Thăng Long thông qua 1 điểm đầu nổi (tương ứng với 1 hố ga của KCN).

- Tọa độ vị trí cửa xả nước thải của Nhà máy vào hệ thống thoát nước thải của KCN (theo tọa độ VN – 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trục 105⁰) như sau:

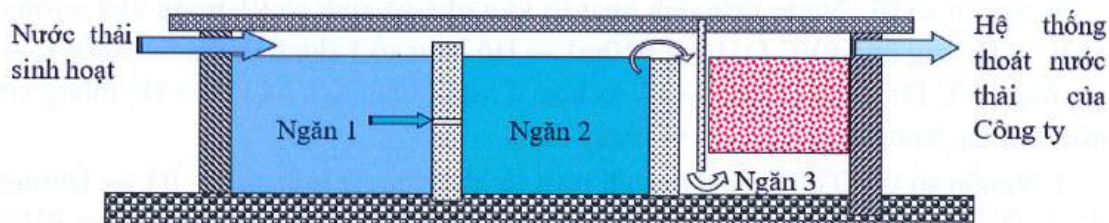
STT	Số hiệu điểm đầu nổi	Hệ tọa độ VN - 2000	
		X (m)	Y (m)
1	NT1	2335577	579359

a3. Xử lý nước thải:

a. Xử lý sơ bộ với nước thải sinh hoạt

Để giảm thiểu chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy. Công ty đã xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn để xử

lý sơ bộ nước thải sinh hoạt. Bể tự hoại được xây dựng trước hệ thống xử lý nước thải với dung tích là 64 m^3 .



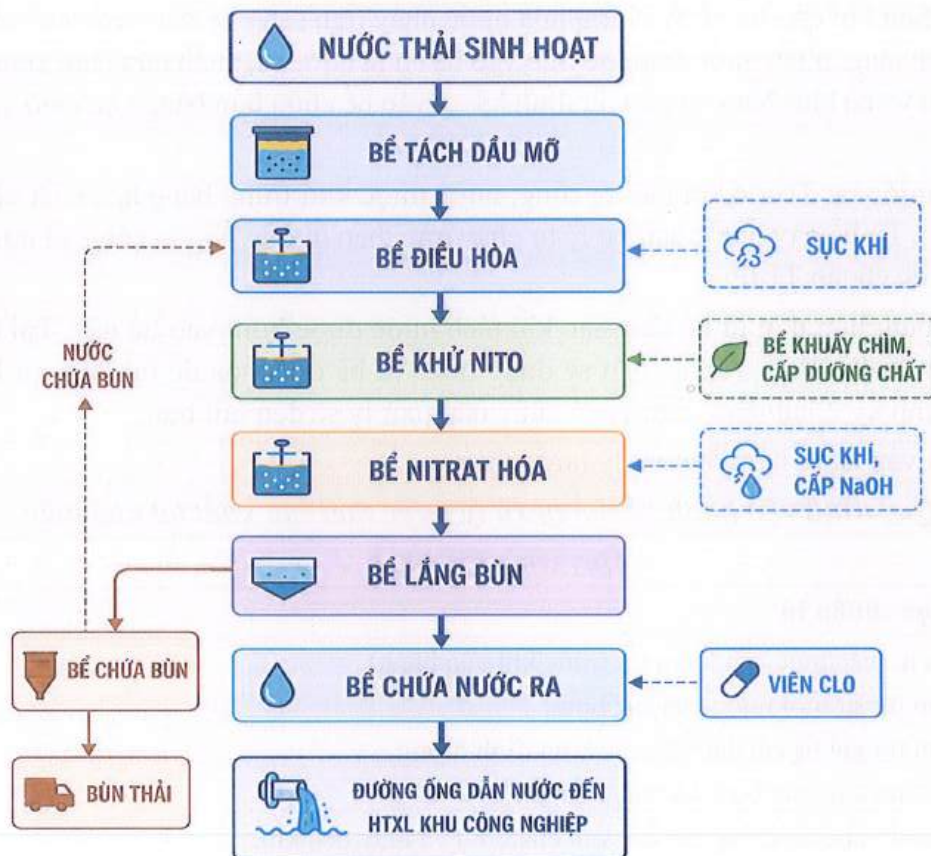
Hình 5: Sơ đồ xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý làm việc của bể tự hoại đồng thời làm 2 chức năng lắng và phân hủy yếm khí cặn lắng. Nước thải sau khi qua ngăn 1 để tách cặn sẽ tiếp tục qua ngăn 2 xử lý sinh học rồi qua ngăn lắng 3. Cặn lắng được lưu giữ trong bể từ 3 – 6 tháng, dưới tác động của vi sinh vật yếm khí các chất hữu cơ được phân hủy thành khí CO_2 , CH_4 và các chất vô cơ. Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng sẽ đạt hiệu suất lắng cặn trung bình 50 - 70% cặn lơ lửng (TSS) và 25 - 45% chất hữu cơ (BOD và COD). Các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần trong bể tự hoại, chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn và lắng xuống hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn hoặc do môi trường sống không thích hợp. Cũng chính vì vậy, trong phân bùn của bể tự hoại chứa một lượng rất lớn các mầm bệnh có nguồn gốc từ phân và cặn được thu gom lưu giữ, vận chuyển, xử lý đúng quy cách.

Định kỳ 1 năm/lần Công ty sẽ thực hiện hút bùn bể tự hoại để bể được hoạt động ổn định và đạt hiệu suất xử lý.

b. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Công ty đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ sử dụng công nghệ sinh học với quy trình công nghệ như sau:



Hình 6: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy

Thuyết minh quy trình xử lý:

Bể tách dầu mỡ: Bể được thiết kế để nhận nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại nằm phía trước hệ thống xử lý nước thải. Tại bể có gắn sọt rác để giữ lại các chất bẩn, váng dầu mỡ còn sót lại trước khi nước được chảy sang bể điều hòa.

Định kỳ 2 ngày/lần, nhân viên vận hành sẽ vệ sinh sọt rác để đảm bảo bể xử lý được vận hành ổn định.

Bể điều hòa: Tại bể điều hòa, nước thải sẽ được điều hòa lưu lượng đáp ứng chế độ xả thải biến động của nhà máy ở mức cao (do chế độ, thời gian sinh hoạt của cán bộ công nhân viên nhà máy). Trong bể điều hòa có gắn thiết bị sục khí nhằm cung cấp một lượng khí để khuấy trộn và cung cấp oxy cho quá trình oxy hóa sơ bộ một số chất dễ phân hủy. Từ bể này, nước thải được bơm sang bể khử nitơ bởi bơm chìm đặt ở đáy bể.

Bể khử Nitơ: Bể này được thiết kế để loại bỏ hợp chất chứa Nitơ có trong nước thải. Bởi vì hàm lượng Nitơ tổng (T-N) và Ammonia ($\text{NH}_3\text{-N}$) của nước thải đầu vào cao vì thế chất dinh dưỡng (Glucose, Fructose, Methanol, mật rỉ đường,...) được châm vào liên tục với liều lượng xác định và Máy khuấy trộn chìm được thiết kế để tăng hiệu quả của quá trình xử lý Nitơ tổng và Ammonia.

Bể Nitrat hóa: Tại bể này, chất thải có trong nước thải được xử lý bằng bùn hoạt tính. Máy thổi khí được thiết kế để cung cấp khí cho vi sinh sống và phát triển. pH của nước thải được điều chỉnh bằng NaOH. NaOH được cấp vào bởi bơm riêng và hoạt động dựa trên tín hiệu nhận được từ đầu điều khiển (đầu đo) pH đặt trong bể này.

Bể lắng: Sau khi qua bể xử lý Nitrat hóa nước chảy tràn sang bể này, trong bể này diễn ra quá trình lắng, phần nước trong sẽ tràn vào bể chứa nước ra, phần bùn lắng xuống được tuần hoàn về bể khử Nitơ và bùn dư định kỳ xả vào bể chứa bùn bằng cách mở van bằng tay.

Bể chứa nước ra: Trước khi thải ra cống, nước được khử trùng bằng hóa chất khử trùng (clo viên). Từ bể này, nước sau xử lý tự chảy tràn theo đường ống ra cống và nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn TLIP 1.

Bể chứa bùn: bùn thải từ bể lắng sau khi tách nước được bơm vào bể này. Tại bể chứa bùn, phần nước trong trên bề mặt sẽ được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý, bùn trong bể định kỳ 2 lần/năm, đơn vị có chức năng xử lý sẽ đến hút bùn.

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 10: Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại nhà máy

STT	Quy trình vận hành
1	Thủ tục chuẩn bị
	Chuẩn bị (các mục cần kiểm tra trước khi vận hành) + Kiểm tra sự môi nước của các bơm. + Kiểm tra giá trị cài đặt trên các bơm định lượng. + Kiểm tra dầu của bơm và máy nén khí. + Kiểm tra chế độ đóng mở các van của bơm và máy nén khí. + Kiểm tra vệ sinh đầu do pH. + Kiểm tra điện và nước cấp cho hệ thống. Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và hệ thống sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống theo các bước tiếp theo như sau:
2	Thủ tục vận hành hệ thống
	- Trong tủ điện: Cấp điện cho các thiết bị. - Xác nhận giá trị cài đặt. - Kiểm tra còi báo và giải quyết sự cố nếu cần thiết. - Bật máy nén khí qua vị trí “ON”. - Tất cả các bơm nước đều bật sang chế độ “AUTO”.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 11: Thông số kỹ thuật bể xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên Thiết Bị Đặc Tính Kỹ Thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bể tách dầu mỡ: Thể tích : 1,5m ³ Vật liệu : Nhựa composit(FRP)	1	cái
2	Bể điều hòa Thể tích : 20m ³ Vật liệu : Nhựa composit(FRP)	1	cái
3	Bơm chuyển nước thải Loại : chìm Capacity : 2.5 m ³ /h x 8mH	2	cái

4	Công tắc mức Loại : phao nổi	1	bộ
5	Bể chỉnh lưu lượng Loại : chảy tràn Vật liệu : Nhựa composit(FRP)	1	cái
6	Bể khử Nito Thể tích : 20m ³ Vật liệu : Nhựa composit(FRP)	1	cái
7	Máy khuấy trộn chìm Điện năng : 0.4kW	1	cái
8	Bể Nitrát hóa Thể tích : 45m ³ Vật liệu : Nhựa composit(FRP)	1	cái
9	Bộ điều khiển(đầu đo) pH Khoảng đo : 0 – 14 Điều khiển bơm NaOH	1	bộ
10	Bơm tuần hoàn nước Loại : chìm Công suất : 2.5 m ³ /h x 8mH	1	cái
11	Bộ phân phối khí Loại : đĩa, bọt khí mịn	1	bộ
12	Bể lắng Kích thước : 6,5 m ³ Vật liệu : Nhựa composit(FRP)	1	cái
13	Bơm tuần hoàn bùn Loại : chìm Công suất : 2.5 m ³ /h x 8mH	1	Cái
14	Bể đo lưu lượng bùn hồi Vật liệu : Nhựa composit(FRP)	1	Cái
15	Bể chứa nước ra Thể tích : 3.5m ³ Vật liệu : Nhựa composit(FRP)	1	cái
16	Bê chứa bùn Thể tích : 7m ³ Vật liệu : bê tông	1	cái
17	Máy thổi khí khuấy trộn Công suất : 3Nm ³ /min x 4mAq	1	cái
18	Máy thổi khí Công suất : 3Nm ³ /min x 4mAq	1	cái
19	Bồn hóa chất dinh dưỡng Thể tích : 300 L Vật liệu : PE	1	cái
20	Bơm chất dinh dưỡng Công suất : 38cc/min x 0.02kW	1	cái

23	Bồn hóa chất NaOH Thể tích : 1000 L Vật liệu : PE	1	cái
24	Bơm NaOH 20% Công suất : 60cc/min x 0.02kW	1	cái

Hóa chất sử dụng:

Bảng 12: Định mức sử dụng hóa chất của hệ thống xử lý nước tập trung

STT	Hóa chất sử dụng	Định mức sử dụng
1	Chất dinh dưỡng	135 ml/m ³ nước thải
2	NaOH	18 g/m ³ nước thải
3	Cloramin B dạng viên (200g/viên)	13 g/m ³ nước thải

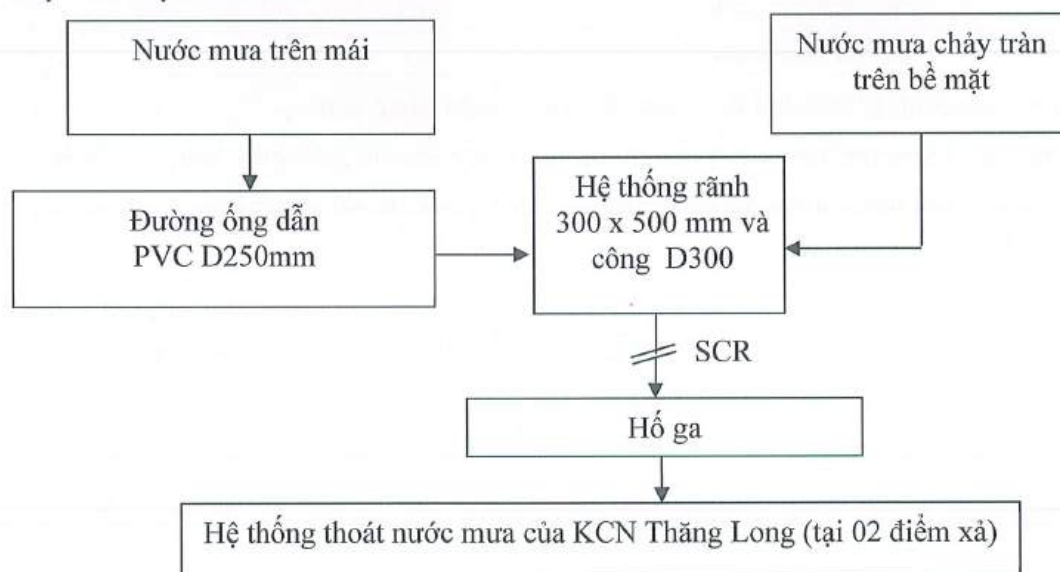




Hình 7: Hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy

b. Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được xây dựng hoàn chỉnh và tách biệt với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không ảnh hưởng đến tổng thể kiến trúc và an toàn vệ sinh môi trường. Công tác thu gom, tiêu thoát nước mưa được thể hiện như sau:



Hình 8: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy

Để giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn đến môi trường nước khu vực nhà máy và môi trường xung quanh, chủ cơ sở đã tiến hành xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ đảm bảo chất lượng, đồng thời tại nhà máy đã xây dựng hệ thống mương, hố lắng cặn, lắp đặt các song chắn rác để thu gom toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn phát sinh trước khi đổ vào hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của KCN Thăng Long. Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của Nhà máy sử dụng mương thoát nước mưa có kích thước 300x500mm nằm xung quanh nhà xưởng và hệ thống cống D300 kết nối từ xưởng vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN, các hố ga lắng cặn được bố trí cách nhau khoảng 8-10m.

Nước mưa trên mái và nước mưa ở các sân được thu gom vào máng thoát nước rồi dẫn vào các ống đứng (các ống được làm bằng nhựa PVC có kích thước D250mm). Sau đó, nước mưa được thoát ra hệ thống thoát nước mưa chảy tràn.

- Số điểm đầu: 02 điểm thoát nước mưa.

Bảng 13: Tọa độ các điểm đầu nối nước mưa với hệ thống thu gom thoát nước mưa của KCN Thăng Long

STT	Số hiệu điểm đầu nối	Hệ tọa độ VN - 2000	
		X (m)	Y (m)
1	NM1	2335574	579362
2	NM2	2335602	579276

(Bản vẽ hoàn công hệ thống thoát nước mưa được đính kèm tại Phụ lục).

Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung của Nhà máy như sau:

Bảng 14: Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung của Nhà máy

TT	Loại đường ống	Chiều dài/số lượng	Đơn vị
1	Mương thu gom kích thước 300x500	178	m
2	Cống BTCT D300	102	m
3	Hố ga 600x600	35	cái

Ngoài ra, Công ty còn kết hợp thực hiện các biện pháp sau:

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống các hố ga, cống, rãnh dẫn nước mưa để đảm bảo tiêu thoát nước và phát hiện các hỏng hóc, từ đó có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời, tần suất kiểm tra khoảng 03 tháng/lần.

+ Đảm bảo vệ sinh sân, đường nội bộ luôn sạch sẽ; duy trì công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh môi trường theo đúng quy định không để chất thải rắn, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

+ Bố trí các thùng lưu giữ CTR sinh hoạt trong khuôn viên Nhà máy, thu gom và lưu giữ các chất thải một cách hợp lý và vệ sinh để tránh các chất này bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

4.2. Phương án thu gom, xử lý khí thải

Hiện nay, nhà máy đang có 01 hệ thống XLKT từ công đoạn hàn nhúng (thu gom khí thải từ 06 máy hàn nhúng) với công suất 11.000 m³/giờ. Theo dự kiến, nhà máy sẽ nâng công suất sản xuất vì vậy cơ sở sẽ phải bố trí lại các khu vực sản xuất nhằm tối ưu hóa không gian, tương ứng khu vực hàn thiếc cũng được bố trí lại tuy nhiên số lượng máy hàn thiếc tại nhà máy là không đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp. Công ty đã xem xét thiết kế lại hệ thống XLKT phù hợp, hệ thống XLKT mới được tính toán như sau:

❖ Tính toán lưu lượng quạt hút

Áp dụng căn cứ tính toán lưu lượng quạt hút của hệ thống xử lý khí thải hiện nay (theo tài liệu “*The Industrial Environment – Its Evaluation & Control, U.S*

Department of Health and Human Services, 1973”), công suất quạt hút cần lắp đặt được tính theo công thức:

$$Q = V \times A \times N \times 3600 \text{ (m}^3\text{/giờ)}$$

Trong đó:

+ V: Vận tốc khí thải tại miệng hút (m/s) (lựa chọn V=2 m/s)

+ A: Tiết diện đường ống (m²) ($A = \pi r^2$)

+ N: Số lượng đầu hút (6 đầu hút)

Với đường kính của đường ống thoát khí là D=0,2m và số lượng đầu hút là 06 đầu hút, lưu lượng quạt hút của hệ thống xử lý khí thải là:

$$Q_{\text{nhánh}} = 2 \times 3,14 \times (0,2/2)^2 \times 6 \times 3.600 = 1.356 \text{ (m}^3\text{/giờ)}$$

Tại từng đầu hút nhánh đều được lắp đặt quạt hút mini với công suất 250 m³/giờ, như vậy tổng công suất các quạt hút mini là: $Q_{\text{mini}} = 6 \times 250 \text{ m}^3\text{/giờ} = 1.500 \text{ (m}^3\text{/giờ)}$

Như vậy, công suất quạt hút mini đáp ứng được yêu cầu hút khí thải tại từng đầu hút.

❖ Tính toán áp suất quạt hút

Với đường ống thu gom nhánh, đường ống thu gom chính, lưu lượng cần xử lý là 1.500 m³/giờ, tính toán áp suất quạt hút như sau:

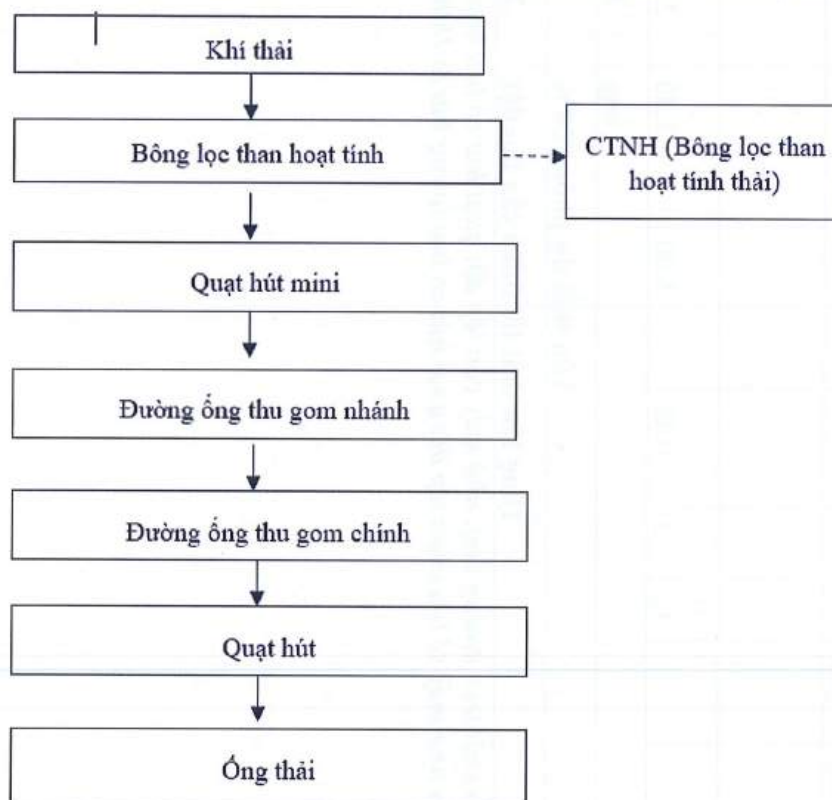
Bảng 15: Tính toán hệ thống xử lý khí thải sau điều chỉnh

T	Đoạn ống	Lưu lượng tính toán	Kích thước ống gió		Đường kính tương đương	Vận tốc thực tế	Chiều dài ống gió	Tổn thất áp suất đơn vị	Tổng Tổn thất ma sát	Hệ số sức cản cục bộ	Số lượng	Tổng Hệ số sức cản cục bộ	Áp suất động	Tổng tổn thất áp suất cục bộ	Tổng tổn thất áp suất
		L (m ³ /h)	w (mm)	h (mm)	D td (mm)	$v = L/3600 \cdot w$ (m/s)	L (m)	R (Pa/m)	$P_s = R \cdot L$	ξ	n	$\Sigma \xi = \Sigma(n \cdot \xi)$	$P_v = \rho \cdot v^2 / 2$ (Pa)	$P_c = P_v \cdot \Sigma \xi$ (Pa)	$P = P_c + P_d$
1	1														
	Đầu Chụp	250													
	Quạt hút mini 12x12x3,9mm														7.2
	Tấm lọc than hoạt tính														200
	Ống ruột gà D200		180	180	196.7	2.143	1	4	4						4
	Co 90 (D200)									0.11	1	0.11	4.00	0.44	0.44
	Ống kẽm 300x400	250	180	180	196.7	2.143	0.5	0	0						0
2	1-2														
	Ống kẽm D300x400	500	180	180	196.7	4.287	1	0.1	0.1						0.1
3	2-3														
	Ống kẽm D300x400	750	180	180	196.7	6.430	0.5	0.2	0.1						0.1
4	3-4														

	Ống kẽm D300x400	1000	180	180	196.7 7	8.573	0.5	0.3	0.15									0.15
	Co 90 300x400									0. 16	1	0.16		5.00		0.80		0.80
5	4-5																	
	Ống kẽm D300x400	1000	180	180	196.7 7	8.573	6	0.3	1.8									1.8
	Quạt hút gió ống chính 300x400																	10
	Co 90 300x400									0. 16	3	0.48		5.00		2.40		2.40
																		Tổng 225
																		Tổng thất dự phòng 20% 45
																		Tổng tổn thất tối thiểu cần lắp đặt 270

Nhận xét: Theo kết quả tính toán lưu lượng quạt hút và tổn thất áp suất trên đường ống, nhà máy cần lắp đặt quạt hút có lưu lượng hút tối thiểu là 1500 m³/giờ và áp suất quạt là 270 Pa. Trên cơ sở tính toán nhà máy sẽ lựa chọn lắp đặt quạt hút có lưu lượng hút là 1800 m³/giờ và áp suất quạt là 400 Pa.

Hệ thống xử lý khí thải hàn với quy trình công nghệ xử lý không đổi như sau:



Hình 9: Quy trình xử lý khí thải khu vực hàn nhôm

Thuyết minh quy trình xử lý:

Khí thải phát sinh tại các máy hàn nhôm (hàn thiếc) được hút trực tiếp vào các quạt hút mini được gắn bông lọc than hoạt tính tại mỗi nguồn thải. Khí thải được xử lý bằng bông lọc than hoạt tính sẽ được lực hút của quạt hút mini thu gom vào ống nhánh kích thước D200, sau đó khí thải đi vào đường ống thu gom chính và thải ra ngoài môi trường bằng quạt hút có công suất 1.800 m³/giờ. Hiệu suất lọc của màng lọc than hoạt tính đến 95% khí thải phát sinh đạt hiệu quả xử lý. Khí thải xử lý đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT được dẫn thoát vào môi trường.

Xử lý bông lọc than hoạt tính: Bông lọc bằng than hoạt tính sau một thời gian sử dụng sẽ hết khả năng hấp thụ bề mặt sẽ được tiến hành thay mới, hiện nay nhà máy đang thay bông lọc than hoạt tính 1 lần/tháng, khối lượng bông lọc than hoạt tính thải là khoảng 9 kg/năm. Bông lọc than hoạt tính được phân định là CTNH và được lưu giữ tạm thời tại kho CTNH của nhà máy, định kỳ sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý cùng với các loại CTNH khác.

Bảng 16: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút mini	- kích thước: 12x12x3,9 cm. - Nguồn điện: 220V-240V, tần số 50/60Hz, 0,14A. - công suất: 30 m ³ /giờ
2	Đường ống thu gom nhánh	- 6 điểm hút với kích thước đầu hút là D200.

		- Vật liệu: Tôn mạ kẽm.
3	Đường ống thoát khí chính	- Tôn với kích thước 30x40 cm. - Chiều dài: 30m
4	Quạt hút tổng	Lưu lượng hút: 1.800 m ³ /h, công suất: 0,75kW
5	Ống thoát khí trung tâm	Kích thước 30x40cm, L=25m, (trong đó chiều cao tính từ đường ống thoát khí ra ngoài nhà xưởng là 1,5m), vật liệu: tôn.

4.3. Phương án thu gom, xử lý CTR

Chất thải rắn sinh hoạt:

Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp thu gom lưu giữ đối với CTR sinh hoạt cụ thể như sau:

- Tại khu vực văn phòng của nhà máy đã bố trí các thùng rác 60l để thu gom CTRSH từ hoạt động văn phòng, hàng ngày nhân viên vệ sinh của nhà máy sẽ thu gom và đưa về thùng rác sinh hoạt tập trung của nhà máy.

- Tại khu vực căng teen, đã bố trí 03 thùng rác dung tích 240l mỗi thùng để lưu giữ CTRSH từ quá trình nấu ăn, đồ thừa... Cuối mỗi ngày, nhân viên nhà ăn sẽ tập kết rác từ nhà ăn ra thùng rác sinh hoạt tập trung của nhà máy.

- Nhà máy đã bố trí 01 khu vực lưu giữ CTRSH diện tích 2m² để thu gom và lưu giữ CTRSH, định kỳ 2 lần/ngày, Công ty môi trường đô thị Đông Anh sẽ đến thu gom và đem đi xử lý.

- Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 2 ngày/lần.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Tại mỗi công đoạn sản xuất có phát sinh chất thải được Công ty bố trí hộp, thùng đựng CTR dung tích từ 60 lít và tiến hành phân loại ngay tại nguồn. Cuối mỗi ngày làm việc toàn bộ chất thải được thu gom tập trung về khu vực lưu giữ CTCNTT. Nhà máy bố trí 02 kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường với tổng diện tích lưu trữ là 21m² như sau:

- Kho CTCNTT số 01: Khu phế liệu giấy với diện tích lưu giữ là 9 m² (DxRxC=3x3x2).

- Kho CTCNTT số 02: Kho lưu giữ CTCNTT không thể tái chế với diện tích lưu giữ là 12 m² (kích thước 3x4x2,5m).

Các Kho lưu giữ chất thải được bố trí ngoài nhà xưởng, nền chống thấm, có mái che, cửa thép. Khu vực kho chứa được trang bị các thiết bị PCCC theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Hình 10: Kho lưu giữ CTRCNTT tại Nhà máy

- Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 1 tháng/lần (tùy vào lượng chất thải phát sinh).

- Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTRCNTT tại nhà máy với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp 11 (xử lý CTRCNTT không thể tái chế), Công ty TNHH Dịch vụ môi trường Túy Hương (xử lý phế liệu) và Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Cầu Diễn (xử lý bùn bể phốt, bùn từ hệ thống XLNT).

(Các hợp đồng chuyển giao, xử lý chất thải được đính kèm trong phụ lục của báo cáo).

4.4. Phương án thu gom, xử lý CTNH

Chất thải nguy hại tại nhà máy được thu gom tại từng công đoạn sản xuất sau đó sau mỗi ca làm việc, công nhân sẽ vận chuyển và tập trung về kho chất thải nguy hại như sau:

+ Kho CTNH có diện tích 5 m² (kích thước D x R x C = 2,4 x 2,085 x 2,5m).

Tại các kho lưu giữ, CTNH được lưu giữ trong các thùng có dung tích từ 10 – 60 lít/thùng, khu vực chứa riêng biệt, có nắp đậy và được dán dấu hiệu cảnh báo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Kho nằm bên cạnh nhà xưởng và được ngăn cách với các khu vực khác bằng vật liệu nhẹ. Khu vực kho CTNH cũng được trang bị bình chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 thu gom, xử lý toàn bộ CTNH phát sinh đảm bảo theo đúng quy định (Các hợp đồng chuyển giao chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo).

Các trang thiết bị và công trình kho lưu giữ chất thải đã được xây dựng hiện nay tiếp tục được sử dụng trong giai đoạn hoạt động ổn định của Nhà máy. Để đảm bảo thu gom triệt để các loại chất thải phát sinh, không gây tổn động làm mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường trong khu vực Nhà máy, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí thêm các thùng rác đựng CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTNH tại các khu vực phát sinh.

- Tiếp tục ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;

- Tùy tình hình phát sinh chất thải, Công ty yêu cầu các đơn vị có chức năng đã được Công ty ký hợp đồng tăng cường tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý để giảm thiểu lượng CTR thải tồn đọng tại kho lâu ngày.



Hình 11: Kho lưu giữ CTNH tại Nhà máy

4.4. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó các sự cố

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố PCCC

Từ khi cơ sở được triển khai và phát triển hiện nay, cơ sở luôn coi trọng công tác PCCC tại nhà máy, tại từng giai đoạn xây dựng và mở rộng của nhà máy đều đã được cơ quan có chức năng về PCCC nghiệm thu các công trình PCCC theo quy định của pháp luật như sau:

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu PCCC ngày 9/5/2008 của Phòng PC23 – Công an Thành phố Hà Nội tại Công ty TNHH Jtec Hà Nội.

- Văn bản nghiệm thu số 132/NT-SCSPC&CC-P3 ngày 04/11/2013 của Sở Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội về việc nghiệm thu PCCC công trình Mở rộng nhà máy Jtec Hà Nội giai đoạn 2, địa điểm lô P14, KCN Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

- Văn bản số 150/NT-PCCC ngày 25/11/2024 của Công an Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu hạng mục cải tạo, bổ sung mái che mưa cho nhà xưởng chính và xây mới nhà kho số 2 thuộc Nhà máy Jtec Hà Nội.

Theo biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gần đây nhất là ngày 29/2/2024 của Công an Huyện Đông Anh tại Nhà máy, Nhà máy không có vi phạm về công tác PCCC (Biên bản đính kèm trong phụ lục của báo cáo).



Hình 12: Trang thiết bị PCCC tại Nhà máy

❖ **Phương án phòng cháy, chữa cháy**

Để đảm bảo sản xuất an toàn và hiệu quả, Chủ cơ sở đã trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ hiện đại. Hàng năm tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công nhân viên để đảm bảo ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố. Ngoài ra, Chủ cơ sở đã phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương lên các phương án phòng cháy, chữa cháy như sau:

- Biện pháp chung:

+ Nghiêm cấm công nhân không được hút thuốc hay mang chất gây cháy vào khu vực sản xuất, kho nguyên liệu.

+ Nguyên liệu và sản phẩm được sắp xếp gọn gàng, xa khu vực có nguồn điện

+ Nhiệt độ trong các xưởng sản xuất và kho duy trì đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quyết định 3733/2002/QĐ-BYT.

+ Đường giao thông nội bộ rộng 5 -7m chạy xung quanh các xưởng để đảm bảo đủ diện tích cho các phương tiện cứu hỏa ra vào khi có hỏa hoạn.

+ Xây dựng hệ thống thoát nạn khi có sự cố cháy xảy ra như: Bố trí các lối thoát hiểm là các cửa ra vào to rộng, có đèn chiếu sáng, đèn báo.

+ Thiết kế hệ thống chống sét nối đất là các kim thép mạ đồng chống rỉ cho nhà xưởng và nhà ăn.

+ Hàng năm Công ty lập kế hoạch thực hiện phương án PCCC và cử các cán bộ, công nhân viên tham gia huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định và thực hiện diễn tập PCCC và thoát hiểm thoát nạn 1 lần/năm.

- Biện pháp chữa cháy:

+ Khi phát hiện có sự cố cháy nổ báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.

+ Cắt điện toàn bộ nhà máy.

+ Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại nhà máy.

- Lực lượng chữa cháy tại cơ sở:

+ Ban chỉ huy chữa cháy bao gồm: Lãnh đạo, Trưởng phòng hành chính nhân sự, Đội trưởng đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở, trưởng các bộ phận, cán bộ phụ trách an toàn phòng cháy, chữa cháy.

+ Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở gồm: 25 thành viên hàng năm đều được tập huấn nghiệp vụ PCCC.

❖ *Một số giải pháp đối với các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao:*

- Đối với việc sử dụng khí gas (LPG):

Công ty sử dụng khí gas để nấu ăn cho công nhân viên, sử dụng bình gas công nghiệp khối lượng 45kg. Do đó, cần có những biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Khi bếp ga không bắt lửa, ngọn lửa cháy bất thường, có mùi gas thoát ra ngoài. Bạn cần tắt bếp ngay, khoá van bình đồng thời kiểm tra lại mâm chia lửa có bị đặt lệch không, lau khô sứ đánh điện của bếp;

+ Nếu dây dẫn gas bị gãy dập, bạn nên thay mới để đảm bảo an toàn. Kiểm tra bộ đánh lửa nếu bị bẩn, bạn cần tháo kiềng bếp dùng vải khô để lau sạch bộ đánh lửa;

+ Khóa van bình gas, bình khí nén sau mỗi lần sử dụng;

+ Bố trí các bình chữa cháy trong khu vực nhà ăn để phòng những sự cố không may xảy ra;

+ Thông gió để phát tán làm giảm nồng độ khí gas, khí nén.

+ Cán bộ sử dụng máy nén khí phải được huấn luyện an toàn vận hành. Các thiết bị chứa khí nén phải được kiểm định an toàn theo đúng quy định.

- Đối với việc lưu giữ và sử dụng hóa chất có khả năng cháy nổ:

+ Thiết lập các nội quy ra vào khu vực để hóa chất, bao gồm việc quy định nghiêm cấm các trường hợp mang vào hoặc sử dụng các chất dễ cháy trong kho;

+ Thiết lập các biển báo cho khu vực để hóa và cho từng loại hóa chất;

+ Công ty xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

- Phòng cháy các thiết bị điện:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện trong công ty.

+ Lắp đặt các bảng chỉ dẫn thao tác vận hành thiết bị, máy móc.

+ Có công nhân kỹ thuật theo dõi vận hành điện.

+ Lắp đặt cầu dao tại đầu dây chuyền sản xuất, tại các máy móc thiết bị.

+ Công nhân trong Công ty thường xuyên được nhắc nhở sử dụng an toàn điện tại các máy móc, thiết bị đều lắp đặt cầu dao và atomat phù hợp với công suất vận hành.

Phương án phòng ngừa sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:

Các hóa chất sử dụng tại Nhà máy hầu hết có tính nguy hại đến môi trường và sức khỏe con người. Do đó, để phòng ngừa sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng kế hoạch/biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017.

- Thuê đơn vị có chức năng tổ chức đào tạo, huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Về thiết bị lưu giữ sẽ phù hợp với từng loại hóa chất, khu vực lưu giữ hóa chất được sắp xếp ngay ngắn, cẩn thận cho từng loại riêng biệt, không lưu giữ các hóa chất có phản ứng chung với nhau. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, thùng, can để đảm bảo không có hiện tượng nứt, vỡ, rách thùng. Phân loại và ghi nhãn hóa chất theo đúng Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

❖ Biện pháp áp dụng cụ thể như sau:

- Tại Khu vực sản xuất:

+ Cháy nổ hóa chất:

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị;
- Có nội quy vận hành máy móc thiết bị theo đúng quy trình.
- Có biển cảnh báo nguy hiểm tại các khu vực sản xuất có sử dụng hóa chất.

+ Rơi, vỡ, tràn, đổ hóa chất

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị;
- Thực hiện thay mới trang thiết bị khi có sự cố. Không sử dụng các loại thiết bị không đảm bảo an toàn;
- Vận hành dây chuyền theo đúng quy trình, công nhân vận hành thường xuyên theo dõi mức hóa chất trong các thiết bị đang hoạt động, các thiết bị phối trộn, thiết bị phối trộn cao tốc, kết hợp với đo lường hóa chất trong thiết bị để bổ sung đúng quy định.

❖ *Phương án ứng phó, khắc phục sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:*

Khi sự cố xảy ra, để ngăn chặn sự tiếp xúc của hóa chất tới cơ thể con người thì cần trang bị bảo hộ lao động và các thiết bị chuyên dụng cho người lao động. Hấp phụ hóa chất bằng bằng vật liệu trơ (cát), không sử dụng chất liệu dễ cháy sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng kín để thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Dùng nước sạch rửa khu vực bị tràn đổ, rò rỉ sau đó thu gom lượng nước này và xử lý như CTNH mà không xả vào hệ thống thoát nước chung. Dùng các thiết bị để khử hơi hóa chất bay vào không khí.

Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Công nhân, nhân viên được tập huấn về cách vận hành máy móc và an toàn lao động.

rắn.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

CÔNG TY TNHH JTEC HÀ NỘI



FUKUDA NAOYUKI
TỔNG GIÁM ĐỐC

- Công nhân, nhân viên được trang bị quần áo bảo hộ lao động và các thiết bị cần thiết đảm bảo an toàn lao động trong quá trình làm việc.
- Có biển báo hiệu cần thiết phục vụ an toàn lao động và giao thông.
- Có chế độ đãi ngộ, bảo hiểm, thăm hỏi cho công nhân, nhân viên nếu gặp các tai nạn đáng tiếc xảy ra.

Hệ thống máy móc bị hỏng, chập cháy hoặc không đảm bảo với điều kiện an toàn lao động.

- Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thường xuyên.
- Trong trường hợp các trang thiết bị trong hệ thống vận hành bị hỏng hóc trên 01 ngày và chưa sửa chữa kịp thời thì công ty sẽ tạm ngừng hoạt động khu vực xảy ra sự cố đến khi khắc phục được tình trạng mới tiếp tục.

Sự cố ô nhiễm môi trường, chập cháy nổ, thời tiết cực đoan do nguyên nhân khách quan

- Tạm dừng mọi hoạt động của khu nhà văn phòng và nhà xưởng.
- Khi điều kiện đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường lao động sẽ tiếp tục hoạt động.
- Có biện pháp hướng dẫn, sơ tán kịp thời cho công nhân, nhân viên nếu có các hiện tượng tiêu cực nguy hiểm từ thời tiết hay có sự ô nhiễm môi trường đáng tiếc xảy ra.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty TNHH Jtec Hà Nội cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường như sau:

a. Thực hiện đúng theo quy định về Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

b. Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam (QCVN) theo quy định hiện hành. Cụ thể là:

- Tiếng ồn trong quá trình vận hành dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường).

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN Thăng Long trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Thăng Long.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động xử lý bề mặt được thu gom và xử lý đạt cột B, QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

c. Chịu trách nhiệm thực hiện và áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đi vào hoạt động của nhà máy, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây:

- CTRSH, CTRTT, CTNH phải được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải

PHỤ LỤC

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Giấy phép môi trường;
- Hợp đồng thuê đất cùng cấp dịch vụ xử lý nước thải;
- Giấy phép môi trường của KCN Thăng Long;
- Giấy phép xây dựng của cơ sở;
- Biên bản nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy;
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải năm 2026;
- Bản vẽ tổng mặt bằng nhà máy;
- Bản vẽ thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bản vẽ hệ thống XLNT.
- Bản vẽ hệ thống XLKT.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0102331191

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 07 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 10 tháng 04 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH JTEC HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JTEC HANOI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: JTEC HANOI CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô P-14, Khu Công Nghiệp Thăng Long, Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439550209 /02439550211

Số Fax: 02439550210

Thư điện tử: hr@jtechanoi.com.vn

Website:

3. Vốn điều lệ : 168.250.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: TOA ELECTRIC INDUSTRY.,INC

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: MS: 2200-01-004486

Ngày cấp: 02/03/1944 Nơi cấp: Sở Tư pháp quận Kanazawa

Địa chỉ trụ sở chính: Số 18-15 Masuizumi 2-chome, Kanazawa, Ishikawa, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: FUKUDA NAOYUKI

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 20/01/1971

Quốc tịch: Nhật Bản

Hộ chiếu nước ngoài: TZ2171442

Ngày cấp: 31/01/2023

Nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 2512 Tòa M1 Vinhomes Metropolis, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



Lê Hồng Hạnh

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 01 /GPMT-CNCCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Jtec Hà Nội tại Văn bản số 1012/CV-JTEC ngày 10/12/2024 về việc đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện” tại Lô P-14 (Lô I-12 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014), Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và các tài liệu có liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường tại Báo cáo số:46/BC-XDMT ngày 15/04/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Jtec Hà Nội, địa chỉ trụ sở chính: Lô P-14 (Lô I-12 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014), Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: “Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô P-14 (Lô I-12 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014), Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 0102331191 đăng ký lần đầu ngày 18/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/09/2023, nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 0102331191.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bộ dây truyền dẫn điện; Gia công, thiết kế và triển khai bản vẽ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và tương đương dự án đầu tư nhóm I (theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Diện tích đất: 18.145 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số B0 888624 ngày 03/6/2014).

- Công suất:

+ Sản xuất bộ dây truyền dẫn điện: 1.000.000 sản phẩm/năm.

+ Gia công, thiết kế và triển khai bản vẽ: 900.000.000 đồng/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Jtec Hà Nội:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Jtec Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Đông Anh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND huyện Đông Anh;
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty TNHH KCN Thăng Long (để biết);
- Công ty TNHH Jtec Hà Nội;
- Phòng KHĐT, QLDN (để ph/h);
- Lưu: VT, XDMT. *Amc*

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Đinh Trần Quân

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải: Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất.

+ Nguồn thải số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh số 01 tại khu nhà xưởng sản xuất;

+ Nguồn thải số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh số 02 tại khu nhà xưởng sản xuất;

+ Nguồn thải số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh số 03 tại khu vực văn phòng;

+ Nguồn thải số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh số 04 tại khu vực nhà ăn;

+ Nguồn thải số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ chậu rửa khu vực nhà ăn.

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng thuê đất và sử dụng tiện ích số TLIP-UA-050 ngày 01/8/2007 với Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long (là chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Thăng Long và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 01 tại khu nhà xưởng sản xuất → Đường ống PVC D110 (L=10m) → Hồ bơm số 1 (kích thước 800x800mm) → Đường ống PVC D110 (L= 90m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V= 64m³) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Nguồn thải số 02 và số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 02 và số 03 tại khu nhà xưởng sản xuất → Đường ống PVC D110 (L=125m) → Hồ bơm số 2 (kích thước 800x800mm) → Đường ống PVC D110 (L= 12m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V= 64m³) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Nguồn thải số 04: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 04 tại khu vực nhà ăn → Đường ống PVC D110 (L=26m) → Hồ bơm số 2 (kích thước 800x800mm) → Đường ống PVC D110 (L= 12m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V= 64m³) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Nguồn thải số 05: Nước thải sinh hoạt từ chậu rửa khu vực nhà ăn → Đường ống PVC D150 (L=11m) → Hồ bơm số 2 (kích thước 800x800mm) → Đường ống PVC D110 (L= 12m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V= 64m³) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

Toàn bộ nước thải từ các nguồn thải số 01 đến số 05, sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm sẽ tự chảy theo đường ống PVC D110 (L= 5m) dẫn ra hố ga đầu nổi (kích thước = 600x2.000x1.700mm) và cuối cùng chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Thăng Long để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 11.000 m³/ngày đêm. Tọa độ vị trí đầu nổi nước thải: X(m) = 2335577; Y(m) = 579359 (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', mũi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tách dầu mỡ (1,5 m³) → Bể điều hòa (V= 20 m³) → Bể khử Nito (V= 20 m³) → Bể Nitrat hóa (V= 45 m³) → Bể lắng bùn (V= 6,5 m³) → Bể chứa nước ra (có khử trùng bằng clo viên, V= 3,5 m³) → Hố ga đầu nổi → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol, NaOH, Clo dạng viên nén.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, ống để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý và vận hành theo đúng quy trình, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật; Lập sổ theo dõi, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Trường hợp thiết bị của hệ thống xử lý nước thải hỏng hóc và không thể vận hành, thực hiện thay thế bằng thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục sự cố.

- Trường hợp đường ống thu gom nước thải bị rò rỉ, vỡ do tác động của ngoại cảnh, tiến hành khóa nguồn nước và sử dụng bơm di động, khắc phục ngay sự cố.

- Trường hợp sự cố do vận hành, kiểm tra lại quy trình vận hành tại tất cả các công đoạn, điều chỉnh hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn hoạt tính, dinh dưỡng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

3.4. Công ty TNHH Jtec Hà Nội chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long để tiếp tục xử lý; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:**

- Nguồn thải số 01: Khí thải từ máy hàn nhúng số 01.
- Nguồn thải số 02: Khí thải từ máy hàn nhúng số 02.
- Nguồn thải số 03: Khí thải từ máy hàn nhúng số 03.
- Nguồn thải số 04: Khí thải từ máy hàn nhúng số 04.
- Nguồn thải số 05: Khí thải từ máy hàn nhúng số 05.
- Nguồn thải số 06: Khí thải từ máy hàn nhúng số 06.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn thải số 01 đến số 06. Toạ độ xả khí thải: X(m)= 2335538; Y(m)= 579335 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi giờ 3°).

Vị trí xả khí thải của dòng khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Jtec Hà Nội tại Lô P-14, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 11.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả gián đoạn theo chế độ làm việc của cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ ⁽³⁾	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	11.000	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	140 ⁽¹⁾		
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	350 ⁽¹⁾		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ ⁽³⁾	Quan trắc tự động, liên tục
4	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	800 ⁽¹⁾		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680 ⁽¹⁾		

⁽¹⁾: Giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT:

Áp dụng hệ số $K_v = 0,7$ đối với các thông số: Bụi tổng, Lưu huỳnh đioxit (SO₂); Hệ số $K_v = 0,8$ đối với thông số: Cacbon oxit (CO); Ni tơ oxit, NO_x (tính theo NO₂).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn thải số 01: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 01 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 01) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 02: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 02 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 02) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 03: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 03 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 03) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 04: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 04 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 04) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 05: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 05 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 05) → đường ống tôn mạ kẽm (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 06: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 06 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 06) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát

khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Số lượng: 06 hệ thống.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Bông lọc than hoạt tính → Quạt hút mini → Đường ống nhánh → Đường ống chính → Quạt hút tổng → Ống thoát khí thải → Môi trường.

- Lưu lượng: 11.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Bông lọc than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, vận hành của hệ thống xử lý khí thải.

- Định kỳ kiểm tra quạt hút, ống dẫn, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế vật liệu xử lý (bông lọc than hoạt tính) theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Trang bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hỏng hóc.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian sửa chữa, khắc phục, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm hệ thống xử lý khí thải vận hành ổn định (mẫu khí thải sau xử lý đạt yêu cầu) mới cho hoạt động sản xuất trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng từ tháng 04/2025 đến tháng 10/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 06 Hệ thống xử lý khí thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ thăm trên ống thoát khí thải.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số: Theo các nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Tăng cường công tác vệ sinh môi trường, nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất.

3.3. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7,8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của cơ sở.

3.7. Công ty TNHH Jtec Hà Nội chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

**NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của bộ phận lắp ráp trong xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X(m) = 2335542; Y(m) = 579293.
- Nguồn số 02: Tọa độ X(m) = 2335569; Y(m) = 579352.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Lắp đặt các đệm chống ồn. Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các máy móc thiết bị có khả năng gây

ồn lớn trong cùng một khu vực. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực tiếng ồn lớn như nút tai chống ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ, bôi trơn các máy, bảo dưỡng các thiết bị và thay thế các chi tiết bào mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (KS) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin thải	16 01 12	KS	3
2	Linh kiện điện tử thải	16 01 13	NH	200
3	Bao bì kim loại cứng (Bao bì kim loại cứng có chứa thành phần nguy hại)	18 01 02	KS	30
4	Bao bì nhựa cứng (Bao bì nhựa cứng có chứa thành phần nguy hại)	18 01 01	KS	20
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm TPNH	18 02 01	KS	16
Tổng				269

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa	73,75
2	Giấy, bìa carton	20
3	Dây điện, sắt thép	6
4	Băng dính, cao su lưu hóa, gỗ, nilon và nhựa	11,1
Tổng		110,77

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 70 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng nhựa, có nắp đậy, dung tích 10lít, 60 lít/thùng. Tất cả các thùng chứa được dán nhãn mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 5m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có kết cấu BTCT, nền bê tông, cửa chống cháy; có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ trong kho.

- Vị trí: Nằm bên trong nhà xưởng sản xuất.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu giữ: Các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng để tại các bộ phận sản xuất, cuối ngày được nhân viên thu gom và đưa về kho lưu chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 21m² (chia làm 02 kho)

+ Kho số 1 diện tích 9m² chứa giấy và bìa carton thải;

+ Kho số 2 diện tích 12m² chứa các CTRCNTT khác.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có kết cấu kết cấu BTCT, nền bê tông, cửa chống cháy. Kho được trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị PCCC theo quy định.

- Vị trí: Nằm trong nhà xưởng sản xuất.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Tại các khu vực phát sinh (văn phòng, bếp, hành lang,...), bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng, có dán tên từng nhóm chất thải để phân loại chất thải. Cuối ngày được nhân viên thu gom và đưa về khu vực lưu chứa.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 2m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu giữ có mái tôn, quây tôn bên ngoài, cửa chống cháy.

- Vị trí: Nằm ở phía cuối nhà xưởng sản xuất của Nhà máy.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp quản lý đối với chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

6. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BVMT. Các thiết bị, hệ thống, công trình, khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Thăng Long (Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long) theo quy định của pháp luật.

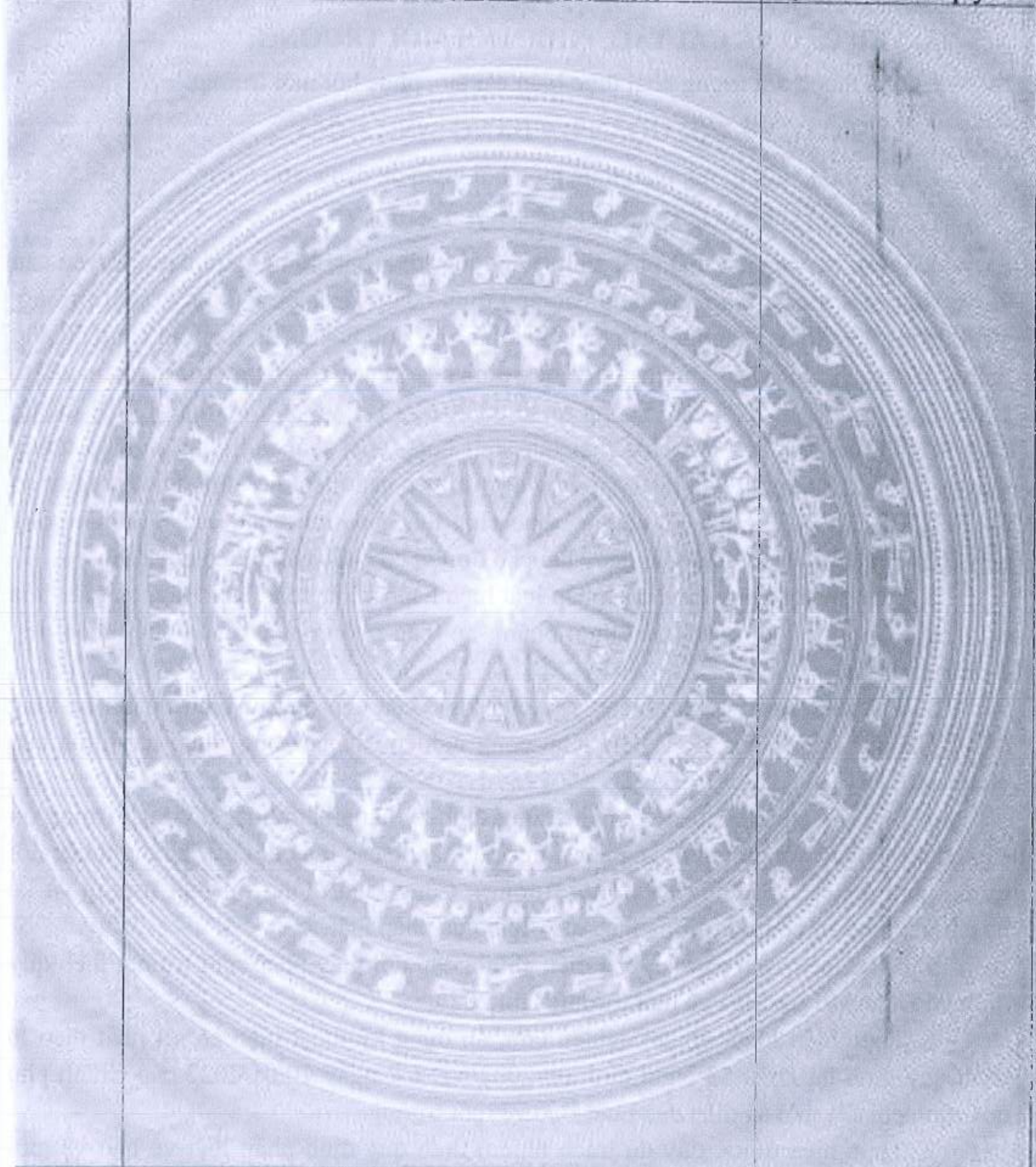
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường). Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện việc cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Ngày	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
		

Giấy chứng nhận được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



0 1 0 0 5 1 4 1 3 0 4 1 1 5 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Jtec Hà Nội

Giấy chứng nhận đầu tư số 0120430000109 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chứng nhận lần đầu ngày 18/07/2007; chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 23/4/2009

Địa chỉ trụ sở: Lô P-14, Khu công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội.

B0 888624

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: , Tờ bản đồ số:
b) Địa chỉ: Lô đất P-14 Khu công nghiệp Thăng Long, xã Vồng La, huyện Đông Anh, Hà Nội, Xã Vồng La, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
c) Diện tích: 18.145,00 m², (bằng chữ: Mười tám nghìn một trăm bốn mươi lăm phẩy không mét vuông.)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 18.145,00 m², chung:
đ) Mục đích sử dụng: Sản xuất bộ dây truyền dẫn điện Không m²
e) Thời hạn sử dụng: Đến hết ngày 22/2/2047
g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

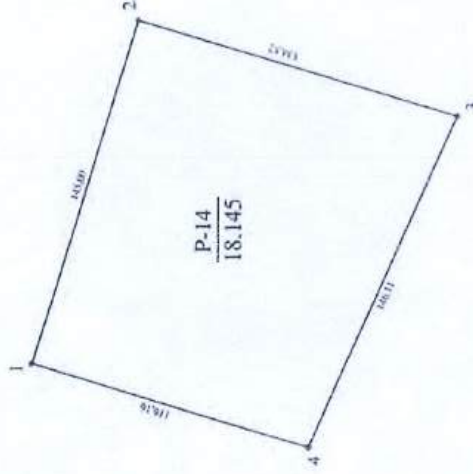
5. Cây lâu năm: -/-

6. **Ghi chú:** Thuê lại đất của Công ty TNHH khu công nghiệp Thăng Long (trước kia là Công ty khu công nghiệp Thăng Long) theo đồng thuê đất số TLIP-1JA-050 lập ngày 01/08/2007.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Theo Biên bản giao mốc giới ngày 02/08/2007 giữa Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long và Công ty TNHH Jec Hà Nội.



Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2014

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TUO, CHỦ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC



Số vào sổ cấp GCN: 00258

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 64/GPXD

I. Cấp cho: Công ty TNHH JTEC Hà Nội.

Địa chỉ: Lô P-14, KCN Thăng Long - Hà Nội.

II. Được cấp phép xây dựng các công trình thuộc dự án "Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện" theo những nội dung sau:

1. Tên dự án : Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện (giai đoạn 2)

2. Tổng số: 06 hạng mục công trình. Cụ thể :

2.1. Công trình số 1: Nhà máy mới mở rộng

- Diện tích xây dựng khoảng: 3185,3m².

- Diện tích sàn xây dựng khoảng: 3185,3m².

- Chiều cao công trình: 6,3 m (từ cốt sàn đến đỉnh mái)

- Số tầng: 01 tầng.

2.2. Công trình số 2: Nhà ăn ca mở rộng

- Diện tích xây dựng khoảng :460m².

- Diện tích sàn xây dựng khoảng: 460m².

- Chiều cao công trình: 6,3m (từ cốt sàn đến đỉnh mái)

- Số tầng: 01 tầng.

2.3. Công trình số 3: Nhà nghỉ lái xe

- Diện tích xây dựng khoảng: 13,32m².

- Diện tích sàn xây dựng khoảng: 13,32m².

- Chiều cao công trình: 3,4m (từ cốt sàn đến đỉnh mái BTCT)

- Số tầng: 01 tầng.

2.4. Công trình số 4: Nhà để xe

- Diện tích xây dựng khoảng: 527m².

- Diện tích sàn xây dựng khoảng: 527m².

- Chiều cao công trình khoảng: 2,5m (từ cốt sàn đến đỉnh mái tôn)

- Số tầng: 01 tầng.

2.5. Công trình số 5: Kho rác thải 1 và 2

- Diện tích xây dựng khoảng: 21,6m².
- Diện tích sàn xây dựng khoảng: 21,6m².
- Chiều cao công trình: 2,37m (từ cốt sàn đến đỉnh mái BTCT)
- Số tầng: 01 tầng.

2.6. Công trình số 6: Mái che (315m²) và hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh khu vực xây dựng.

3. Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: Bản vẽ thiết kế kỹ thuật.
4. Do Công ty CP tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng lập tháng 3/2013.
5. Trên lô đất P-14. Diện tích: 18 145m².
6. Cốt nền xây dựng: Theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
7. Chỉ giới xây dựng: Xây dựng trong khuôn viên khu đất của công ty; nối liền nhà xưởng hiện có và cách nhà ăn hiện có; cách chỉ giới phân cách khoảng (nhà để xe) và 19,5 (nhà máy mới mở rộng)...
8. Mật độ xây dựng hiện tại của toàn dự án: khoảng 50%
9. Hệ số sử dụng đất của toàn dự án: 0,46 lần.
10. Tỷ lệ cây xanh, thảm cỏ: Tối thiểu bằng 15% tổng diện tích toàn lô đất.
11. Màu sắc công trình: Phải hài hòa với các công trình đã có và phù hợp với cảnh quan kiến trúc chung của khu công nghiệp.
12. Địa điểm xây dựng: Tại lô đất P-14, KCN Thăng Long - Hà Nội.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

Hợp đồng thuê đất và sử dụng tiện ích số TLIP- UA- 050 ngày 1/8/2007 giữa công ty khu công nghiệp Thăng Long và công ty TNHH Jtec Hà Nội.

IV. Các công trình đã khởi công: Nhà máy và các công trình phụ trợ của các giai đoạn trước.

V. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng.

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2013

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QHXD.

KT. TRƯỞNG BAN

PHÒNG QUẢN LÝ KINH DOANH



Nguyễn Xuân Linh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp Giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...)
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP:

1. Nội dung điều chỉnh:

.....
.....
.....
.....

2. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép:tháng.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**



BIÊN BẢN KIỂM TRA
NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi: 08 giờ 30' ngày 09 tháng 5 năm 2008, tại Công ty TNHH JTEC Hà Nội.

Địa chỉ: Lô P14, Khu công nghiệp Thăng Long – Đông Anh – Hà Nội.

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA:

- Thượng tá : Nguyễn Văn Sơn - P.Trưởng Phòng Cảnh sát PCCC – Công an TP Hà Nội
- Trung tá : Nguyễn Tuấn Anh - Đội trưởng Đội Cảnh sát PCCC Bắc Thăng Long.
- Thượng úy: Ngô Tiến Long - P. Đội trưởng Đội Cảnh Sát PCCC Bắc Thăng Long.
- Trung úy : Vũ Đình Chiến - Cán bộ kiểm tra an toàn PCCC.

II. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH JTEC HÀ NỘI.

- Ông: Kawamoto – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

III. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CHÍNH: CÔNG TY SHIMIZU VIỆT NAM.

- Ông: – Bùi Thế Ánh Chức vụ: Quản lý công trình.

IV. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH KINDEN VIỆT NAM.

Đã tiến hành kiểm tra đối với: Công trình *Nhà máy Jtec Hà Nội*.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu công trình về PCCC:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về Phòng cháy chữa cháy.
- Biên bản kiểm tra thi công hệ thống PCCC.
- Hồ sơ hoàn công hệ thống PCCC.
- Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hệ thống PCCC, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

2. Kiểm tra thực tế tại công trình:

Chủ đầu tư đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu trong Giấy chứng nhận thẩm duyệt, cụ thể: thiết kế bổ sung các cửa thoát nạn dọc theo trục D. Đối chiều mở cửa theo hướng thoát nạn. Thiết kế hệ thống thông gió chống tụ khói trong nhà máy; Thiết kế bể nước chữa cháy có khối tích $\geq 54m^3$, bổ sung 01 họng nước chữa cháy trong nhà, bổ sung 02 bình chữa cháy xách tay tại khu vực sản xuất. Bổ sung 08 đầu báo cháy khói tại khu vực xưởng sản xuất. Tất cả phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã được kiểm tra kiểm định trước khi đưa vào sử dụng

Kiểm tra hệ thống PCCC được lắp đặt tại công trình:

a. Hệ thống báo cháy tự động: Gồm tủ trung tâm báo cháy đặt tại phòng bảo vệ, các đầu báo cháy lắp đặt tại khu nhà xưởng, khu văn phòng, hệ thống báo cháy tự động được thi công theo đúng theo thiết kế đã được phê duyệt. Qua kiểm tra thực tế nhận thấy: các thiết bị của hệ thống đều đảm bảo chất lượng, có thông số kỹ thuật đảm bảo theo quy định. Qua thử sác suất 02 đầu báo cháy tại các khu vực khác nhau nhận thấy hệ thống hoạt động tốt.

b. Hệ thống chữa cháy bằng bình chữa cháy xách tay: Qua kiểm tra thực tế nhận thấy các bình chữa cháy có số lượng và chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

c. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn hoạt động tốt.

d. Hệ thống chữa cháy bằng nước: Gồm các họng nước chữa cháy bố trí trong khu vực nhà xưởng, khu văn phòng, các thiết bị của hệ thống đều mới đảm bảo chất lượng và thông số kỹ thuật theo quy định. Qua thử nghiệm 02 họng nước chữa cháy có vị trí cao và xa nhất so với vị trí đặt máy bơm nhận thấy đảm bảo đủ áp lực nước đầu lăng theo quy định (6m tia nước đặc). Máy bơm chữa cháy có thông số kỹ thuật đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

3. Kiến nghị và Kết luận:

- Kiến nghị: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị Phòng cháy và chữa cháy đã được trang bị; Phối hợp với Đội Cảnh Sát PCCC Bắc Thăng Long tổ chức huấn luyện nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy; Lập và thực tập phương án chữa cháy theo quy định.

- Kết luận: Hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã lắp đặt tại công trình Nhà máy Jtec Hà Nội đảm bảo theo tiêu chuẩn phòng cháy và chữa cháy. Đồng ý nghiệm thu để đưa công trình vào hoạt động.

Biên bản lập xong vào hồi 11 giờ 30' ngày 09 tháng 5 năm 2008 gồm 02 trang được lập thành 04 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ




KAWAMOTO YOSHIAKI
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
KT .Trưởng Phòng Cảnh Sát PCCC
Phó Trưởng phòng




Thượng tá: Nguyễn Văn Sơn

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CHÍNH





ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG




Trưởng Minh Sơn

**BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 132 /NT-SCSPC&CC -P3

V/v: Nghiệm thu về PCCC công trình “Mở rộng nhà máy JTEC Hà Nội giai đoạn 2”, địa điểm lô P14, KCN Thăng Long, Đông Anh, Hà nội.

Hà nội ngày 04 tháng 11 năm 2013

Kính gửi: Công ty TNHH JTEC Hà Nội.

Theo đề nghị của Công ty tại văn bản số 05/CV.PCCC-JTEC ngày 19/9/2013 về việc nghiệm thu về PCCC đối với công trình “Mở rộng nhà máy Jtec Hà Nội giai đoạn 2”, địa điểm lô P14, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 163/CNTD-PCCC ngày 28/5/2013, văn bản thẩm duyệt về PCCC số 321/SCSPC&CC-P3 ngày 12/9/2013 của Sở Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội; biên bản kiểm tra về PCCC ngày 28/8/2013, biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 31/10/2013. Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về PCCC do chủ đầu tư chuẩn bị.

Sở Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với:

- Công trình: Mở rộng nhà máy Jtec Hà Nội giai đoạn 2.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Jtec Hà Nội.
- Địa điểm xây dựng: Lô P14, KCN Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Các nội dung và hệ thống được nghiệm thu gồm:

- Khoảng cách phòng cháy và chữa cháy, đường giao thông phục vụ chữa cháy, bậc chịu lửa của công trình, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà; hòng tiếp nước từ xe chữa cháy.
- Trang bị bình chữa cháy.
- Trang bị phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu sau đây:

Kiểm tra thường xuyên các hệ thống kỹ thuật đảm bảo duy trì hoạt động trong suốt thời gian sử dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CSPC&CC Bắc Thăng Long;
- Lưu: P3.



Thiếu tướng Nguyễn Đức Nghi

20/5
CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 267/PC07-CTPC

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020

V/v nghiệm thu về PCCC

Kính gửi: Công ty TNHH JTEC Hà Nội.

Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an TP Hà Nội nhận được văn bản số 85/NTPCCC ngày 18/5/2020 của Công ty TNHH JTEC Hà Nội về việc đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với hạng mục công trình: Cải tạo, xây dựng nhà kho vật tư thuộc nhà máy JTEC Hà Nội, địa điểm: Lô P14, KCN Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Căn cứ giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 17/TD-PCCC-Đ5 ngày 07/01/2020 của Phòng Cảnh sát PC&CC – Công an thành phố Hà Nội, biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an huyện Đông Anh lập ngày 27/5/2020; sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư chuẩn bị, Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an TP Hà Nội đồng ý nghiệm thu về PCCC đối với:

- Hạng mục công trình: Cải tạo, xây dựng nhà kho vật tư thuộc nhà máy JTEC Hà Nội.
- Địa điểm: Lô P14, KCN Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
- Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH JTEC Hà Nội.

Các nội dung được nghiệm thu gồm:

- Lối tiếp cận cho xe chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan.
- Hệ thống báo cháy tự động; phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, trang bị bình chữa cháy;

Đồng thời, đề nghị Chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Thực hiện nghiêm túc cam kết của chủ đầu tư, các kiến nghị nêu tại biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an huyện Đông Anh lập ngày 27/5/2020 và các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và các hệ thống kỹ thuật có liên quan.
- Duy trì liên tục các nội dung về giao thông, khoảng cách PCCC, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan và chế độ hoạt động của các hệ thống,

thiết bị PCCC đã được trang bị, lắp đặt như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về PCCC.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo theo quy định tại Điều 13, Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định.

Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định.//

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Trần Ngọc Dương - PGĐ CATP; (để báo cáo)
- Công an huyện Đông Anh; (công trình loại II - để theo dõi)
- Lưu: VT, CTTPC.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Phạm Trung Hiếu

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Hồi 10 giờ 30 ngày 29 tháng 2 năm 2024 Tại: **Công ty TNHH JTEC Hà Nội.**

Địa chỉ: Lô P14, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

Chúng tôi gồm:

Đại diện **Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Đông Anh - Công an thành phố Hà Nội:**

Đại úy Giang Thành Linh; Chức vụ: Cán bộ Đội Cảnh sát PCCC&CNCH.

Đã tiến hành kiểm tra đối với: **Công ty TNHH JTEC Hà Nội.**

Đại diện **Công ty TNHH JTEC Hà Nội:**

1. Ông: Fukuda Naoyuki - Chức vụ: Tổng Giám đốc;
2. Ông: Hà Trọng Hùng - Chức vụ: Trưởng phòng sản xuất.
3. Ông: Nguyễn Tân Thịnh - Chức vụ: Cán bộ phụ trách PCCC.

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NHƯ SAU:

I. TRÌNH BÀY CỦA CƠ SỞ:

- Công ty có tính chất sản xuất: Sản xuất bộ dây truyền dẫn điện (hoạt động từ năm 2008). Tổng cán bộ công nhân viên 760 người trong đó có 56 người thuộc đội PCCC cơ sở. Tổng diện tích đất 18.145 m², diện tích xây dựng 8.800m².

- Cơ sở chúng tôi đã nhận và lưu Quyết định tạm đình chỉ hoạt động số 101/QĐTĐC-CADA ngày 06/12/2022, Quyết định đình chỉ các khu vực số 87/QĐĐC-CADA ngày 31/12/2022 của Công an huyện Đông Anh.

- Hiện tại chúng tôi đang dừng hoạt động khu vực bị đình chỉ và đang trong quá trình tổ chức khắc phục các tồn tại về phòng cháy. Cơ sở cam kết đảm bảo an toàn về PCCC&CNCH trong quá trình thi công theo giấy chứng nhận thẩm duyệt số 780/TD-PCCC ngày 05/07/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH- CATP Hà Nội cấp.

- Đối với các khu vực vực đã bị đình chỉ hoạt động công ty đã tổ chức thẩm duyệt về PCCC, và nghiệm thu về PCCC theo Công văn số 150/NT-PCCC ngày 25/01/2024 về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – CATP Hà Nội.

- Báo cáo công tác kiểm tra an toàn PCCC và CNCH số 26/BC-JTEC-PCCC ngày 25/12/2023.

II. KIỂM TRA HỒ SƠ:

1. Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC&CNCH

* Kiểm tra hồ sơ quản lý theo dõi hoạt động PCCC theo các nội dung quy định, cụ thể:

Tại thời điểm kiểm tra, cơ sở đã xuất trình:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số: 9855625193 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/4/2019.

- Hồ sơ quản lý theo dõi công tác phòng cháy và chữa cháy: Cơ sở đã cập nhật các theo quy định tại Điều 4-Thông tư số 149/2020/TT-BCA. Quyết định số 01/QĐ-PCCC ngày 11/01/2021 về việc Ban hành các nội quy an toàn PCCC. Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở số 02/QĐ-PCCC ngày 11/01/2021. Quyết định thành lập BCH đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở số 03/QĐ-PCCC ngày 11/01/2021.

- Đã định kỳ tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

- Cơ sở đã thực hiện quy định về việc thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với nhà và công trình theo quy định:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 494/CNTD-PCCC ngày 08/11/2007 của Công an thành phố Hà Nội đối với Công trình Nhà máy Jtec Hà Nội;

+ Biên bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Phòng CS PCCC-Công an TP Hà Nội ngày 09/5/2008 đối với Công trình Nhà máy Jtec Hà Nội; Văn bản xác nhận nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 132/NT-CSPC&CC-P3 ngày 04/11/2013 của CS PC&CC TP Hà Nội đối với Công trình: Mở rộng nhà máy JTEC Hà Nội giai đoạn 2;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 163/TD-PCCC-P3 ngày 28/5/2013 của CS PC&CC thành phố Hà Nội đối với Công trình: Mở rộng nhà máy JTEC Hà Nội giai đoạn 2;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 420/TD-PCCC-P3 ngày 12/6/2017 của CS PC&CC TP Hà Nội đối với Công trình Xây dựng trạm cấp gas cho bếp ăn - Nhà máy JTEC Hà Nội;

+ Giấy xác nhận nghiệm thu về PCCC số 220/NT-PCCC-P3 ngày 04/7/2017 của CS PC&CC TP Hà Nội đối với Công trình Xây dựng trạm cấp gas cho bếp ăn - Nhà máy JTEC Hà Nội.

+ Biên bản kiểm tra về việc thực hiện các quy định về PCCC ngày 16/03/2018 của Phòng Cảnh sát PCCC số 6 - Cảnh sát PCCC Thành Phố Hà Nội.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 17/TD-PCCC-Đ5 ngày 07/01/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH- Công an TP Hà Nội với hạng mục: “Cải tạo, xây dựng nhà kho vật tư”.

+ Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 27/5/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đối với hạng mục công trình: “Cải tạo, xây dựng nhà kho vật tư”.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 780/TD-PCCC ngày 05/07/2023 của nhà máy Jtec Hà Nội, hạng mục cải tạo, bổ sung mái che mưa cho nhà xưởng chính và xây mới nhà kho số 2; Công văn số 150/NT-PCCC ngày

25/01/2024 về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – CATP Hà Nội.

- Có sơ đồ bố trí công nghệ, layout nhà máy, sơ đồ bố trí họng nước chữa cháy.
- Cơ sở đã xuất trình phương án chữa cháy cơ sở mẫu PC11 được phòng cảnh sát PCCC&CNCH phê duyệt ngày 04/01/2020.
- Kiểm tra việc chấp hành các nội quy, quy định về phòng cháy, nhận thức cơ bản về phòng cháy và chữa cháy của người làm việc trong cơ sở đảm bảo theo quy định.
- Đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy định kỳ năm 2023 theo quy định Khoản 10 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.
- Cơ sở đã cập nhật các sổ theo dõi công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và hoạt động của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định.
- Đã tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC trong công ty (có biên bản lưu hồ sơ) theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.
- Cơ sở đã lập dự trù kinh phí, ngân sách đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy năm 2024 theo quy định tại Điều 20, Điều 55 Luật Phòng cháy và chữa cháy.
- Cơ sở đã xuất trình hồ sơ kiểm định, về chất lượng, chủng loại, mẫu mã của phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

- Báo cáo bảo dưỡng (hệ thống báo cháy thông thường) của Trung tâm thiết bị PCCC Thăng Long năm tháng 11/2023 thực hiện bảo dưỡng hệ thống báo cháy thông thường tại công ty TNHH JTEC Hà Nội theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, TCVN 5738:2001.

*** Kiểm tra hồ sơ quản lý theo dõi hoạt động CNCH theo các nội dung quy định tại Điều 09 Thông tư số 08/2018 TT-BCA gồm:**

- Hồ sơ quản lý theo dõi công tác cứu nạn, cứu hộ: Cơ sở đã cập nhật các theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA. Đã ban hành quy trình cứu nạn, cứu hộ số 04/QĐ-PCCC ngày 11/01/2021.
- Đã xây dựng phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ sở mẫu 04 theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.
- Danh sách người được phân công thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ theo đội viên đội PCCC cơ sở.

2. Công tác huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH:

- Đã tổ chức huấn luyện nghiệp vụ về PCCC cho đội viên đội PCCC cơ sở và được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC&CNCH theo quyết định 306/QĐ-CSPCCC&CNCH ngày 01/02/2021 cho 50 người.
- Quyết định số 19/QĐ-CSPCCC&CNCH ngày 11/01/2022 của phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hà Nội về việc cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH cho 60 người trong đội PCCC cơ sở.
- Công văn số 46/CAĐA-PCCC ngày 27/12/2022 về việc xác nhận bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC cho 56 đội viên PCCC cơ sở.

- Quyết định số 398/QĐ-CSPCCC&CNCH ngày 26/12/2023 của phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hà Nội về việc cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH cho 60 người trong đội PCCC cơ sở.

3. Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc:

- Công ty đã mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số PAR220137HYD.C do công ty bảo hiểm liên hiệp cấp ngày 21/4/2023 có hạn đến ngày 29/04/2024.

4. Đo điện trở chống sét.

- Ngày 28/10/2023 cơ sở đã tổ chức đo kiểm tra điện trở hệ thống chống sét cho nhà và công trình, có biên bản đo của Công ty CP kiểm định chống sét & dịch vụ PCCC Hà Nội.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ:

1. Công tác đầu tư xây dựng trong lĩnh vực PCCC:

1.1. Quy mô:

- *Đánh giá tổng thể:* Diện tích khu đất khoảng: 18.145m², diện tích xây dựng khoảng: 8.800m². Tổng số: 02 Khối.

- *Đánh giá chi tiết từng hạng mục:*

+ Khu vực nhà xưởng GĐ1: Có diện tích khoảng: 4.428 m², 01 tầng nổi, 0 tầng hầm, chiều cao khoảng 7m, dùng làm khu vực sản xuất, văn phòng, kho.

+ Khu vực nhà xưởng GĐ2: Có diện tích khoảng: 3.636 m², 01 tầng nổi, 0 tầng hầm, chiều cao khoảng 7m, dùng làm khu vực sản xuất, kho.

+ Khu vực kho mới có diện tích khoảng 195m², cao khoảng 7m.

1.2. Thời điểm xây dựng:

- Hạng mục Xưởng sản xuất GĐ1 năm 2007.

- Hạng mục Xưởng sản xuất GĐ1 năm 2013.

- Hạng mục kho mới xây dựng năm 2020.

1.3. Công tác thẩm duyệt, nghiệm thu:

- Công trình thuộc diện thẩm duyệt, nghiệm thu theo Phụ lục V, Nghị định 136/2020/NĐ-CP. Đã được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy các giai đoạn.

2. Kiểm tra thực tế:

2.1. Giao thông phục vụ chữa cháy:

- Giao thông bên ngoài: Là đường nội bộ khu công nghiệp có chiều rộng các tuyến đường khoảng từ 5m đến 10m thuận lợi cho xe chữa cháy di chuyển, chiều cao thông thủy.

- Giao thông bên trong:

+ Cơ sở có đường giao thông nội bộ bằng bê tông rộng từ 5m đến 8m thuận lợi cho xe chữa cháy tiếp cận chữa cháy.

+ Xe chữa cháy có thể tiếp cận đến từng hạng mục công trình, chạy dọc 2 bên và xung quanh nhà xưởng.

2.2. Khoảng cách PCCC

- Khoảng cách giữa các hạng mục công trình: Đảm bảo theo bảng E1, E2 Quy chuẩn Việt Nam QCVN 06:2023/BXD.

- Khoảng cách đến đường ranh giới khu đất: Đảm bảo theo bảng E3 Quy chuẩn Việt Nam QCVN 06:2023/BXD.

2.3. Bố trí mặt bằng: Đối với các khu vực đình chỉ hoạt động cơ sở đã dừng hoạt động tiến hành thi công theo giấy chứng nhận thẩm duyệt số 780/TD-PCCC ngày 05/07/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH- CATP Hà Nội cấp.

2.4. Bậc chịu lửa:

- Bộ phận chịu lửa: Bậc II.

2.5. Giải pháp ngăn cháy:

- Công ty đã tổ chức vệ sinh công nghiệp tại khu vực nhà xưởng sản xuất để ngăn ngừa các sản phẩm bụi công nghiệp bám vào các thiết bị điện tạo thành môi trường có nguy hiểm về cháy nổ, đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Tại các khu vực: Cơ sở bố trí, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

- Tại các khu vực: Cơ sở bố trí sắp xếp vật tư hàng hóa đảm bảo pháp ngăn cháy, đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

2.6. Lối thoát nạn:

- Đảm bảo số lối thoát nạn, chiều rộng, chiều cao của lối thoát nạn của các hạng mục công trình theo quy định.

- Cơ sở sắp xếp vật tư hàng hóa đảm bảo yêu cầu thoát nạn, và cứu tài sản khi xảy ra sự cố theo quy định.

2.7. Giải pháp chống tụ khói: Đảm bảo.

2.8. Trang bị phương tiện PCCC&CNCH:

- Đã trang bị bột bình chữa cháy gồm các bình chữa cháy các loại: 116 bình MFZL4, 39 bình MT3. Kiểm tra các bình chữa cháy hoạt động bình thường, bố trí tại các vị trí dễ thấy, dễ lấy thuận lợi cho việc thao tác sử dụng khi xảy ra sự cố. Cơ sở bố trí các bình chữa cháy đảm bảo về số lượng, đảm bảo khoảng cách bố trí giữa các bình và diện tích bảo vệ của mỗi bình tại các khu vực chức năng theo quy định tại Mục 5 TCVN 3890:2023.

- Cơ sở đã trang bị hệ thống hệ thống báo cháy tự động. Kiểm tra hệ thống báo cháy tự động hoạt động đảm bảo theo quy định. Khu vực tủ trung tâm báo cháy luôn có người thường trực.

- Cơ sở trang bị hòng nước chữa cháy bằng nước trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà: đã trang bị 02 máy bơm chữa cháy tại khu vực bơm (01 động cơ dầu và 01 động cơ điện) cho khu vực nhà máy. Kiểm tra hệ thống chữa cháy bằng nước, máy bơm chữa cháy, hệ thống hoạt động đảm bảo theo quy định.

- Đã trang bị hệ thống chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn tại khu vực sản xuất và các khu vực chức năng. Kiểm tra hệ thống, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn đảm bảo khả năng hoạt động theo chức năng đã quy định.

- Máy bơm phục vụ chữa cháy: 01 bơm Diezen, 01 bơm điện, cột áp 51m, lưu lượng 50m³/h, có nguồn điện ưu tiên.

- Cơ sở đã trang bị phương tiện cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP, Thông tư số 150/2020/TT-BCA.

- Các phương tiện, hệ thống PCCC đã được bảo dưỡng định kỳ hàng năm.

2.9. Nguồn nước phục vụ chữa cháy

- Bên ngoài: Trữ nước nội bộ khu công nghiệp cách cơ sở 50m; bể nước công trình lân cận. Xe chữa cháy có tiếp cận và hút nước phục vụ công tác chữa cháy.

- Bên trong: 01 bể 94m³. Xe chữa cháy có tiếp cận và hút nước phục vụ công tác chữa cháy.

2.10. Hệ thống gas:

- Đảm bảo.

2.11. Hệ thống điện:

- Hệ thống điện: Đã được lắp đặt riêng biệt, độc lập, có các thiết bị bảo vệ (aptomat điện tổng) để kịp thời ngắt mạch khi xảy ra sự cố. Các máy móc sử dụng điện của cơ sở đều được lắp đặt cầu dao, aptomat bảo vệ.

- Dây dẫn điện, cáp điện trong nhà được đi trong ống ghen cách điện, chống cháy. Hệ thống điện chiếu sáng được lắp đặt nguồn riêng biệt so với nguồn cấp cho các thiết bị công nghệ.

- Việc sử dụng điện đảm bảo an toàn theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đúng công suất theo thiết kế, lắp đặt.

II. KIẾN NGHỊ:

Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; Căn cứ các TCVN và các tiêu chuẩn ngành quy định về an toàn PCCC có liên quan.

Để đảm bảo an toàn Phòng cháy và chữa cháy trong quá trình hoạt động, Công an huyện Đông Anh yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty TNHH JTEC Hà Nội thực hiện các nội dung sau:

1. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở theo quy định tại Khoản 3 - Điều 5 Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 và Khoản 2- Điều 1 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2013.

Thời hạn hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

2. Duy trì tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC&CNCH theo quy định. Định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6 và 15/12 hàng năm) gửi báo cáo kết quả kiểm tra về cơ quan Công an quản lý trực tiếp (báo cáo gửi về Công an huyện Đông Anh qua Đội Cảnh sát PCCC&CNCH) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; Báo cáo bằng văn bản khi có thay đổi về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA. Định kỳ vào cuối tháng 11 hàng năm, cơ sở phải thống kê, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy,

chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021.

Thời hạn hoàn thành: Duy trì thường xuyên.

Biên bản lập xong hồi 12 giờ 30 cùng ngày. Gồm 07 trang, được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và ký tên dưới đây.

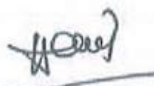
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA



**FUKUDA NAOYUKI
TỔNG GIÁM ĐỐC**


Kia trong tên,



Đại úy Giang Thành Linh

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VÀ SỬ DỤNG TIỆN ÍCH

Số: TLIP - UA - 050

Hợp đồng này được lập ngày 1 tháng 8 năm 2007 giữa các bên:

1. Tên : Công ty Khu Công nghiệp Thăng Long
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Thăng Long,
Huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam

đại diện bởi ông Takeichi Omata, Tổng Giám đốc Công ty Khu Công nghiệp Thăng Long, là công ty được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam, giấy phép (Giấy phép Đầu tư) số 1845/GP ngày 22 tháng 2 năm 1997 và 1845/GPDC6 ngày 21 tháng 6 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp (sau đây được gọi là "TLIP").

2. Tên : Công ty TNHH Jtec Hanoi
Địa chỉ : Lô 14, Khu công nghiệp Thăng Long, Huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam

đại diện bởi ông Yoshiaki Kawamoto, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Jtec Hanoi (sau đây được gọi là "Khách hàng"), là công ty được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam, Giấy chứng nhận Đầu tư số 012043000050 ngày 18 tháng 7 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp (sau đây được gọi là "HIZA").

Xét rằng, TLIP có những giấy phép cần thiết và/hoặc quyền để xây dựng và phát triển khu công nghiệp có tên gọi là Khu Công nghiệp Thăng Long (sau đây gọi tắt là "KCN"), và để thu hút đầu tư vào KCN.

Xét rằng, Khách hàng muốn đầu tư và thiết lập hoạt động kinh doanh công nghiệp trong KCN theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 012043000050 ngày 18 tháng 7 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp (sau đây được gọi là "HIZA")

Xét rằng, TLIP chấp thuận cho khách hàng đầu tư vào KCN.

Do vậy, xem xét các thỏa thuận dưới đây, TLIP và Khách hàng đồng ý ký Hợp đồng Thuê đất và Sử dụng Tiện ích theo những điều khoản sau đây.

Điều 1 QUYỀN SỬ DỤNG

1.1 TLIP sẽ trao cho Khách hàng những quyền sau (sau đây được gọi tắt là "Quyền sử dụng") theo những điều khoản sau đây:

- 1) Quyền duy nhất sử dụng và giữ lô đất như đề cập ở Điều 5 (sau đây gọi là "Quyền đối với Lô đất") đến ngày 21 tháng 2 năm 2047, hay đến ngày hết hạn

Giấy phép Đầu tư của TLIP (sau đây gọi tắt là “Ngày hết hạn”). Theo Hợp đồng này và thông qua các thủ tục cần thiết của các cơ quan hữu quan chính phủ, Quyền sử dụng lô đất sẽ được chuyển cho Khách hàng và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sẽ do cơ quan hữu quan chính phủ ban hành cho Khách hàng.

- 2) Quyền sử dụng các tiện ích trong KCN cũng giống như những khách hàng khác trong KCN như đường xá, hệ thống điện, hệ thống cấp nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống viễn thông và hệ thống nước thải dành riêng cho các khách hàng trong KCN (sau đây gọi tắt là “Những tiện ích chung”) cho đến Ngày hết hạn (sau đây gọi tắt là “Quyền sử dụng tiện ích”).
- 3) Quyền sử dụng các dịch vụ khác của TLIP cho đến Ngày hết hạn (sau đây gọi tắt là “Quyền sử dụng dịch vụ”).

Điều 2 ĐƠN GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG

- 2.1 Để tiện lợi, đơn giá Quyền sử dụng sẽ được tính trên cơ sở diện tích thực tế của Lô đất (sau đây gọi tắt là “Giá”). Tuy nhiên, Giá sẽ không chỉ bao gồm giá trị Quyền sử dụng Lô đất mà còn bao gồm giá trị Quyền sử dụng và giá trị Quyền sử dụng Dịch vụ.
- 2.2 Đơn giá sẽ là 74,00 Đô la Mỹ/m² (bảy mươi tư Đô la Mỹ chẵn trên một mét vuông) hay tổng giá thành là 1.342.730,- Đô la Mỹ (Một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi Đô la Mỹ chẵn).
- 2.3 Nếu tổng diện tích thực của Lô đất khác với diện tích của Lô đất như đề cập trong Điều 5, thì diện tích thực của Lô đất sẽ được lấy làm căn cứ và tổng giá Quyền sử dụng sẽ được điều chỉnh như sau để phản ánh diện tích thực của Lô đất:
 - a. trong phạm vi $\pm 0,5\%$ so với diện tích là 18.145 m², không phải điều chỉnh giá.
 - b. ngoài phạm vi $\pm 0,5\%$ so với diện tích 18.145 m², cứ mỗi m² nhiều hơn hoặc ít hơn diện tích đã đề cập trong Điều 5.1c sẽ được tính là 74,00 Đô la Mỹ/m².
- 2.4 Trong trường hợp Khách hàng từ chối Quyền sử dụng vì bất cứ lý do nào trước Ngày hết hạn thì Khách hàng sẽ không được đòi TLIP trả lại bất cứ khoản tiền nào tương ứng với thời hạn còn lại trong Giấy phép Đầu tư của TLIP.

Điều 3 PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Khách hàng sẽ thanh toán cho TLIP tiền thuê Lô đất P-14, cụ thể là 1.342.730,- Đô la Mỹ (Một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi Đô la Mỹ chẵn) muộn nhất vào ngày 10 tháng 8 năm 2007.
- 3.2 Nếu Khách hàng không hoặc chậm thanh toán bất cứ khoản nào tương ứng với Điều 3.1, thì Khách hàng phải thanh toán cho TLIP lãi quá hạn đối với khoản tiền đó. Khoản tiền này sẽ là được tính lãi suất là 2% (hai phần trăm) một tháng

(nếu không sẽ là lãi suất cao nhất theo Luật Việt Nam) tính từ ngày hết hạn cho đến ngày trả đủ.

Điều 4. TRAO QUYỀN SỬ DỤNG

4.1 TLIP trao Quyền sử dụng Lô đất P-14 cho Khách hàng khi Khách hàng trả đủ khoản tiền nêu trong điều 3.1.

Điều 5. QUYỀN ĐỐI VỚI LÔ ĐẤT

5.1 TLIP và Khách hàng sau đây chấp thuận rằng Khách hàng sẽ duy nhất sử dụng và giữ Lô đất như được nêu rõ dưới đây:

- a. Vị trí : Khu Công nghiệp Thăng Long
Huyện Đông Anh, Hà Nội
- b. Lô số : P-14
- c. Diện tích Lô đất : 18.145 m²

5.2 Khách hàng chứng nhận rằng TLIP đã cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình về Lô đất và KCN, Khách hàng đồng ý tuân thủ và chứng nhận đã nhận được nội quy của KCN (sau đây gọi tắt là “Nội quy KCN”).

5.3 Khách hàng chứng nhận và đồng ý rằng Nội quy KCN là một phần của Hợp đồng

Điều 6 QUYỀN SỬ DỤNG TIỀN ÍCH

6.1 Khách hàng cũng như những khách hàng khác trong KCN đều có quyền sử dụng các tiện ích chung và chịu mọi rủi ro. Các khách hàng sẽ chịu trách nhiệm trước bất cứ thiệt hại nào đối với những tiện ích chung và bồi thường toàn bộ cho TLIP về những yêu cầu, hành động và kiện tụng TLIP do khách hàng sử dụng hoặc làm thiệt hại đối với những tiện ích chung.

6.2 Khách hàng sẽ trả phí và những chi phí khác cho những nhà cung cấp về việc sử dụng những tiện ích theo hợp đồng ký kết riêng giữa Khách hàng và những nhà cung cấp. Việc thanh toán này sẽ tách riêng với việc thanh toán cho Quyền sử dụng và phí quản lý như đề cập trong Điều 7 của Hợp đồng này.

6.3 Mọi việc lắp đặt và xây dựng những hạng mục từ những điểm đầu nối tới Lô đất và trong phạm vi Lô đất do các nhà cung cấp dịch vụ chuẩn bị ("Các điểm đầu nối") sẽ do Khách hàng chịu phí tổn và chịu trách nhiệm bảo vệ.

6.4 Vào ngày ký Hợp đồng này, Khách hàng sẽ trả tiền cho TLIP để được quyền nối hệ thống ống nước và dây cáp điện của họ với hệ thống ống nước và dây cáp điện chung của KCN. Khoản phí đầu nối nước và điện sẽ dựa trên lượng nước

tiêu thụ và công suất điện dự kiến tối đa cần thiết cho hoạt động của Khách hàng như đề cập trong Điều 8.5 và sẽ được tính theo các bảng sau:

(a) Phí đấu nối nước công nghiệp:

<u>Lượng nước tiêu thụ dự kiến tối đa trong 24 giờ</u>	<u>Phí đấu nối</u>
100m ³ và dưới 100m ³	10.000 Đô la Mỹ
Trên 100 m ³ đến 200 m ³	30.000 Đô la Mỹ
Trên 200 m ³ đến 600 m ³	60.000 Đô la Mỹ
Trên 600 m ³ đến 1,400 m ³	100.000 Đô la Mỹ
Trên 1,400 m ³ đến 2,500 m ³	150.000 Đô la Mỹ
Trên 2,500 m ³	200.000 Đô la Mỹ

(b) Phí đấu nối điện:

<u>Công suất điện dự kiến tối đa</u>	<u>Phí đấu nối</u>
150KVA và dưới 150KVA	10.000 Đô la Mỹ
Trên 150KVA đến 300KVA	20.000 Đô la Mỹ
Trên 300KVA đến 500KVA	30.000 Đô la Mỹ
Trên 500KVA đến 1.200KVA	40.000 Đô la Mỹ
Trên 1.200KVA	40.000 Đô la Mỹ cộng các chi phí thực tế nâng cấp các trang thiết bị cung cấp điện để đạt tới công suất điện trên 1.200 KVA

Nếu hai bên đồng ý tăng lượng nước tiêu thụ hoặc công suất điện dự kiến tối đa (tùy từng trường hợp) như đề cập trong Điều 8.5, Khách hàng sẽ trả cho TLIP khoản tiền chênh lệch giữa khoản phí đấu nối cho lượng nước tiêu thụ hoặc công suất điện dự kiến tối đa mới (tùy từng trường hợp) và khoản phí đấu nối tương ứng mà Khách hàng đã trả cho TLIP.

- 6.5 Khách hàng sẽ trả cho TLIP phí sử dụng nước và xử lý nước thải với mức giá là 0,80 Đô la Mỹ/m³ dựa trên lượng nước tiêu thụ mỗi tháng, vào ngày 15 của tháng sau.
- 6.6 Tùy theo từng thời điểm, TLIP có quyền sửa đổi những loại phí như đề cập trong Điều 6.5.

Điều 7 QUYỀN SỬ DỤNG DỊCH VỤ

- 7.1 TLIP sẽ cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ như bảo trì, điều hành và quản lý của KCN.
- 7.2 Vào ngày 15 tháng 1 hàng năm, Khách hàng sẽ thanh toán trước cho TLIP một khoản phí (sau đây gọi tắt là "Phí quản lý") cho năm đó là 1,00 Đô la Mỹ/m²/năm cho tổng diện tích của Lô đất được nêu tại Điều 5.1c hoặc những khoản khác sẽ do TLIP qui định tùy từng thời điểm, trong trường hợp việc trao quyền sử dụng theo Điều 4 được diễn ra trong năm, Khách hàng sẽ thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này theo công thức sau:

$$X = A \times B/3 \times C$$

Trong đó:

- X: là tổng số tiền phải trả
- A: là phí quản lý hàng quý tại thời điểm thanh toán
- B: là số tháng trong năm kể từ khi Khách hàng nhận được Quyền sử dụng theo Điều 4 trên (bất cứ ngày nào của tháng sẽ được tính là một tháng cho mục đích tính toán)
- C: là diện tích của Lô đất tính theo m²

- 7.3 Phí quản lý sẽ bao gồm các loại phí cần thiết cho việc TLIP quản lý KCN có hiệu quả cộng với chi phí hợp lý trả cho TLIP với tư cách là Công ty quản lý KCN. Khoản thanh toán phí Quản lý sẽ tách rời với khoản thanh toán tiền thuê đất và những phí khác mà TLIP sẽ đưa ra bao gồm, nhưng không giới hạn, phí sử dụng nước công nghiệp và xử lý nước thải hay phí đấu nối hệ thống nước công nghiệp và những phí đấu nối khác của hạ tầng.

Điều 8 ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN QUYỀN SỬ DỤNG

- 8.1 Khách hàng sẽ thực hiện Quyền sử dụng theo đúng qui định của Hợp đồng, Nội qui KCN và luật pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Khách hàng chứng nhận rằng Nội quy KCN có thể được TLIP thay đổi và bổ sung tùy từng thời điểm.
- 8.2 Khách hàng sẽ thực hiện Quyền sử dụng với những mục đích như thiết kế, lắp đặt hay xây dựng và vận hành nhà máy để sản xuất hay những công trình khác (nhà máy và/hoặc các hạng mục đều được gọi tắt là "Các công trình") sẽ (i) được TLIP thông qua và (ii) trong phạm vi, theo, phù hợp với và không sai với những điều khoản hay qui định của Hợp đồng này, của Nội qui KCN và của những giấy phép, giấy chứng nhận liên quan cần thiết theo luật pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 8.3 Các Công trình sẽ được thiết kế, lắp đặt, xây dựng và vận hành một cách nghiêm túc theo và phù hợp với tiêu chuẩn, giới hạn và yêu cầu như việc thuê mướn kiến trúc sư và các nhà thầu đã được cấp phép, tỉ lệ diện tích mặt bằng xây dựng, tỉ lệ diện tích sàn xây dựng và diện tích mặt bằng, khoảng lùi từ đường chính và đường phụ, chiều cao của công trình và nhiều nữa do luật pháp, nội quy, mệnh lệnh, hướng dẫn và/hoặc những điều khoản của giấy chứng nhận, giấy phép hay chấp thuận của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và/hoặc các cơ quan hữu quan, Nội quy cũng như mệnh lệnh hay hướng dẫn của các quan chức cơ quan hữu quan hay của TLIP.
- 8.4 Khách hàng sẽ mua và duy trì những khoản bảo hiểm thích hợp bằng chi phí của mình đối với Lô đất, công việc xây dựng các công trình, các công trình và các hoạt động của Khách hàng trong KCN có thể do TLIP yêu cầu. Các đơn bảo hiểm này sẽ ghi quyền lợi của TLIP trong KCN, những bản sao các hợp đồng và chứng từ đã trả phí bảo hiểm sẽ được chuyển cho TLIP khi yêu cầu.

8.5 Các tiện ích sẵn có đối với khách hàng sẽ có những giới hạn về khối lượng như sau :

- (1) Nước công nghiệp : m³ một ngày đêm (24 giờ)
- (2) Điện : KVA (do Công ty Điện lực Hà Nội cung cấp)
- (3) Điện thoại và Fax : đường dây (do Công ty Bưu chính Viễn thông Hà Nội cung cấp)

Điều 9 KIỂM SOÁT Ô NHIỄM VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP KHÁC

9.1 Khách hàng sẽ áp dụng chặt chẽ các biện pháp kiểm soát ô nhiễm và bất cứ và tất cả những biện pháp nào liên quan đến việc hoạt động của công trình hay sử dụng Lô đất, bao gồm nhưng không giới hạn quyền lợi và sự an toàn, theo và phù hợp với tiêu chuẩn, giới hạn và yêu cầu của luật pháp, qui định, nội qui, hướng dẫn và/hoặc những điều kiện của giấy phép, giấy chứng nhận của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và/hoặc các cơ quan chức năng và Nội qui KCN cũng như những nội qui hay hướng dẫn của cán bộ các cơ quan hữu quan hoặc của TLIP.

Điều 10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP KHÁC

10.1 Tất cả các loại thuế và các khoản phải nộp khác đối với các khoản thanh toán trong Hợp đồng này sẽ do Khách hàng trả bất kể tên người nhận của các loại thuế và các khoản phải nộp đó là ai.

Điều 11 CHUYỂN NHƯỢNG

11.1 Hợp đồng này hoặc bất cứ quyền hay nghĩa vụ nào ở đây bao gồm Quyền sử dụng đều không thể chuyển nhượng được mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của TLIP và sẽ không được từ chối một cách bất hợp lý ngoại trừ đối với người kế nhiệm hợp pháp toàn bộ hay về cơ bản là tất cả hoạt động kinh doanh hay tài sản của Khách hàng liên quan đến những hoạt động trong KCN miễn là sự chuyển nhượng này phải tuân theo luật pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và phải giao cho TLIP thoả thuận của người uỷ được quyền, chứng nhận uỷ quyền và sẽ được tiến hành. Khách hàng phải yêu cầu người được uỷ quyền nghiêm khắc chấp hành nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

11.2 Tuy nhiên, Hợp đồng này hoặc bất cứ quyền hay nghĩa vụ nào ở đây bao gồm Quyền sử dụng đều không thể chuyển nhượng được trong bất kỳ trường hợp nào nếu Lô đất vẫn chưa được sử dụng hay chưa có công trình nào xây dựng hoặc chưa hoàn thành theo kế hoạch của Khách hàng.

Điều 13. TRẢ LẠI LÔ ĐẤT KHI CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 13.1 Trong trường hợp Hợp đồng này chấm dứt theo Điều 12, Khách hàng sẽ thực hiện các thủ tục trả lại Lô đất do TLIP quản lý. Những chi phí cần thiết để làm thủ tục sẽ do Khách hàng chịu.
- 13.2 Trong những trường hợp nêu trong Điều 13.1, do TLIP lựa chọn và Khách hàng chịu chi phí thì Khách hàng sẽ phải di chuyển ngay các công trình và động sản trên Lô đất và trả lại cho TLIP khu đất theo đúng hiện trạng như khi bàn giao cho Khách hàng.
- 13.3 Trong trường hợp Khách hàng vi phạm những nghĩa vụ nêu trong Điều 13.1 hay 13.2 thì TLIP có thể tiếp nhận Lô đất và động sản trên Lô đất; chi phí liên quan sẽ do Khách hàng chịu. Trong trường hợp đó, Khách hàng sẽ bị tước bỏ tất cả tư cách, quyền và quyền lợi; và Khách hàng không thể yêu cầu bên thứ ba phản đối hay đòi hỏi TLIP về việc TLIP khôi phục lại Lô đất.
- 13.4 Nếu TLIP khôi phục lại Lô đất, Khách hàng phải trả tất cả chi phí phục hồi Lô đất cho TLIP.

Điều 14. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 14.1 Không bên nào phải chịu trách nhiệm về sự chậm trễ hay không thực hiện những nghĩa vụ trong Hợp đồng này trong trường hợp sự chậm trễ hay không thực hiện đúng nghĩa vụ do trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, nổ, giới hạn của chính phủ hay tòa án, bãi công, bạo động, chiến tranh, thiên tai hay những nguyên nhân tương tự ngoài sự kiểm soát của các bên và không thể cứu chữa được trong một khoảng thời gian nhất định bằng những nỗ lực nhất định. Nếu một bên dựa vào trường hợp bất khả kháng để không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như trong Hợp đồng này, bên đó phải cung cấp một bản tường trình cho bên kia về những cố gắng họ đã vượt qua. Trong thời gian diễn ra trường hợp bất khả kháng, các bên vẫn tiếp tục thực hiện những nghĩa vụ có thể trong Hợp đồng này.

Điều 15. THÔNG BÁO

- 15.1 Bất cứ một thông báo nào cần thiết hoặc được một bên chấp nhận trong Hợp đồng này sẽ được sử dụng cho tất cả các mục đích bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua thư bảo đảm, thư thường hoặc fax đến:

(a) TLIP	:	Công ty Khu Công nghiệp Thăng Long
Địa chỉ	:	Khu Công nghiệp Thăng Long Đông Anh, Hà Nội
Số Fax	:	(04) 8810624
E-mail:	:	takeichi.omata@thanglong-ip.com
Người nhận	:	Ông Takeichi Omata Tổng Giám đốc

Điều 12 CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

12.1 Khách hàng sẽ bị coi là vi phạm Hợp đồng trong một trong những trường hợp sau:

- (a) Nếu Khách hàng nhận được bất cứ đơn yêu cầu thi hành án, tịch biên tài sản tạm thời, hoặc bán đấu giá tài sản, hay Khách hàng gửi đơn kháng cáo;
- (b) Có bất cứ yêu cầu phá sản, tổ chức lại công ty hay tái xây dựng công ty được trình lên chống lại Khách hàng;
- (c) Nếu Khách hàng giải thể;
- (d) Nếu Khách hàng không đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn phải trả;
- (e) Nếu Khách hàng vi phạm bất cứ một điều khoản nào của Hợp đồng này hoặc của Nội qui KCN;
- (f) Nếu TLIP xét thấy hoặc thấy rằng, theo ý muốn của TLIP, Khách hàng gây hoặc đang trong tình trạng gây tổn thất hoặc làm mất mát tài sản trong KCN;
- (g) Nếu bất cứ sự cầm cố hoặc trở ngại nào đối với Quyền sử dụng hoặc quyền lợi của Khách hàng trong Lô đất mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của TLIP; hay
- (h) Nếu Giấy phép Đầu tư của Khách hàng hay giấy phép hoạt động khác của Khách hàng bị huỷ, thu hồi, hết hiệu lực hoặc hết hạn.

12.2 Trong trường hợp Khách hàng vi phạm bất cứ một điều khoản nào trong Hợp đồng này hay Nội qui KCN hoặc trong bất kỳ một trường hợp nào trong Điều 12.1 xảy ra, TLIP sẽ gửi thông báo phạm qui cho Khách hàng về vi phạm và sửa chữa cần thiết của Khách hàng. Nếu Khách hàng không sửa chữa vi phạm trong vòng mười bốn (14) ngày dương lịch kể từ ngày thông báo thì TLIP sẽ (nhưng không bắt buộc) chấm dứt Hợp đồng này.

12.3 Trong trường hợp Hợp đồng này chấm dứt do một trong những lý do đã nêu trong điều 12.1:

- (a) quyền Sử dụng Lô đất sẽ tự động trao lại cho TLIP; và
- (b) tiền thuê đất đã trả như Điều 2 sẽ không được trả lại cho Khách hàng

12.4 Hợp đồng này sẽ tiếp tục và có đầy đủ hiệu lực khi bất kỳ quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng hay Nội qui KCN có trước khi chấm dứt Hợp đồng này.

- (b) Khách hàng : Công ty TNHH Jtec Hanoi
Địa chỉ : Lô 14, Khu công nghiệp Thăng Long,
Đông Anh, Hà Nội
Số Fax :
E-mail :
Người nhận : Ông Yoshiaki Kawamoto
Tổng Giám đốc

hoặc địa chỉ khác sẽ do các bên thông báo cho nhau bằng văn bản tùy từng thời điểm.

- 15.2 Mỗi bên, tùy từng thời điểm, có thể thay đổi địa chỉ và số Fax và gửi thông báo cho bên kia bằng văn bản.

Điều 16 LUẬT VÀ TRỌNG TÀI

- 16.1 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và hiểu theo luật pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 16.2 Bất cứ một tranh chấp, tranh giành hay bất đồng giữa các bên có thể nảy sinh liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng cách bàn bạc thân thiện giữa các bên.
- 16.3 Nếu một tranh chấp xảy ra giữa TLIP và Khách hàng, các bên sẽ cố gắng giải quyết bằng cách bàn bạc thân thiện. Nếu tranh chấp không thể giải quyết theo hướng này trong vòng 30 ngày kể từ khi tranh chấp xảy ra, tranh chấp sẽ được đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam hay toà án của Việt Nam để có kết luận cuối cùng và ràng buộc.

Điều 17 THỎA THUẬN TOÀN BỘ

- 17.1 Hợp đồng này và Nội qui KCN là toàn bộ chấp thuận và thoả thuận của các bên liên quan đến vấn đề này và hợp nhất những thảo luận, bàn bạc trước đây giữa các bên, và không một bên nào bị ràng buộc bởi thoả thuận, đàm phán, cam kết và văn bản trước kia mà không đề cập tới trong Hợp đồng này.
- 17.2 Thêm vào đó, và để thực hiện những điều khoản qui định, hai bên chấp thuận ký kết và thực hiện những thoả thuận và/hoặc những văn bản khác cần thiết hoặc mong muốn để thực hiện Hợp đồng này một cách hợp lý.

Điều 18 CÁC ĐỀ MỤC

- 18.1 Những đề mục trong Hợp đồng này chỉ để thuận tiện tra cứu và sẽ không tạo thành một phần của Hợp đồng này vì bất kỳ mục đích nào.

Điều 19 SỬA ĐỔI

19.1 Hợp đồng này chỉ có thể được sửa đổi hoặc bổ sung bằng văn bản thoả thuận giữa hai bên.

Điều 20 NGÔN NGỮ VÀ SỐ LƯỢNG BẢN

20.1 Hợp đồng này được làm thành 4 bản tiếng Anh và 4 bản tiếng Việt. Trong trường hợp có sự không đồng nhất giữa hai thứ tiếng, tiếng Anh sẽ được lấy làm căn cứ.

Điều 21 TÍNH HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

21.1 Hợp đồng này sẽ có hiệu lực từ khi ký giữa hai bên và được chứng nhận hoặc đăng ký với các cơ quan hữu quan chính phủ nếu cần.

HỢP ĐỒNG ĐƯỢC LÀM NGÀY 1 THÁNG 8 NĂM 2007

**CÔNG TY
KHU CÔNG NGHIỆP THĂNG LONG**



Takeichi Omata
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY TNHH
JTEC HANOI**



Yoshiaki Kawamoto
Tổng Giám đốc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 436 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 390/2024/CV-WAT-TIP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Thăng Long và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long, địa chỉ tại Khu công nghiệp Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Thăng Long có địa chỉ tại xã Kim Chung, xã Hải Bối, xã Võng La và xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Thăng Long

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Kim Chung, xã Hải Bối, xã Võng La và xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4332287067 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp, chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 08 ngày 29 tháng 08 năm 2024; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên có mã số doanh nghiệp 01000151683 Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 07 tháng 02 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 01000151683

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
1	Hoàn thiện sản phẩm dệt	C1313
2	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, yên đệm	C1512
3	Sản xuất bao bì bằng gỗ	C1623
4	Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa	C1702
5	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	C1709
6	In ấn	C1811
7	Dịch vụ liên quan đến in	C1812
8	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	C2029
9	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	C2219
10	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C2220
11	Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	C22209
12	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	C2310
13	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu	C2390
14	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	C2393
15	Sản xuất sắt, thép, gang	C2410
16	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	C2420
17	Đúc sắt thép	C2431
18	Đúc kim loại màu	C2432
19	Sản xuất các cấu kiện kim loại	C2511
20	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	C2591
21	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	C2592
22	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	C2593
23	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	C2599
24	Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	C25999
25	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
26	Sản xuất linh kiện điện tử	C2610
27	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	C2620
28	Sản xuất thiết bị truyền thông	C2630
29	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	C2640
30	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	C2651
31	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	C2670

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
32	Sản xuất thiết bị điện	C27
33	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	C2710
34	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	C273
35	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	C2731
36	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	C2732
37	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	C2733
38	Sản xuất đồ điện dân dụng	C2750
39	Sản xuất thiết bị điện khác	C2790
40	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	C2812
41	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	C2813
42	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	C2814
43	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	C2816
44	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	C2817
45	Sản xuất máy thông dụng khác	C2819
46	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	C2822
47	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	C2825
48	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	C2826
49	Sản xuất máy chuyên dụng khác	C2829
50	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	C293
51	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	C29300
52	Đóng tàu và cấu kiện nổi	C3011
53	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	C3030
54	Sản xuất mô tô, xe máy	C3091
55	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	C3092
56	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	C3250
57	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (chi tiết các sản xuất khác chưa được phân vào đâu), cụ thể các ngành như sau: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn gồm: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn	C32900

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
	+ Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác + Sản xuất phao cứu sinh + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao) + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy) + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn) + Sản xuất mặt nạ khí ga - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác - Sản xuất bàn chải giày, quần áo - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không - Sản xuất lõi bút chì - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính - Sản xuất găng tay - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ - Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt - Sản xuất tẩu hút xì gà - Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tẩu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày - Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sây, manơ canh - Hoạt động nhồi bông thú - Làm con dấu	
58	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không có công đoạn xi mạ, làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất)	C3311
59	Sửa chữa máy móc, thiết bị	C3312
60	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	C3313
61	Sửa chữa thiết bị điện	C3314

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
62	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	C3320
63	Điện mặt trời (hệ thống điện mặt trời mái nhà)	D35116
64	Truyền tải và phân phối điện	D3512
65	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	E3600
66	Thoát nước và xử lý nước thải	E3700
67	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	F4210
68	Xây dựng công trình đường sắt	F4211
69	Xây dựng công trình đường bộ	F4212
70	Xây dựng công trình công ích	F4220
71	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	F4290
72	Xây dựng công trình thủy	F4291
73	Xây dựng công trình khai khoáng	F4292
74	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	F4293
75	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	F4299
76	Chuẩn bị mặt bằng	F4312
77	Lắp đặt hệ thống điện	F4321
78	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	G4610
79	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	G4651
80	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	G4652
81	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	G4659
82	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	G4661
83	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	G4662
84	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	G4663
85	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	G4669
86	Bán buôn tổng hợp	G4690
87	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	G4741
88	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	G4791
89	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	G4799
90	Vận tải hành khách đường bộ khác	H4932
91	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	H4933

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
92	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	H5210
93	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	H5229
94	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	I5510
95	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	I5610
96	Xuất bản phần mềm	J5820
97	Hoạt động viễn thông có dây	J6110
98	Hoạt động viễn thông không dây	J6120
99	Hoạt động viễn thông vệ tinh	J6130
100	Hoạt động viễn thông khác	J6190
101	Lập trình máy vi tính	J6201
102	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	J6202
103	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	J6209
104	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	J6311
105	Cổng thông tin	J6312
106	Hoạt động nắm giữ tài sản	K6420
107	Hoạt động cấp tín dụng khác	K6492
108	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	K6619
109	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	L6810
110	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	L6820
111	Hoạt động tư vấn quản lý	M7020
112	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	M7110
113	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	M7120
114	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	M7212
115	Quảng cáo	M7310
116	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	M7320
117	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	M7410
118	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	M7490
119	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được	M74909

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
	phân vào đầu	
120	Cho thuê xe có động cơ	M7710
121	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	N7730
122	Điều hành tua du lịch	N7912
123	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	N7990
124	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	N8211
125	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	N8220
126	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	N8230
127	Dịch vụ đóng gói	N8292
128	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu	N8299
129	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu	P8559
130	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	S9511
131	Sửa chữa thiết bị liên lạc	S9512
132	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đầu	S9529

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án thuộc nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích của cơ sở: 295 ha.

Chủ cơ sở được phép đầu tư hệ thống điện mặt trời mái nhà trong Khu công nghiệp Thăng Long (mã ngành 35116) tạo ra điện từ năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho hoạt động của cơ sở và cho các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Thăng Long theo Giấy phép hoạt động điện lực số 22/GP-ĐTĐL ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Cục Điều tiết điện lực, Bộ Công thương (thời hạn đến ngày 07 tháng 02 năm 2031).

Hệ thống điện mặt trời mái nhà được lắp đặt trong Khu công nghiệp Thăng Long không hòa lưới với lưới điện quốc gia. Công suất hệ thống điện mặt trời mái nhà được phép lắp đặt trong Khu công nghiệp Thăng Long Đông Anh là 29 MW với 64.450 tấm quang điện (mỗi hệ thống điện mặt trời mái nhà có công suất không quá 01 MW, diện tích lắp đặt 01 MW dự kiến chiếm 9.000 m²). Công suất đã thực hiện lắp đặt 22,5 MW (trong đó Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long đầu tư lắp đặt là: 17,1 MW; các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Thăng Long: Công ty TNHH Sản Xuất Phụ tùng Yamaha Motor Việt Nam, Công ty TNHH Suncall Technology Việt Nam, Công ty TNHH Denso Manufacturing Việt Nam và Công ty TNHH Molex Việt Nam đầu tư 5,32 MW).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày²² tháng 10 năm 2024 đến ngày 21 tháng 10 năm 2031).

Các Giấy phép môi trường thành phần (Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 574/STNMT-CCMT ngày 29/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 17/GXN-BTNMT ngày 24/3/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi số 333/GP-TCTL-PCTTr ngày 27/8/2019 của Tổng cục thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND thành phố Hà Nội (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- Ban Quản lý các KCN và Chế xuất Hà Nội;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH KCN Thăng Long;
- Lưu: VT, KSONMT, NTH (12).



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải.

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại Trung tâm công nghệ Techno (thuộc khu nhà điều hành).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại nhà điều hành IPC.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại nhà bảo vệ cổng A.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại nhà bảo vệ cổng B.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại nhà bảo vệ cổng C.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại số 1 khu vực trạm xử lý nước cấp.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại số 2 khu vực trạm xử lý nước cấp.
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại tại sân bóng số 1.
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại tại sân bóng số 2.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải công nghiệp.

- Nguồn số 10: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Thăng Long (trừ nước thải sản xuất của Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam và Công ty TNHH Điện tử Meiko Thăng Long được miễn trừ đầu nổi theo quy định).
- Nguồn số 11: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 12: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa dụng cụ của phòng thí nghiệm tại trạm xử lý nước cấp của Khu công nghiệp Thăng Long.

2. Dòng nước thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận: Kênh tiêu Việt Thắng chảy vào sông Ngũ Huyện Khê, thuộc xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí E3 kênh tiêu Việt Thắng tiêu ra sông Ngũ Huyện Khê, thuộc xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2.335.009; Y = 579.499 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00' múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý đã có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 11.000 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý chảy qua bể chứa nước thải sau xử lý có lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục, sau đó tự chảy ra kênh tiêu Việt Thắng chảy vào sông Ngũ Huyện Khê. Việc bơm cưỡng bức nước thải sau xử lý ra kênh tiêu Việt Thắng được thực hiện trong trường hợp mực nước kênh cao hơn mực nước hồ chứa nước thải sau xử lý.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột A, $K_f = 0,9$, $K_q = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	oC	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Màu	Pt/Co	50		
3	pH	-	6-9		
4	COD	mg/l	60,75		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05		
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3	03 tháng/lần	Không áp dụng
8	Asen	mg/l	0,0405		
9	Thủy ngân	mg/l	0,00405		
10	Chì	mg/l	0,081		
11	Cadimi	mg/l	0,0405		
12	Crom (VI)	mg/l	0,0405		
13	Crom (III)	mg/l	0,162		
14	Đồng	mg/l	1,62		
15	Kẽm	mg/l	2,43		
16	Niken	mg/l	0,162		
17	Mangan	mg/l	0,405		
18	Sắt	mg/l	0,81		
19	Tổng Xyanua	mg/l	0,0567		
20	Tổng Phenol	mg/l	0,081		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
22	Sunfua	mg/l	0,162		
23	Florua	mg/l	4,05		
24	Tổng Nito	mg/l	16,2		
25	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
26	Clorua	mg/l	405	03 tháng/lần	Không áp dụng
27	Clo dư	mg/l	0,81		
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405	01 năm/lần	
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243		
31	Tổng PCB	mg/l	0,00243		
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1		
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ Trung tâm công nghệ Techno (thuộc khu nhà điều hành) được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại dung tích 20 m³, sau đó theo các trạm bơm chuyển bậc, được bơm về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long (KCN) công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành IPC được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại dung tích 20 m³, sau đó theo các trạm bơm chuyển bậc, được bơm về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung của KCN công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà bảo vệ cổng A được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại dung tích 02 m³, sau đó theo các trạm bơm chuyển bậc được bơm về HTXLNT tập trung của KCN công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ nhà bảo vệ cổng B được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại dung tích 02 m³, sau đó theo các trạm bơm chuyển bậc được bơm về HTXLNT tập trung của KCN công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ nhà bảo vệ cổng C được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại dung tích 02 m³, sau đó theo các trạm bơm chuyển bậc được bơm về HTXLNT tập trung của KCN công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 06 và nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ khu vực trạm xử lý nước cấp được xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại có dung tích lần lượt là 03 m³ và 18,7 m³, sau đó được bơm về HTXLNT tập trung của KCN công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt từ sân bóng số 1 được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại dung tích 02 m³, sau đó được bơm về HTXLNT tập trung của KCN công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt từ sân bóng số 2 được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại dung tích 02 m³, sau đó được bơm về HTXLNT tập trung của KCN Thăng Long, công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt và công nghiệp của các đơn vị thứ cấp (Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam và Công ty TNHH điện tử Meiko Thăng Long chỉ đầu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của KCN, nước thải sản xuất đã được miễn trừ đầu nối) sau khi xử lý sơ bộ được bơm về HTXLNT tập trung của KCN công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 11: Nước thải từ máy ép bùn trạm xử lý nước thải theo đường ống được bơm về HTXLNT tập trung của KCN Thăng Long, công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 12: Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ của phòng thí nghiệm tại trạm xử lý nước cấp của KCN thu gom theo đường ống riêng cùng với nước thải từ nguồn số 6 được bơm về HTXLNT tập trung của KCN Thăng Long, công suất 11.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại (09 bể với tổng dung tích 71,7 m³):

- 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 01 có thể tích 20 m³; 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 02 có thể tích 20 m³; 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 03 có thể tích 02 m³; 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 04 có thể tích 02 m³; 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 05 có thể tích 02 m³; 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 06 có thể tích 03 m³; 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 07 có thể tích 18,7 m³; 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 08 có thể tích 02 m³ và 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 09 có thể tích 02 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → HTXLNT tập trung của KCN.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách mỡ (01 bể):

- Số lượng: 01 bể 3 ngăn

- Vị trí: Khu vực nhà bếp của cán bộ công nhân viên tại nhà điều hành của KCN

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Ngăn chứa kết hợp tách rác → Ngăn tách dầu mỡ → Ngăn lắng → HTXLNT tập trung của KCN.

- Thể tích: 15 m³

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long (gồm 02 đơn nguyên có quy trình công nghệ tương tự nhau và hoạt động song song):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (từ nguồn số 01 đến nguồn số 12) → Bể tiếp nhận → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể khử tổng nitơ → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể trung gian → Bể keo tụ → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ thu giám sát nước thải sau xử lý → Kênh Việt Thắng.

- Công suất thiết kế: 11.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO, NaOH, HCl, PAC, Ethanol, C-polymer 0,2% (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.
- Vị trí lắp đặt: Tại vị trí hồ thu giám sát nước thải sau xử lý.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, độ màu, TSS, COD, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: Đã lắp đặt.
- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Đã kết nối, truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội để theo dõi, giám sát (theo Công văn số 499/CCBVMT-TH ngày 08/7/2021 của Chi cục bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho HTXLNT tập trung có thể tích 48.800 m³. Hồ sự cố được thiết kế đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật xây dựng.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Trường hợp HTXLNT tập trung của KCN bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, nước thải được dẫn tuần hoàn về bể tiếp nhận nước thải đầu vào của các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại hoặc dẫn về hồ sự cố trước khi bơm về các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, sẽ ngừng tiếp nhận và đóng cửa phai đầu nối vào hệ thống thu gom của KCN.

- Trường hợp 01 trong 02 đơn nguyên xử lý nước thải gặp sự cố thiết bị hoặc tạm dừng để duy tu, bảo trì, nước thải được xử lý bằng đơn nguyên còn lại, đồng thời nước thải từ đơn nguyên bị sự cố được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể tiếp nhận nước thải đầu vào của các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại.

- Trường hợp cả 02 đơn nguyên xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải tại các đơn nguyên và nước thải đầu vào sẽ được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý.

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nối nước thải trong khu công nghiệp, buộc các doanh nghiệp thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nối trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của HTXLNT tập trung KCN:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/C _o	100
3	pH	-	6-9
4	BOD ₅	mg/l	240
5	COD	mg/l	350
6	SS	mg/l	200
7	As	mg/l	0,0405
8	Hg	mg/l	0,00405
9	Pb	mg/l	0,081
10	Cd	mg/l	0,0405
11	Cr (VI)	mg/l	0,0405
12	Cr (III)	mg/l	0,162
13	Cu	mg/l	1,62
14	Zn	mg/l	2,43
15	Ni	mg/l	0,162
16	Mn	mg/l	0,405
17	Fe	mg/l	0,81
18	Tổng Xyanua	mg/l	0,0567
19	Tổng Phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Sunfua	mg/l	0,162
22	F ⁻	mg/l	4,05
23	NH ₄ -N	mg/l	10,42
24	Tổng Nito	mg/l	40
25	Tổng Phốt pho	mg/l	5
26	Clorua	mg/l	405
27	Clo dư	mg/l	0,81
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243
30	PCBs	mg/l	0,00243
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	10 ⁹
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có thay đổi so với Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 17/GXN-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi số 333/GP-TCTL-PCTTr ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của KCN (trừ nước thải sản xuất của Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam và Công ty TNHH Điện tử Meiko Việt Nam đã được miễn trừ đầu nổi), bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý của KCN. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý của KCN phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Công ty chịu trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng của công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *ue*

Phụ lục 2**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (túi lọc, lõi lọc thải, than hoạt tính, túi chống ẩm, găng tay, giẻ lau...nhiễm thành phần nguy hại)	18 02 01	NH	450
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	NH	20
3	Hoá chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	NH	300
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp.	12 06 05	NH	250.000
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	NH	55
6	Xăng, dầu thải	17 06 02	NH	150
7	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	NH	10
8	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (găng tay cao su dính thành phần nguy hại, cao su silicon...)	03 02 10	NH	150
9	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) (Chất thải y tế)	13 01 01	NH	15
10	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	200
11	Pin mặt trời thải (tấm quang năng thải)	19 02 08	KS	300
Tổng khối lượng				251.650

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **405.000** (kg/năm)

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước ngầm	350.000
2	Văn phòng phẩm, giấy thải bỏ	100
3	Dây điện các loại	10
4	Nhựa các loại	15
Tổng khối lượng		350.125

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

a) Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích: 16,32 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường gạch bao quanh và mái che bằng tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

b) Khu vực lưu chứa bùn thải từ công trình xử lý nước thải tập trung:

- Diện tích: 216 m² (bao gồm 02 container chứa bùn sau ép, thể tích khoảng 13,4 m³/container).

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa bùn thải từ công trình xử lý nước thải tập trung nằm trong khu vực đặt máy ép bùn, được bao quanh bằng vách tôn, mái lợp tôn, nền bê tông và có biển cảnh báo, dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Các thùng có nắp đậy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. *ue*

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong các Quyết định sau: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 582/QĐ-MTg ngày 20/5/1997 của Bộ Trưởng Bộ khoa học, công nghệ và môi trường cho dự án “Khu công nghiệp Thăng Long - Hà Nội”; Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 119/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2002 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long (giai đoạn 2)”; Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 6843/QĐ-UB ngày 12/10/2005 của Ủy ban nhân dân thành Phố Hà Nội cho dự án “Dự án Mở rộng Khu công nghiệp Thăng Long - Giai đoạn III (80,8 ha)”; Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3944/QĐ – BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho dự án “Trạm xử lý nước thải (STP) KCN Thăng Long công suất 11.000 m³/ngày.đêm”; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hạng mục khai thác nước dưới đất số 1551/QĐ-BTNMT ngày 27/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; không còn các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

Đối với các hạng mục theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 691/QĐ-BTNMT ngày 06/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho dự án “Khu công nghiệp Thăng Long Đông Anh (bổ sung ngành nghề)”, chủ cơ sở còn tiếp tục thực hiện đầu tư lắp đặt điện mặt trời mái nhà với công suất 6,5 MW.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác sử dụng tài nguyên nước, nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

me

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN, THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ PHÉ LIỆU,
PHẾ PHẨM****Hợp đồng số: 2024 JTEC-TUYHUONG**

-Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

-Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

-Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

-Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ban hành ngày 23/06/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

-Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ban hành ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường;

-Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày 11 tháng 07 năm 2024, tại Công ty TNHH JTEC Hà Nội chúng tôi gồm:

I-BÊN A : CÔNG TY TNHH JTEC HÀ NỘI

Địa chỉ : Lô P -14, KCN Thăng Long, xã Vồng La, Đông Anh, TP. Hà Nội

Điện thoại : 0243 9550209/11

Mã số thuế : 0102331191

Tên tài khoản : CÔNG TY TNHH JTEC HÀ NỘI

Số tài khoản : 114000153426

Tại ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Chi nhánh : Quang Minh

Đại diện : Ông Fukuda Naoyuki Chức vụ: Tổng Giám Đốc

II- BÊN B : Công ty TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG TÚY HƯƠNG

Địa chỉ : Đội 1, Minh Khai, Thị trấn Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên.

Điện thoại : 0321 3985 832 Fax: 03213985 832

Mã số thuế : 0900259252



Đại diện : **Trần Văn Khoản** Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

1. Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý phế liệu, phế phẩm cho bên A tại Lô P -14, KCN Thăng Long, xã Võng La, Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt nam.
2. Tần suất thực hiện thu gom: Theo yêu cầu phát sinh của bên A.
3. Khối lượng và giá trị thực hiện theo từng đơn đặt hàng của bên A

Điều 2: Hàng hóa và phương thức thanh toán

1. Hàng hóa:

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị	Đơn giá thu mua	HS Code
1	Dây điện lõi đồng (Phế liệu dạng đồng gồm nhiều kích cỡ)	Kg	80,000	7404
2	Đồng phế liệu (Gồm nhiều kích cỡ)	Kg	85,000	7404
3	Sắt phế liệu (Gồm nhiều kích cỡ khác nhau)	Kg	5,000	7204
4	Thép phế liệu (Gồm nhiều kích cỡ khác nhau)	Kg	7,000	7204
5	Nhôm phế liệu (Gồm nhiều kích cỡ khác nhau)	Kg	60,000	7602
6	Giấy, bìa carton phế liệu (Gồm nhiều kích cỡ khác nhau)	Kg	3,500	4707
7	Nhựa phế liệu (Nhựa nilon, Plastic phế liệu gồm nhiều kích cỡ khác nhau)	Kg	3,500	3915
8	Nhựa phế liệu (Thu hồi từ thùng danpla)	Kg	500	3915

02331
CÔNG
TH NHIE
EC
3 AN

2. Phương thức thanh toán.

- Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản qua ngân hàng bằng tiền đồng Việt Nam.
- Thời gian thanh toán: Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hoá đơn thanh toán do bên A cung cấp.
- Trong quá trình thực hiện nếu đơn giá có sự thay đổi hai bên thảo thuận lại để đi đến thống nhất.
- Trị giá thanh toán theo từng đơn đặt hàng của bên A phát hành.

Điều 3: Thời gian thực hiện hợp đồng

- Bắt đầu : Từ ngày 11 tháng 07 năm 2024.
- Đến : Ngày 31 tháng 07 năm 2025.

Điều 4: Quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên

1. Trách nhiệm của bên A:

- Bố trí địa điểm thuận lợi (thuộc địa bàn do bên A quản lý) để tập kết phế liệu, phế phẩm.
- Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với bên B trong việc thu gom phế liệu, phế phẩm.
- Cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp lệ theo yêu cầu của bên B và quy định hiện hành của nhà nước để làm cơ sở cho việc thanh toán hợp đồng.
- Bên A có trách nhiệm khai truyền tờ khai xuất nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Thông báo và nêu rõ lý do bằng văn bản trước 01 tháng cho bên B trong trường hợp bên A có nhu cầu tạm dừng thực hiện hợp đồng, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hoặc có những thay đổi về thông tin trong hợp đồng.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thu gom, vận chuyển phế liệu, phế phẩm đúng địa điểm và thời gian quy định.
 - Đảm bảo quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý phế liệu, phế phẩm theo đúng các quy định của Thành phố về bảo vệ môi trường hiện hành.
 - Bố trí cán bộ giám sát, đôn đốc công nhân đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp theo nội dung của hợp đồng này.
- Cung cấp đầy đủ giấy tờ, giấy phép, chứng từ hợp lệ theo yêu cầu của bên A và quy định hiện hành của nhà nước để làm cơ sở cho việc thực hiện hợp đồng.



- Thông báo cho bên A khi có các vấn đề phát sinh ngoài hợp đồng và trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Bên B có trách nhiệm nộp toàn bộ thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường, các thuế khác liên quan phát sinh và các chi phí khác khi làm thủ tục thông quan tờ khai xuất nhập khẩu.

Điều 5: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

1. Điều chỉnh hợp đồng:

- Thay đổi đột biến đơn giá so với giá đã ký kết (mức thay đổi trên 10%).
- Thay địa điểm hai bên đã thống nhất trong hợp đồng. Trong trường hợp này, hai bên phải thông báo trước 03 ngày, và thỏa thuận ký lại hợp đồng hoặc ghi thêm phụ lục hợp đồng. Thời gian thống nhất hoặc điều chỉnh hợp đồng không quá 05 ngày kể từ ngày ra thông báo.

2. Tạm dừng, hủy bỏ hợp đồng:

- Một trong hai bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nội dung đã được ký kết trong hợp đồng. Sau 02 lần thông báo, một bên không giải quyết thì bên còn lại có quyền yêu cầu tạm dừng hợp đồng.
- Bên B chậm thanh toán 01 tháng sau khi bên A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của hợp đồng này.
- Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng, các bên có trách nhiệm thanh toán/hoàn trả cho nhau Giá trị hợp đồng chênh lệch so với phần nội dung công việc đã thực hiện. Các bên có trách nhiệm nghiệm thu, ký xác nhận bằng văn bản để làm căn cứ cho việc thanh toán/hoàn trả.
- Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc các trường hợp tương tự khác.

Điều 6: Các điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có mâu thuẫn hoặc tranh chấp phát sinh, hai bên phải thông báo kịp thời cho nhau và tích cực giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác.

2. Bất kể bên nào vi phạm gây thiệt hại vật chất phải bồi thường cho bên kia và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Mọi sự sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản và được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên.

4. Hợp đồng này không có bất cứ giá trị nào đối với bên thứ ba.

5. Hợp đồng này sẽ có hiệu lực theo điều 3 (thời gian thực hiện hợp đồng) và được tự động thanh lý sau khi các bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng.

6. Hợp đồng sẽ tự động gia hạn các năm tiếp theo nếu hai bên không có sự thay đổi nào thể hiện bằng văn bản và chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bản gồm 05 trang bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản, có giá trị như nhau về mặt pháp lý.

ĐẠI DIỆN BÊN A



UKUDA NAUYUKI
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Văn Khoản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: JTEC- 2024/HĐCN/URENCO11

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH JTEC Hà Nội

Địa chỉ : Lô P-14 Khu Công Nghiệp Thăng Long, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại : 0243.9550209

Fax: 0243.9550210

Người đại diện: Ông FUKUDA NAOYUKI

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Mã số thuế : 0102331191

Bên B: Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 2477178

Fax: 0221 3 981 489

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 19129984688699 tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên.

(Bên A và Bên B được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên" hoặc "hai Bên")

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Chủng loại chất thải và đơn giá xử lý

- 1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo danh mục được liệt kê trong Phụ lục đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- 1.2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- 1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.
- 1.4. Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong Phụ lục hợp đồng đính kèm và có thể thay đổi theo giá cả thị trường. Khi có đề xuất thay đổi Bên B phải gửi công văn cho Bên A để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng.

Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

- 2.1. Đặc tính chất thải: Bao gồm các loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường chi tiết theo phụ lục đính kèm.
- 2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải của Công ty TNHH JTEC Hà Nội (địa chỉ: Lô P-14 Khu Công Nghiệp Thăng Long, Xã Vồng La, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội.)
- 2.2. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.
- 2.3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán

- 3.1 Điều khoản thanh toán
 - a. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên mỗi tháng một lần hoặc theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.
 - b. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B sau khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- 3.2 Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên

- 4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A
 - a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
 - b. Chất thải phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu chứa theo đúng quy định, đảm bảo thành phần chất thải như

đã thông báo với Bên B. Chịu trách nhiệm phối hợp cùng Bên A lập chứng từ chất thải nguy hại cho mỗi lần bàn giao. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.

- c. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- d. Bên A được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.
- e. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.
- b. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- c. Chịu chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải và chi phí cân điện tử (nếu có) theo hợp đồng đã được ký.
- d. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.
- e. Bên B có trách nhiệm đảm bảo khối lượng chất thải được thu gom, nhận chuyển giao từ Bên A không vượt quá công suất xử lý và khối lượng được cấp phép trong giấy phép môi trường của Bên B.
- f. Bên B phải đảm bảo tất cả phương tiện vận chuyển của bên B phải đáp ứng các yêu cầu của pháp luật hiện hành.
- g. Bên B phải hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại và bàn giao lại cho Bên A ngay sau khi chất thải nguy hại được xử lý theo quy định.
- h. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị đình chỉ việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới hoặc đổi mới phát sinh trong trường hợp theo quy định mới của pháp luật đặt ra thì Bên A có quyền đơn phương dừng hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.

Điều 5. Thực thi hợp đồng

- 5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.
- 5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - a. Hết hạn hợp đồng.

102331101
CÔNG TY
CHÍNH NHIỆM HỮU
JTEC HÀ NỘI
TNG ANH - T.P.

- b. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.
- c. Bên A hoặc Bên B ngừng sản xuất hoặc phá sản.
- d. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.

5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

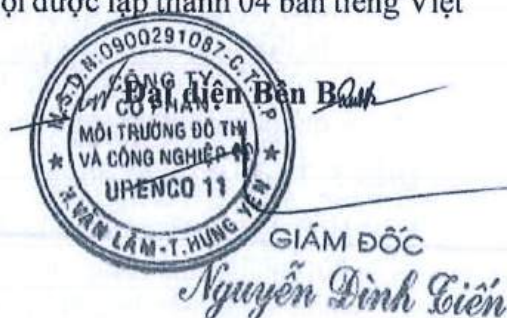
Điều 6. Giải quyết tranh chấp

- 6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

Điều 7. Những điều khoản khác

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2024 đến ngày 28 tháng 02 năm 2025.
- 7.2 Khi hết thời hạn Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm một (01) năm nếu không Bên nào gửi thông báo cho Bên còn lại về ý định chấm dứt hợp đồng, ít nhất 30 ngày trước khi hợp đồng hết thời hạn. Các năm tiếp theo cũng vậy.
- 7.3 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.
- 7.4 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

Hợp đồng giữa Urenco 11 và Công ty TNHH JTEC Hà Nội được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 02 bản).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỀN, XỬ LÝ CHẤT THẢI Số: JTEC- 2024/HĐCN/URENCO11 ký ngày 01 tháng 03 năm 2024. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH JTEC Hà Nội

Địa chỉ : Lô P-14 Khu Công Nghiệp Thăng Long, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại : 0243.9550209

Fax: 0243.9550210

Người đại diện: Ông FUKUDA NAOYUKI

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Mã số thuế : 0102331191

và

Bên B: Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 2477178

Fax: 0221 3 981 489

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 19129984688699 tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên.

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải và đơn giá (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT)

Stt	Loại chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Linh kiện điện tử thải	16 01 13	Kg	5.000
2	Bao bì mềm dính thành phần nguy hại	18 01 01	Kg	5.000
3	Giẻ lau dính dầu, Chất hấp thụ (bông lọc than hoạt tính)	18 02 01	Kg	5.000
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	5.500
5	Pin, Ắc quy thải,a	19 06 01	Kg	5.000
6	Hóa chất thải (keo dán sản phẩm,...)	19 03 02	Kg	5.000

Stt	Loại chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
7	Rác thải công nghiệp thông thường (băng dính thải, cao su thải, gỗ công nghiệp, mùt xốp ...)		Kg	2.500
8	Chi phí bốc xếp, thu gom và vận chuyển (áp dụng cho những lần bàn giao chất thải có khối lượng nhỏ hơn 1.000 Kg)		Chuyến	4.000.000

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản.

Đại diện Bên A



FUKUDA NAOYUKI
TỔNG GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Liên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: JTEC- URENCO11-2026

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2026, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH JTEC Hà Nội

Địa chỉ : Lô P-14, Khu Công Nghiệp Thăng Long, Xã Thiên Lộc, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 0243.9550209/11

Fax: 0243.9550210

Người đại diện: Ông FUKUDA NAOYUKI

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Mã số thuế : 0102331191

Bên B: Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11

Địa chỉ: Thôn Đại Từ, Xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0221 2477178

Fax: 0221 3 981 489

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 19129984688699 tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên.

(Bên A và Bên B được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “các Bên” hoặc “hai Bên”)

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Chủng loại chất thải và đơn giá

1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo danh mục và đơn giá (chưa bao gồm thuế GTGT) như sau:



Stt	Loại chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Linh kiện điện tử thải	16 01 13	Kg	5.000
2	Bao bì mềm dính thành phần nguy hại	18 01 01	Kg	5.000
3	Giẻ lau dính dầu, Chất hấp thụ (bông lọc than hoạt tính)	18 02 01	Kg	5.000
4	Bóng đèn led thải	16 01 13	Kg	5.500
5	Pin thải	19 06 01	Kg	5.000
6	Ắc quy thải	19 06 01	Kg	5.000
7	Hóa chất thải (keo dán sản phẩm,...)	19 03 02	Kg	5.000
8	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (băng dính thải, cao su thải, mút xốp, tem mac)		Kg	2.500
9	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (gỗ công nghiệp thải)		Kg	2.000
10	Chi phí thu gom (áp dụng cho những lần bàn giao chất thải có khối lượng nhỏ hơn 1.000 Kg)		Chuyến	4.000.000

- 1.2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- 1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.
- 1.4. Đơn giá tại khoản 1.1 có thể thay đổi theo giá cả thị trường. Khi có đề xuất thay đổi hai bên sẽ gửi công văn cho nhau để bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng

Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

- 2.1. Đặc tính chất thải: Bao gồm các loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường chi tiết theo khoản 1.1, điều 1.
- 2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải của Công ty TNHH JTEC Hà Nội (địa chỉ: Lô P-14, Khu Công Nghiệp Thăng Long, Xã Thiên Lộc, Thành Phố Hà Nội)
- 2.2. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.
- 2.3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán

3.1 Điều khoản thanh toán

- a. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên mỗi tháng một lần hoặc theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.
- b. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B sau khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

3.2 Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B (nghiệm thu và hóa đơn GTGT hợp lệ).

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
- b. Chất thải phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu chứa theo đúng quy định, đảm bảo thành phần chất thải như đã thông báo với Bên B. Chịu trách nhiệm phối hợp cùng Bên A lập chứng từ chất thải nguy hại cho mỗi lần bàn giao. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.
- c. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- d. Bên A được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.
- e. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.
- b. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- c. Chịu chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải và chi phí cân điện tử (nếu có) theo hợp đồng đã được ký.
- d. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.
- e. Bên B có trách nhiệm đảm bảo khối lượng chất thải được thu gom, nhận chuyển giao từ Bên A không vượt quá công suất xử lý và khối lượng được cấp phép trong giấy phép môi trường của Bên B.

- f. Bên B phải đảm bảo tất cả phương tiện vận chuyển của bên B phải đáp ứng các yêu cầu của pháp luật hiện hành.
- g. Bên B phải hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại và bàn giao lại cho Bên A ngay sau khi chất thải nguy hại được xử lý theo quy định.
- h. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị đình chỉ việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới hoặc đổi mới phát sinh trong trường hợp theo quy định mới của pháp luật đặt ra thì Bên A có quyền đơn phương dừng hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.

Điều 5. Thực thi hợp đồng

- 5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.
- 5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - a. Hết hạn hợp đồng.
 - b. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.
 - c. Bên A hoặc Bên B ngừng sản xuất hoặc phá sản.
 - d. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.
- 5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp

- 6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

Điều 7. Những điều khoản khác

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 06 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2027.
- 7.2 Khi hết thời hạn nêu trên, nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày hết hạn mà không có Bên nào gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hợp đồng, thì hợp đồng này sẽ tự động gia hạn thêm 01 (một) năm tiếp theo. Quy định tự động gia hạn này áp dụng tương tự cho các chu kỳ kế tiếp và không giới hạn số lần gia hạn.

7.3 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.

7.4 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

Hợp đồng giữa Urenco 11 và Công ty TNHH JTEC Hà Nội được lập thành 02 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 01 bản).

Dại diện Bên A

FUKUDA NAUYUKI
TỔNG GIÁM ĐỐC

Dại diện Bên B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Liên



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 2025/01005

HỢP ĐỒNG

BƠM HÚT, VẬN CHUYỂN XỬ LÝ PHÂN BÙN BỂ PHỐT

- Căn cứ vào Luật Dân sự số 91/2015/QH13 khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ vào Luật Thương mại Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào Luật bảo vệ Môi trường nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/ND-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/ TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Căn cứ vào năng lực và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2025. Tại Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – Chi nhánh Cầu Diễn, chúng tôi gồm có:

ĐẠI DIỆN BÊN A : CÔNG TY TNHH JTEC HÀ NỘI

- Người diện : Ông FUKUDA NAOYUKI - Chức vụ : Tổng giám đốc
- Địa chỉ : Lô P-14 Khu Công nghiệp Thăng Long, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243.9550209/11
- Mã số thuế : 0102331191

ĐẠI DIỆN BÊN B : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI – CHI NHÁNH CẦU DIỄN

- Người đại diện : Ông Lê Quân - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : 60B Đường Nhuệ Giang - Phường Tây Mỗ - Quận Nam Từ Liêm - TP Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 0243.7646632 – 0243.7646880
- Mã số thuế : 0100105535 - 003
- Tài khoản : 3100201013982 tại Ngân hàng NN & PTNN Việt Nam – Chi nhánh Từ Liêm
Hoặc số: 0691000350886 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Tây.

Sau khi bàn bạc hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng bơm hút, vận chuyển và xử lý chất thải phân bùn bể phốt với các nội dung sau:

ĐIỀU I- NỘI DUNG CÔNG VIỆC PHỤC VỤ

1. Nội dung

Bên A thuê bên B và bên B đồng ý thực hiện việc bơm hút, vận chuyển và xử lý phân bùn bể phốt, thuộc dạng chất thải không nguy hại từ bể chứa phân bùn bể phốt của bên A về Trạm xử lý chất thải của Công ty TNHH Một thành viên MTĐT Hà Nội - Chi nhánh Cầu Diễn để xử lý theo các quy định về luật bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận vận chuyển

- Đặc tính chất thải: Dạng bùn, lỏng (chất thải của phân bùn bể phốt).
- Địa điểm giao nhận: Tại Công ty TNHH Jtec Hà Nội: Lô P-14 Khu Công nghiệp Thăng Long, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Hà Nội.
- Địa điểm tiếp nhận và xử lý: Tại Trạm xử lý phân bùn bể phốt của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – Chi nhánh Cầu Diễn: số 60B đường Nhuệ Giang, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Thời gian thực hiện: Bên A và báo trước cho bên B 05 ngày để bên B sắp xếp lịch thực hiện.
- Phương tiện vận chuyển: Đảm bảo lưu hành theo quy định.

ĐIỀU II- ĐƠN GIÁ, KHỐI LƯỢNG VÀ THỂ THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá:

Mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)
Bơm hút, vận chuyển và xử lý phân bùn bể phốt	m ³	01	650.000

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT) (nếu có)

2. Hai bên thống nhất khối lượng nghiệm thu được tính theo thể tích m³ thực tế của từng xe (được quy đổi theo tỷ lệ 01m³ = 01 tấn) có xác nhận của hai bên A - B làm cơ sở thanh quyết toán.

3. Thể thức thanh toán: Dựa trên số lượng thực tế được hai bên thống nhất, bên A sẽ thanh toán cho bên B.

4. Hình thức thanh toán : Chuyển khoản

Bên A có trách nhiệm thanh toán bằng chuyển khoản cho bên B chậm nhất là sau 30 ngày kể từ khi đã nhận đầy đủ chứng từ hợp lệ và hóa đơn tài chính từ bên B

5. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu đơn giá thực hiện các công việc trên thay đổi, hai bên sẽ cùng thống nhất qua phụ lục hợp đồng.

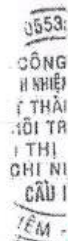
ĐIỀU III – TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA MỖI BÊN

1. Trách nhiệm của bên A

- Bên A đảm bảo thành phần chất thải phân bùn bể phốt đúng như đã được thông báo với bên B.
- Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều II của hợp đồng.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện của bên B ra vào bơm hút và vận chuyển chất thải trong phạm vi của bên A được thuận tiện, dễ dàng.
- Trong quá trình thi công, cạnh bể dưới đáy bể quá đặc, không thể hút được, bên A hỗ trợ nguồn nước cho bên B để đánh loãng chất thải và vệ sinh bể, tạo điều kiện cho việc thi công được tiến hành thuận lợi.
- Cử cán bộ xác nhận khối lượng bơm hút, vận chuyển làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B.

2. Trách nhiệm của bên B

- Bơm hút, vận chuyển và xử lý chất thải phân bùn bể phốt đúng địa điểm và thời gian quy định. Hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý chất thải và các vấn đề về pháp lý liên quan đến chất thải sau khi tiếp nhận từ bên A.
- Đảm bảo việc thi công diễn ra trong ngày, làm bể nào xong bể đó.
- Thông tin đầy đủ cho bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.
- Cung cấp tài liệu, hồ sơ pháp lý liên quan đến quá trình xử lý phân bùn bể phốt cho bên A.



- Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

- Trong trường hợp bên B phát hiện chất thải phân bùn bể phốt bàn giao tại Trạm không đúng như cam kết, hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

- Chịu trách nhiệm bố trí phương tiện chuyên dùng hàng ngày để đảm bảo thực hiện công việc theo yêu cầu của bên A (trừ các ngày nghỉ theo quy định: Lễ, Tết).

- Chịu trách nhiệm quản lý lao động của mình đối với các rủi ro như tai nạn, thương tích, thiệt hại về người hay tài sản trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình tiếp nhận và vận chuyển chuyển đến nơi quy định của luật bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nhà nước.

- Cung cấp hóa đơn cho bên A theo quy định.

- Có trách nhiệm vệ sinh sạch sẽ nếu bị dấy bẩn, mặt bể sau khi bơm hút xong.

ĐIỀU IV - HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

1. Hiệu lực của hợp đồng có giá trị từ ngày ký đến 31/12/2025.

Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm một (01) năm nếu hai Bên không có thỏa thuận khác.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn, hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng bằng văn bản;

- Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến cho bên A nếu bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU II trong thời hạn 30-45 ngày kể từ ngày bên A nhận đầy đủ chứng từ hợp lệ của bên B.

ĐIỀU V - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

- Trong trường hợp không thể giải quyết được bằng thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU VI - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có đề nghị điều chỉnh thì phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng bàn bạc giải quyết.

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

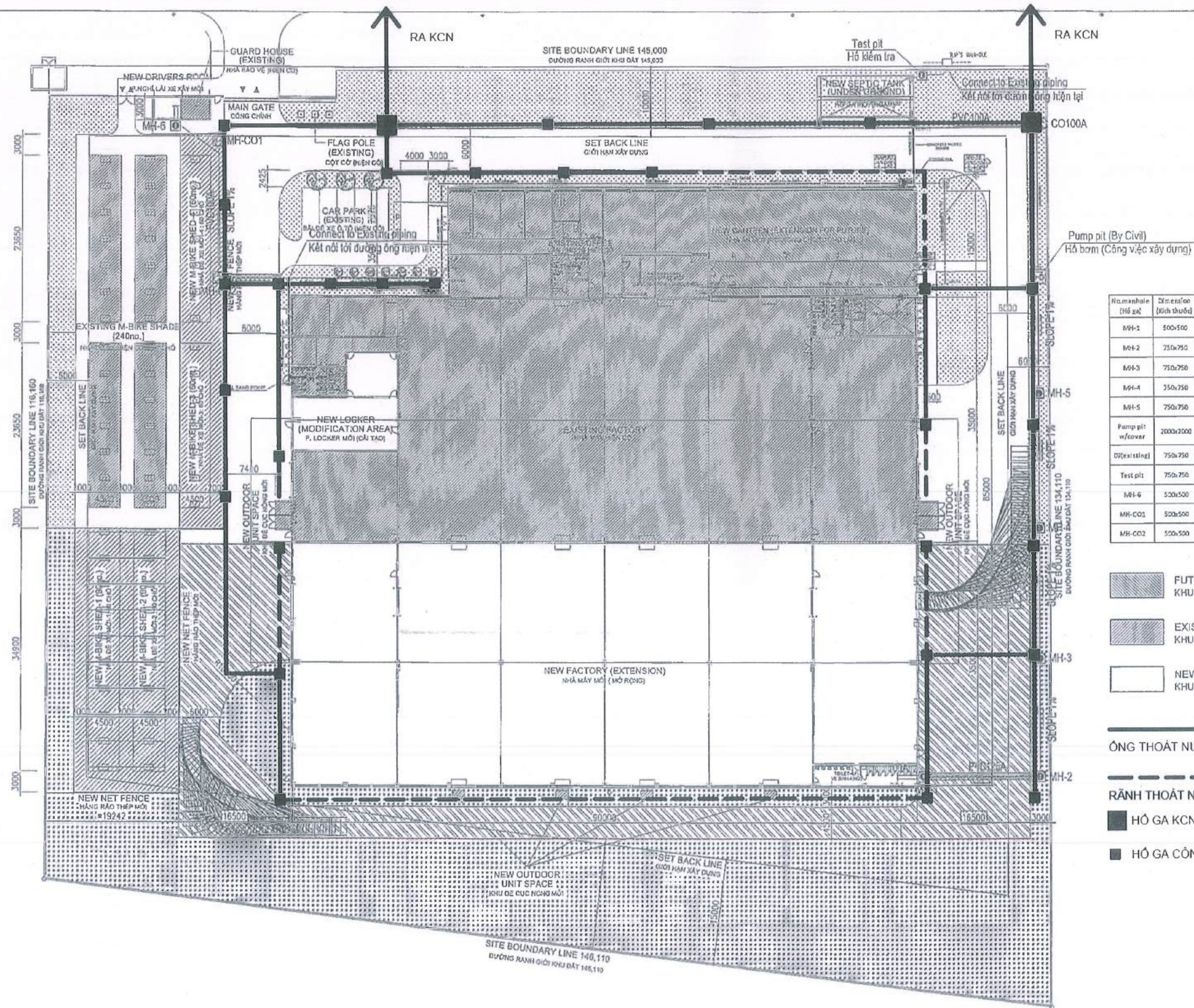
- Hết thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có yêu cầu, hai bên sẽ cùng bàn bạc thảo luận ký hợp đồng mới. Sau khi hai bên hoàn tất nghĩa vụ trong hợp đồng này và hai bên không có thỏa thuận khác thì mặc nhiên hợp đồng được hoàn thành và thanh lý.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



FUKUDA NAOYUKI
TỔNG GIÁM ĐỐC



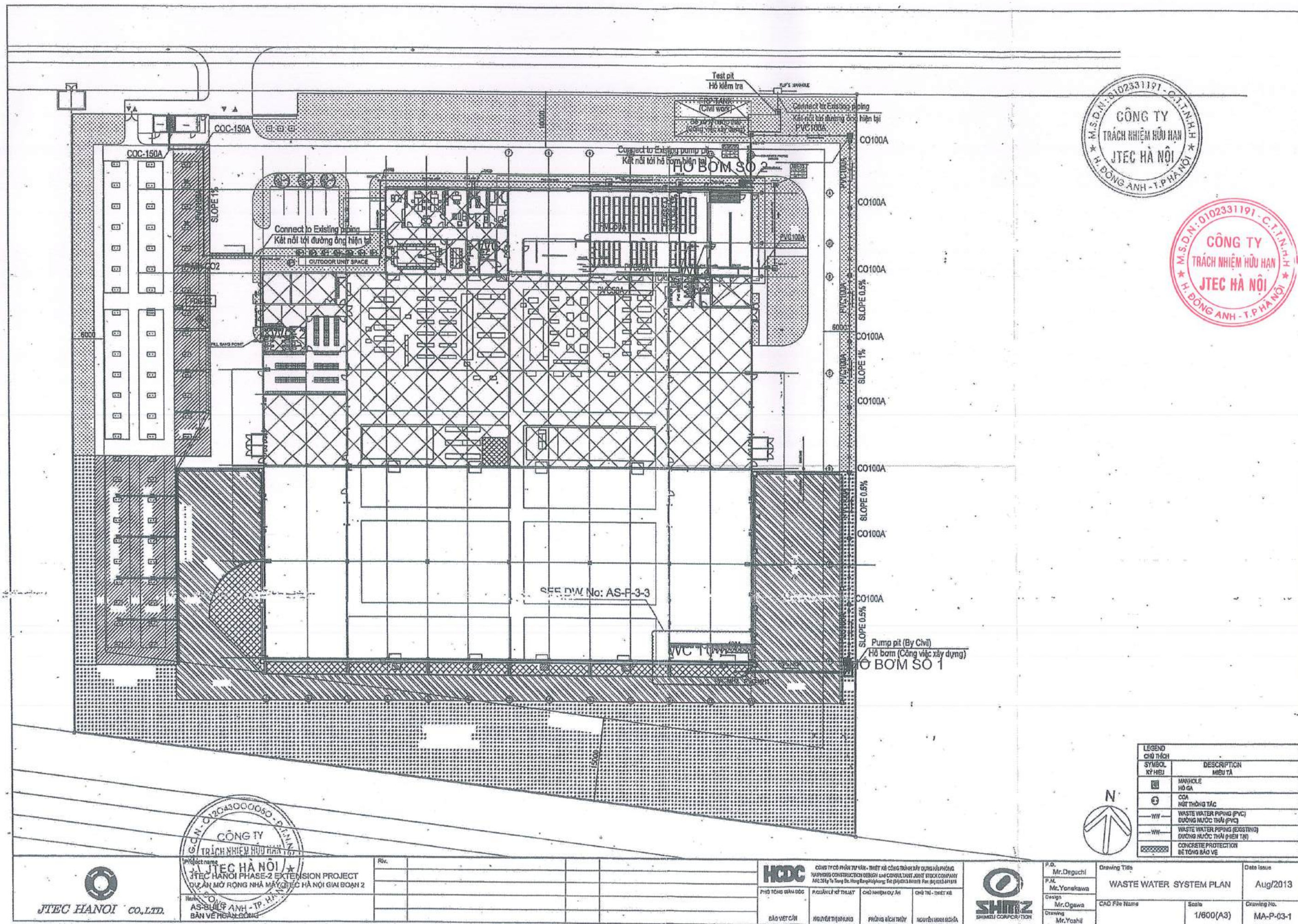


No.manhole (Hố ga)	Dimension (Kích thước)	Inlet (Đầu vào)	Outlet (Đầu ra)	Cover (Lỗ đậy)	Remark (Ghi chú)
MH-1	500x500	500	520	Ø300	Heavy duty (Tải trọng nặng)
MH-2	750x750	700	720	Ø600	Light duty (Tải trọng nhẹ)
MH-3	750x750	900	920	Ø600	Light duty (Tải trọng nhẹ)
MH-4	750x750	1,200	1,220	Ø600	Light duty (Tải trọng nhẹ)
MH-5	750x750	1,200	1,220	Ø600	Light duty (Tải trọng nhẹ)
Pump pit: w/cover	2000x2000	H=2500	520		By Civil
D(Existing)	750x750	950	550	Ø600	Light duty (Tải trọng nhẹ)
Test pit	750x750	550	550	Ø600	Light duty (Tải trọng nhẹ)
MH-6	500x500	500	520	Ø300	Light duty (Tải trọng nhẹ)
MH-CO1	500x500	H=500		Ø300	Light duty (Tải trọng nhẹ)
MH-CO2	500x500	H=500		Ø300	Light duty (Tải trọng nhẹ)

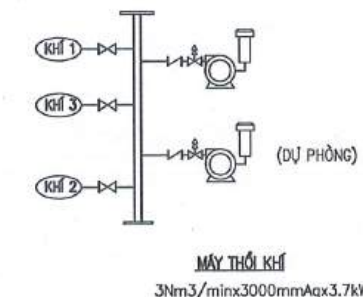
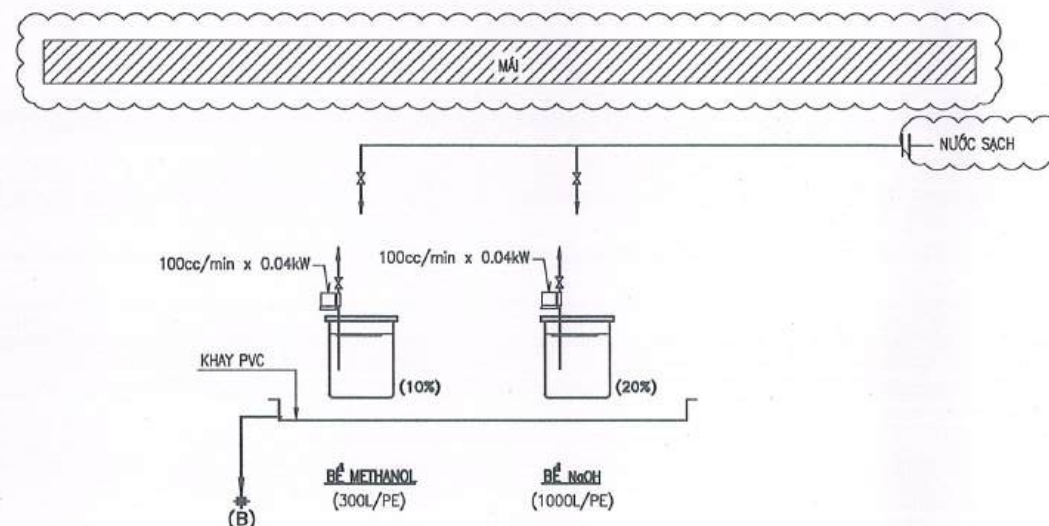
- FUTURE AREA
KHU VỰC TƯƠNG LAI
- EXISTING AREA
KHU VỰC HIỆN CÓ
- NEW AREA (EXTENSION)
KHU VỰC MỚI (MỞ RỘNG)

- ỐNG THOÁT NƯỚC
- RÀNH THOÁT NƯỚC 300 x 600
- HỐ GA KCN 800x800
- HỐ GA CÔNG TY 600x600

LEGEND	CHỮ THÍCH
SYMBOL	DESCRIPTION
	MANHOLE
	HỐ GA
	CỬA NƠI THÔNG TẮC
	WASTE WATER PIPING (PVC)
	WASTE WATER PIPING (EXISTING)
	CONCRETE PROTECTION
	BÊ TÔNG BẢO VỆ

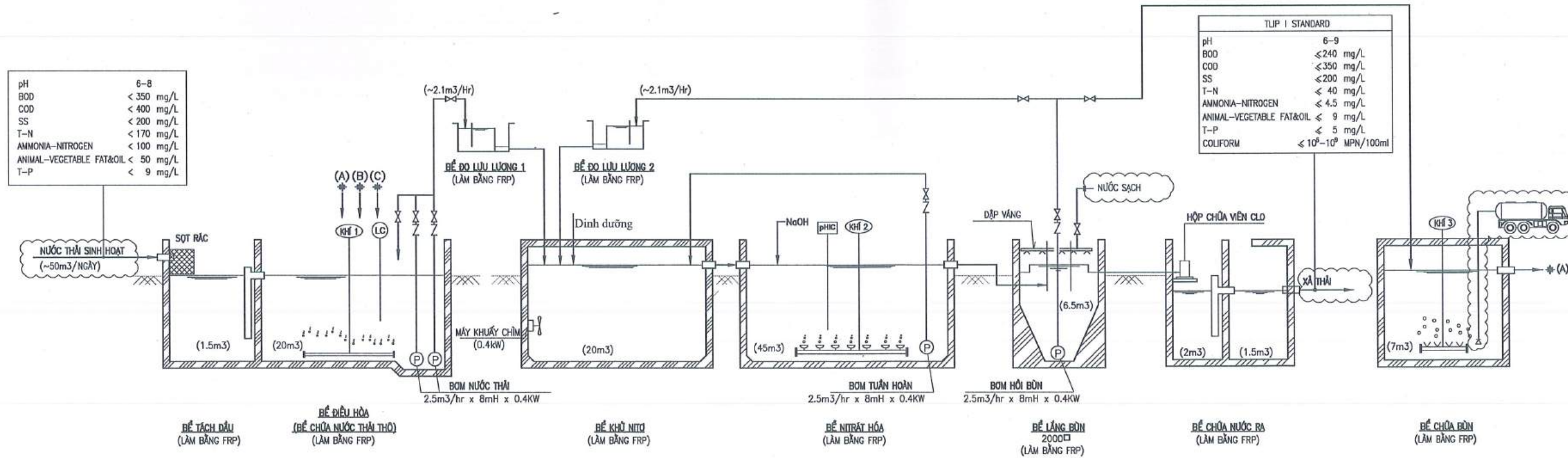


gms

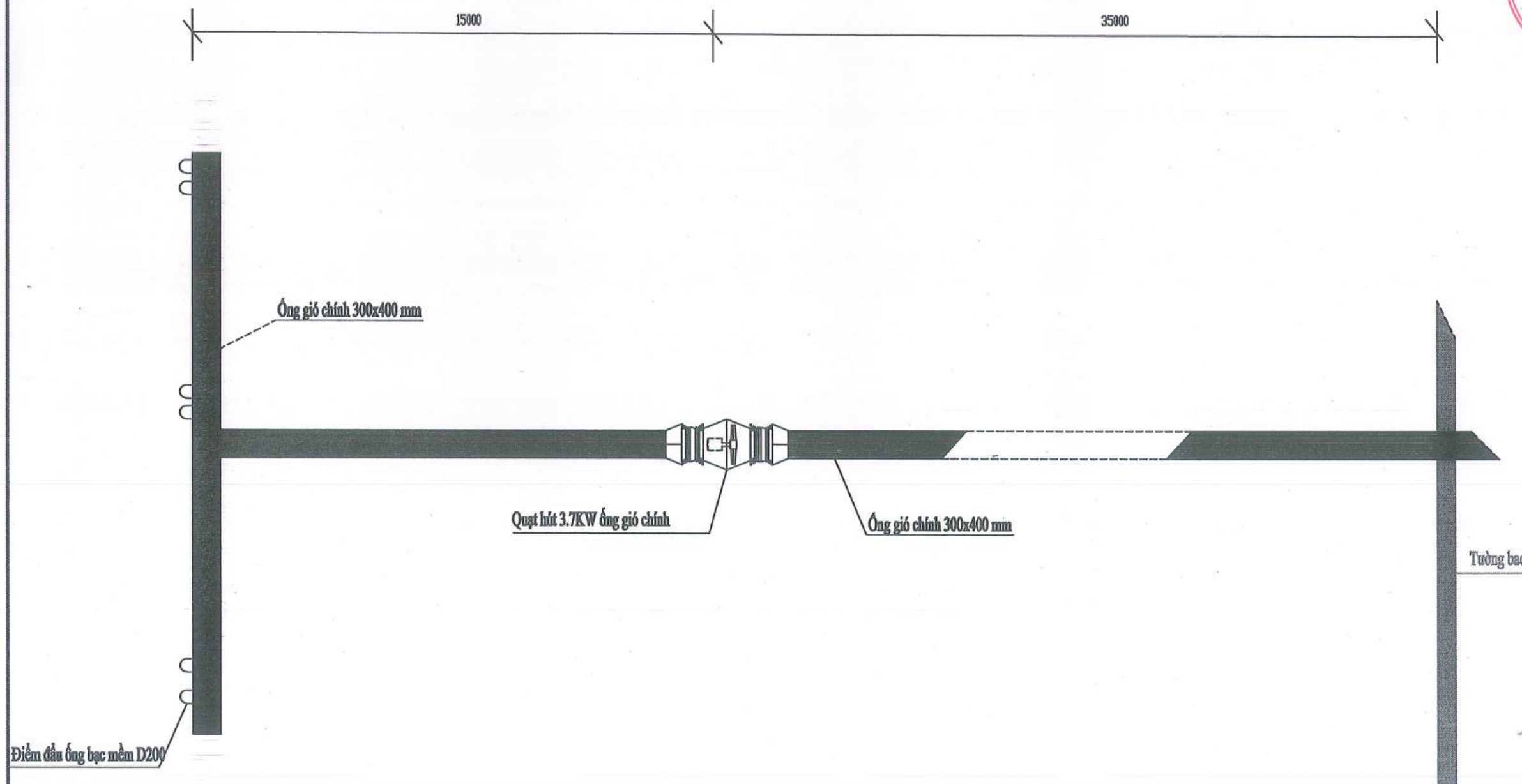


pH	6-8
BOD	< 350 mg/L
COD	< 400 mg/L
SS	< 200 mg/L
T-N	< 170 mg/L
AMMONIA-NITROGEN	< 100 mg/L
ANIMAL-VEGETABLE FAT&OIL	< 50 mg/L
T-P	< 9 mg/L

TLP I STANDARD	
pH	6-9
BOD	≤ 240 mg/L
COD	≤ 350 mg/L
SS	≤ 200 mg/L
T-N	≤ 40 mg/L
AMMONIA-NITROGEN	≤ 4.5 mg/L
ANIMAL-VEGETABLE FAT&OIL	≤ 9 mg/L
T-P	≤ 5 mg/L
COLIFORM	≤ 10 ⁶ -10 ⁹ MPN/100ml



BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
CHỈ SỬA		KHÁCH HÀNG	TÊN DỰ ÁN
LẦN SỬA		SHIMIZU CORPORATION	JTEC
NGÀY SỬA			
HỘI DUNG			
YÊU CẦU			
CÔNG TY TNHH GOSHU KOHSAN (VIỆT NAM)			
VĂN PHÒNG HÀ NỘI: LỘ P1, KHU CÔNG NGHIỆP THĂNG LONG, ĐÔNG ANH, HÀ NỘI, VIỆT NAM			
http://www.goshukohsan.com.vn			
THIẾT KẾ	L.D.HOAN	NGÀY VẼ	22/10/2011
Kiểm tra	NG.VY	NGÀY PHÁT HÀNH	01/10/2013
PHÊ DUYỆT	NG.VY	NGƯỜI VẼ	C.V.HOAN
HẠNG MỤC	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
TÊN BẢN VẼ	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ		
SỐ DỰ ÁN	-		
TÊN BẢN VẼ	DWWT-ME-001		
LẦN SỬA ĐỔI	0		
TỈ LỆ	N/A		



MẶT CẮT ĐỪNG NHÀ MÁY

HIỆU CHỈNH			
LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

GIÁM ĐỐC
CHỦ TRÌ
THIẾT KẾ
VẼ
KIỂM KỸ THUẬT

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH JTEC HÀ NỘI	
TÊN CÔNG TRÌNH	
ĐỊA ĐIỂM	
TÊN BẢN VẼ	
BẢN VẼ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI HẠN NHƯỢNG	
TỶ LỆ	BẢN VẼ SỐ

